CÔNG TY TNHH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ SDT

SDT
Plastic Piping Systems

Giới Thiệu Công Ty SDT

Với kinh nghiệm từ năm 2008 trong lĩnh vực cung cấp hệ thống đường ống, van nhựa cao cấp dùng cho các ứng dụng công nghiệp, kiểm soát ăn mòn. Chúng tôi luôn cam kết mang tới cho khách hàng các giải pháp đường ống, phụ kiện, van nhựa cùng các thiết bị điều khiển chất lượng cao, phù hợp với các ứng dụng nhằm giúp hệ thống của khách hàng được vận hành ổn định, lâu dài, an toàn và chống ăn mòn hiệu quả

Không chỉ cung cấp cho khách hàng các sản phẩm chất lượng, độ bền cao, giá cạnh tranh, đa dạng vật liệu, tiêu chuẩn và hàng có sẵn. SDT còn có các kỹ thuật viên giàu kinh nghiệm, được đào tạo bài bản, sẵn sàng tư vấn cho khách hàng lựa chọn vật liệu phù hợp với ứng dụng, chi phí phù hợp, hướng dẫn lắp đặt, căn chỉnh, kiểm tra thiết bị theo quy chuẩn nhằm đảm bảo cho thiết bị và hệ thống được vận hành ổn định, nâng cao độ bền, giảm chi phí vận hành, bảo dưỡng trong quá trình sử dụng

Thế mạnh nổi bật của SDT là công ty lưu kho hàng với số lượng lớn, với diện tích kho bãi lên tới gần 1000m2 tại hai thành phố là Hà Nội (Kho hàng tại Ngọc Hồi – Thanh Trì; kho Hải Bối – Đông Anh) và TP. Hồ Chí Minh (Kho hàng tại Tô Ký, Q.12 – TPHCM); bao gồm ống, phụ kiện, van tay, van điều khiển, từ các vật liệu nhựa cao cấp như UPVC, CPVC, PPH, PVDF, PE, ECTFE…, thuộc nhiều tiêu chuẩn như ASTM (SCH80; SCH40), JIS, DIN. Ngoài ra, chúng tôi cũng có lượng lưu kho lớn các sản phẩm khác như nhựa tấm, nhựa thanh, que hàn nhựa, các thiết bị đo GF Signet (flow, pH, ORP, Conductivity, …), keo dán ống, primer và các công cụ thi công đường ống, điều này giúp chúng tôi có thể cung cấp đa dạng hàng hóa với số lượng lớn, thời gian đáp ứng nhanh nhất cho các dự án.

SDT Company Introduction

Established from 2008, SDT has been focusing on supplying "Plastic Piping Systems" for industrial applications to handle corrosion problems. Our high quality products are in order to protect the pipelines, systems in long-life, safe operation, keep low cost maintenance and stable operation as well. We especially pledge to bring the right products of pipes, fittings, instruments and installation solution for each application ensure high corrosion resistances, low cost, safe investment and operation.

We are not only supplying high quality, diversified materials and standards, ex-stoked products with competitive price, but also offering professional advices to customers from our experienced and trained technicians regarding to right plastic material selection, suitable for application and working environments, our technicians will train and guide to customers' staffs about installation, calibration, maintenance ...

Large ex-stocked volume is an advantages to make customers confidently in cooperating with us. SDT Group owns nearly 1000m2 warehouses in both biggest cities of Vietnam, Hanoi with Ngoc Hoi warehouse in Thanh Tri district & Hai Boi warehouse in Dong Anh district; Ho Chi Minh City with To Ky warehouse in district 12). We keep ex-stocked products in our warehouses from pipes, fittings, valves from diversified materials as UPVC, CPVC, PPH, PVDF, PE, ECTFE… with all ASTM (SCH40, SCH80), JIS, DIN standards. We also store other products as semi-finished plastic products as sheets, rods, welding rods…; GF Signet instruments (flow, pH, ORP, Conductivity, …; pipe tools, Weld-On cements and primer with large quantity to meet the shortest lead time from customer's projects.

SDT

Plastic Piping Systems

WHO WE ARE

Tại Việt Nam, SDT hân hạnh được là nhà phân phối chính thức cho các hãng nổi tiếng thế giới như:
- Spears Manufacturing – Mỹ (website: www.spearsmfg.com) là một trong những hãng nổi tiếng và lớn nhất về cung cấp hệ thống đường ống nhựa UPVC, CPVC theo chuẩn ASTM
- AGRU – Áo (website: www.agru.at) là hãng sản xuất nổi tiếng thế giới từ Áo, chuyên sản xuất và cung cấp hệ thống ống nhựa hàn cao cấp như: PP, PVDF, ECTFE, PE, PFA, FEP, nhựa kỹ thuật, bán thành phẩm như nhựa tấm, nhựa thanh, dây hàn nhựa, nhựa chống thấm kỹ thuật để lót ao, hồ, kênh tưới tiêu, đường hầm…
- Shieyu (S.H & +DFP+) – Đài Loan (website: www.shieyu-valve.com.tw/): hãng nhựa sản xuất hệ thống đường ống nhựa, phụ kiện, van nhựa từ các vật liệu UPVC, CPVC, PP, PVDF, PE
- Asahi Yukizai (Asahi AV) – Nhật Bản (www.asahi-yukizai.co.jp/en/): hãng sản xuất hệ thống đường ống, phu kiện, van nhựa cao cấp từ các vật liệu UPVC, CPVC, HI-PVC, HP-PVC (Clean PVC), PP, PVDF chuẩn JIS
- Georg Fischer Signet Instruments (website: www.gfsignet.com): nổi tiếng về cung cấp các thiết bị đo, kiểm soát chất lỏng như: Lưu lượng, pH, ORP, điện dẫn, độ đục, oxy hòa tan, áp suất, nhiệt độ, mức…, chuyên dùng trong xử lý nước, hóa chất.
- IPS Weld-On (website: www.weldon.com): nhà sản xuất keo dán ống nhựa lớn nhất thế giới, chuyên cung cấp các loại keo dán ống nhựa UPVC, CPVC, ABS, các chất làm kín, dầu cắt, dầu bôi trơn…
- Reed Manufacturing (website: www.reedmfgco.com): chuyên cung cấp các công cụ thi công đường ống như: dao cắt ống, dao gọt ba via ống, kìm siết, bộ gá….
Ngoài ra, SDT cũng phân phối nhiều sản phẩm của các hãng khác)

Cùng với sự hỗ trợ từ các hãng sản xuất, chúng tôi không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng kho bãi, gia tăng số lượng và chủng loại hàng lưu kho… nhằm phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn. Bên cạnh đó SDT cũng tự biên soạn các tài liệu hướng dẫn lắp đặt các thiết bị, bảo dưỡng, vận hành một cách trực quan dễ hiểu.
Tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn lắp đặt, catalog sản phẩm khách hàng có thể download trực tiếp tại mục DOWNLOAD trên website của SDT: www.sdt.com.vn/download
Khách hàng có thể xem trực tiếp các Video Clip hướng dẫn lắp đặt, căn chỉnh, bảo dưỡng, đấu nối trên kênh YOUTUBE của SDT tại:
www.youtube.com/channel/UC2kCXxpCUhKB4EExISvNiWw
Chân thành cảm ơn!

In Vietnam, we are honor to be the official distributor of some worldwide well-known brands in plastic manufacturing as:
- Spears Manufacturing (www.spearsmfg.com): one of biggest producer from United States for UPVC and CPVC pipes, fittings, valves in ASTM
- AGRU Kunststofftechnik GmbH (www.agru.at): one of the biggest and well-known manufacturers from Austria. AGRU produces many types of plastic product as pipes, fittings, valves, semi-finished plastics, plastic lining products from diversified materials as PP, PE, PVDF, ECTFE, PFA, FEP, modified plastics
- Shie Yu Machine Parts Ind. Co., Ltd (www.shieyu-valve.com.tw/): this is the biggest manufacturer of plastic piping systems in Taiwan, they own two brands S.H & +DFP+, with more than 40 years of producing plastic. Shie Yu produces pipes, fittings, valves from many materials as UPVC, CPVC, PP, PVDF, PE in all standards as ASTM, DIN, JIS…
- Asahi Yukizai (Asahi AV) (www.asahi-yukizai.co.jp/en/): the one of the top quality brand in producing plastic valves, pipe, fittings from UPVC, CPVC, HI-PVC, HP-PVC (Clean PVC), PP, PVDF in JIS standard
- Georg Fischer Signet (www.gfsignet.com): +GF+ Brand for instrument products (flow, pH, ORP, …) are produced in United States with highest quality, reasonable prices, long-life they are using in almost water treatment systems and chemical production worldwide.
- IPS Weld-On (www.weldon.com): A biggest cements for plastic piping in the world, which use for UPVC, CPVC, ABS pipes & fittings. All cements and primer are produced in United States.
- Reed Manufacturing (www.reedmfgco.com): This is the highest quality producer for pipe tools from United States, like cutters, deburring tools…
- Furthermore, SDT Group is the official distributors from some other brands

Together with supporting from well-known manufacturers, which we are representative for them, SDT Group also continuously improves our services, expands warehouses, workshops and increases stocking volume and product range in order to serve our customers better and better. We are also preparing the technical documents by ourselves for guiding customers the installation procedures and operation guidelines for joining, welding, maintenance products and systems in simple ways.
Our technical documents, guidelines, product catalogues… customers can download from our website at: www.sdt.com.vn/download
We have been launching many video clips to guide customers how to install, calibrate, maintain devices, join and install plastic piping systems. Customers can view the clips at our YOUTUBE Chanel at:
www.youtube.com/channel/UC2kCXxpCUhKB4EExISvNiWw

THÔNG TIN VẬT LIỆU: SDT cung cấp các vật liệu đường ống, phụ kiện, van sau, dùng cho các ứng dụng công nghiệp:

SDT Plastic Piping Systems

Vật liệu đường ống, phụ kiện, thân van

Loại vật liệu	Mô tả
U-PVC	U-PVC = Unplasticized Polyvinyl Chloride Là vật liệu đường ống phổ biến nhất. Nhiệt độ làm việc: 0 - 60°C
C-PVC HT-PVC	C-PVC = Chlorinated Polyvinyl Chloride Là vật liệu tương tự UPVC, nhưng có khả năng chịu nhiệt độ cao. Nhiệt độ làm việc: 0 - 93°C
HI-PVC	HI-PVC = High Impact Polyvinyl Chloride Là vật liệu PVC gia cường thêm khả năng chịu va đập. Nhiệt độ làm việc: -5 - 60°C
HP-PVC	HP-PVC = High Purity Polyvinyl Chloride Là vật liệu PVC siêu sạch, còn gọi là Clean PVC. Nhiệt độ làm việc: 0 - 60°C
PP-H	PP-H = Polypropylene Homopolymer Là vật liệu PP có độ cứng cao, chuyên dùng trong công nghiệp. Nhiệt độ làm việc: -20 - 90°C
PP-R	PP-R = Polypropylene Random Là vật liệu PP có độ linh động cao, chuyên dùng trong dân dụng. Nhiệt độ làm việc: -20 - 90°C
PPG(FRPP)	PPG (FRPP) = Glass Reinforced Polypropylene là vật liệu PP được gia cường thêm khả năng chịu lực. Nhiệt độ làm việc: -20 - 120°C
PVDF	PVDF = Polyvinyliden Flouride Là vật liệu nhóm Flouropolymer, chịu ăn mòn, chịu nhiệt độ cao, đặc biệt với axit mạnh, hàn tốt. Nhiệt độ làm việc: -40 - 120°C
PTFE	PTFE = Polytetrafluoro ethylene, hay TEFLON Là vật liệu nhóm Flouropolymer, chịu được hầu hết mọi hóa chất, chịu nhiệt độ cao. PTFE có nhược điểm là không hàn được. Nhiệt độ làm việc: ≤ 260°C
ECTFE	ECTFE = Ethylene chlorotrifluoroethylene, Halar® Là vật liệu nhóm Flouropolymer, chịu được hầu hết mọi hóa chất, nhiệt độ cao. Nhiệt độ làm việc: -76 - 150°C
PFA	PFA = PerFluoroAlkoxy Là vật liệu nhóm Flouropolymer, tương tự PTFE, nhưng có tính chất cơ lý tốt hơn và hàn được Nhiệt độ làm việc: ≤ 260°C
FEP	FEP = Polyfluoroethylenepropylene Là vật liệu nhóm Flouropolymer, tương tự PTFE, nhưng có tính chất cơ lý tốt hơn và hàn được Nhiệt độ làm việc: ≤ 260°C
HDPE	HDPE = High-density PolyEthylene HDPE là vật liệu đường ống phổ biến nhờ độ bền, dễ thi công và chi phí. HDPE được phân ra thành PE80 và PE100 dựa theo độ bền vật liệu. Nhiệt độ làm việc của HDPE: -40 - 60°C
PE100-RC	PE100-RC = HDPE Resistance to Crack Là vật liệu PE100 được gia cường thêm khả năng chống phát triển nứt, vỡ, tăng độ bền cho ống PE lên nhiều lần (xem thêm biểu đồ Test độ bền kéo) Nhiệt độ làm việc của HDPE: -40 - 60°C
PP-s; PP-s-el HDPE-el	Đây là các vật liệu PP hoặc HDPE được cải tiến để thêm vào các tính năng cần thiết như: tự chống cháy - self extinguishing (-s); khả năng dẫn điện - electro conductive (-el) trong một số ứng dụng
PDCPD	PDCPD = Polydicyclo Pentadiene Là loại vật liệu nhựa có độ bền, độ cứng và chịu va đập tốt. Ngoài ra PDCPD cũng chịu ăn mòn tốt

Vật liệu O-ring, gasket, màng van

Loại vật liệu	Mô tả
PTFE	PTFE = Polytetrafluoro ethylene, hay TEFLON Là vật liệu nhóm Flouropolymer, chịu được hầu hết mọi hóa chất, chịu nhiệt độ cao. PTFE thường được dùng làm màng van, phủ lên gasket EPDM để tăng khả năng chịu ăn mòn. Nhiệt độ làm việc: ≤ 260°C
FKM FPM	FKM - FPM = Fluorocarbon Rubber hay VITON FPM là tên gọi theo chuẩn DIN/ISO, FKM trong chuẩn ASTM, JIS. Có khả năng chịu hóa chất, ăn mòn tốt, làm việc tốt trong môi trường dầu mỡ tốt, chịu nhiệt cao lên tới ≤ 180°C FPM (FKM) thường được dùng chế tạo Seals, O-ring, màng van...
EPDM	EPDM = Ethylene Propylene Diene Rubber. EPDM là cao su tổng hợp, chịu hóa chất, nhiệt độ, chuyên chế tạo Seals, gasket, màng van. Nhiệt độ sử dụng: ≤ 120°C
SBR	SBR = Styrene Butadiene Rubber. SBR là cao su tổng hợp, chịu mài mòn, chịu lực Nhiệt độ làm việc ≤ 120°C
NBR	NBR = Acrylonitorile Butadiene Rubber. Là cao su tổng hợp, có khả năng kháng ăn mòn, chịu lực tốt, được dùng để làm seals, gaskets Nhiệt độ sử dụng ≤ 120°C
Viflon® F FKM-F	FKM-F = Fluorocarbon Rubber of Terpolymer. Là thương hiệu do Asahi đăng ký, cao su chuyên dùng để sản xuất Gasket, Seal cho môi trường Axit mạnh như HNO3, HCl, HF...
Viflon® C FKM-C	FKM-C = Fluorocarbon Rubber of Terpolymer. Là thương hiệu do Asahi đăng ký, cao su chuyên dùng trong các môi trường NaOCl...
IIR	IIR = Isobtylen Isopren Rubber.
CSM	CSM = Chlorosulphonated Polyethlene.
Neoprene	Neoprene là cao su tổng hợp, được sản xuất từ việc trùng hợp Chloroprene, có khả năng chống ăn mòn và kháng nhiệt cao, được dùng để sản xuất Seals, Gasket.

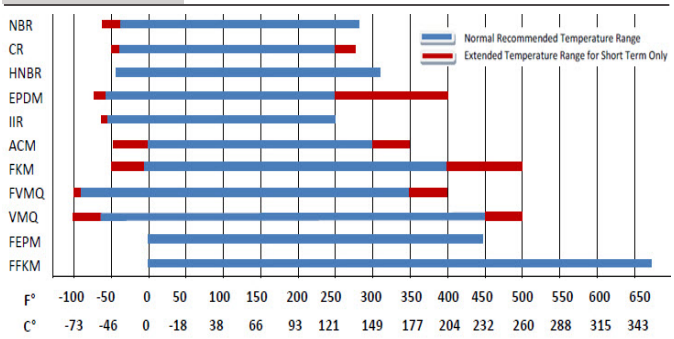

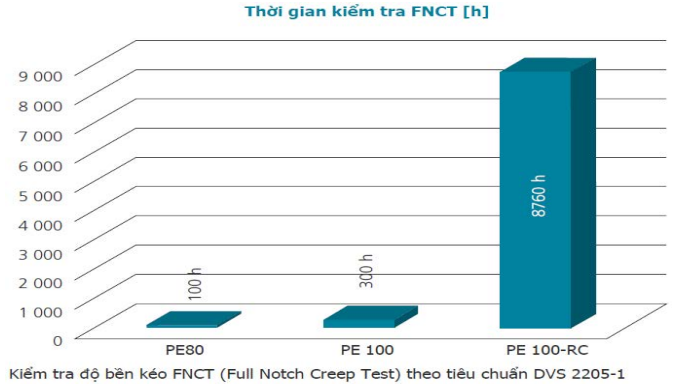

Kiểm tra độ bền kéo FNCT (Full Notch Creep Test) theo tiêu chuẩn DVS 2205-1

SDT
Plastic Piping Systems

塑膠閥門

台灣第一品牌

THERMOPLASTIC VALVE

the related products-pipes, fittings

UPVC, PP, CPVC, PPG and PVDF

THE HI-TECH'S, HI-QUALITLY'S PROUDCTS RANG

SHIEYU (S.H) TRUE UNION BALL VALVE - VAN BI SHIEYU (S.H) - ĐÀI LOAN

MANUAL — CK SERIES, CB SERIES, CD SERIES, CH SERIES

STANDARD: JIS/DIN/ANSI

BODY: U-PVC, PP, C-PVC, PVDF

O-RING: EPDM, FPM

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50, 65, 80, 100
	inch	1/2, 3/4, 1, 11/4, 11/2, 2, 2 1/2, 3, 4
CONNECTION		FLANGED, SOCKET, THREADED, SPIGOT

AUTOMATIC PNEUMATIC — CO SERIES, CQ SERIES — DOUBLE ACTING, NORMAL OPEN, NORMAL CLOSE

STANDARD: JIS/DIN/ANSI

BODY: U-PVC, PP, C-PVC, PVDF

O-RING: EPDM, FPM

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50, 65, 80, 100
	inch	1/2, 3/4, 1, 11/4, 11/2, 2, 2 1/2, 3, 4
CONNECTION		FLANGED, SOCKET, THREADED, SPIGOT

AUTOMATIC ELECTRIC — CJ SERIES — Single-Phase 100V/220V, 3-Phase 220V/380V

STANDARD: JIS/DIN/ANSI

BODY: U-PVC, PP, C-PVC, PVDF

O-RING: EPDM, FPM

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50, 65, 80, 100
	inch	1/2, 3/4, 1, 11/4, 11/2, 2, 2 1/2, 3, 4
CONNECTION		FLANGED, SOCKET, THREADED, SPIGOT

SHIEYU (S.H) DIAPHRAGM VALVES - VAN MÀNG SHIEYU (S.H) - ĐÀI LOAN

MANUAL — DF100, DF200, DF300 SERIES

JIS / DIN / ANSI

U-PVC, C-PVC, PP, PVDF

DIAPHRAGM: EPDM, PTFE

O-RING: EPDM, FKM

SIZE	mm	15 - 250mm
	inch	1/2" - 10"
CONNECTION		FLANGED, SOCKET, THREADED, SPIGOT

MANUAL — DV300 SERIES VACUUM PROOF

JIS / DIN / ANSI — BODY: U-PVC, C-PVC, PP, PVDF

SIZE	mm	80 - 250mm
	inch	3" - 10"
CONNECTION		FLANGED

AUTOMATIC PNEUMATIC

JIS / DIN / ANSI — BODY: PPS

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50
	inch	1/2, 3/4, 1, 11/4, 11/2, 2
CONNECTION		FLANGED, SOCKET, THREADED, SPIGOT

SHIEYU (S.H) BUTTERFLY VALVES - VAN BƯỚM SHIEYU (S.H) - ĐÀI LOAN

MANUAL — BE300 SERIES, BB300 SERIES

JIS / DIN / ANSI

· MEDIUM SIZE BUTTERFLY VALVE

BODY & DISK: U-PVC, PP, PVDF, C-PVC, PPG

DIAPHRAGM: EPDM, FPM

SIZE	mm	40, 50, 65, 80, 100, 125, 150, 200
	inch	11/2, 2, 2 1/2, 3, 4, 5, 6, 8
CONNECTION		WAFER FLANGED, LEVER & GEAR

MANUAL — BF300 SERIES GEAR OPERATE

JIS / DIN / ANSI

· LARGE SIZE BUTTERFLY VALVE

BODY & DISK: U-PVC, PP, PVDF, C-PVC, PPG

DIAPHRAGM: EPDM, FPM, NBR, HYPALON

SIZE	mm	200, 250, 300, 350, 400, 450, 500, 600
	inch	8, 10, 12, 14, 16, 18, 20, 24
CONNECTION		WAFER FLANGED, GEAR

MANUAL — BS300 SERIES

JIS / DIN / ANSI

· SUPPER LARGE SIZE BUTTERFLY VALVE

BODY: PP, PPG

DISK: PP, PVDF, C-PVC, PPG, U-PVC

DIAPHRAGM: EPDM, FPM, NBR, HYPALON

SIZE	mm	700, 800, 900, 1000, 1200
	inch	28, 32, 36, 40, 48
CONNECTION		FLANGED

SHIEYU (S.H) AUTOMATIC BUTTERFLY VALVES - VAN BƯỚM ĐK SHIEYU (S.H) - ĐÀI LOAN

FLANGED GASKET — SHIEYU GASKETS FG Type - RF Type

STANDARD: JIS/DIN/ANSI

MATERIAL EPDM | FPM | PTFE

SIZE	mm	15 - 600
	inch	1/2 - 24
TYPE:		RF Gasket

PNEUMATIC VALVE — SHIEYU PNEUMATIC BUTTERFLY VALVES

STANDARD: JIS/DIN/ANSI

BODY/DISK: U-PVC | PP | C-PVC | PVDF | PPG

SEAT: EPDM | FPM

SIZE	mm	50 - 600
	inch	2 - 24
CONNECTION		Wafer Flanged

ELECTRIC VALVE — SHIEYU ELECTRIC BUTTERFLY VALVES

STANDARD: JIS/DIN/ANSI

BODY/DISK: U-PVC | PP | C-PVC | PVDF | PPG

SEAT: EPDM | FPM

SIZE	mm	50 - 600
	inch	2 - 24
CONNECTION		Wafer Flanged

SHIEYU (S.H) OTHER BALL VALVES - VAN BI SHIEYU (S.H) KHÁC - ĐÀI LOAN

MANUAL VALVES — SHIEYU STRONG UNION BALL VALVE CG SERIES

JIS/DIN/ANSI

BODY: U-PVC | C-PVC | PP | PVDF

O-RING: EPDM | FPM

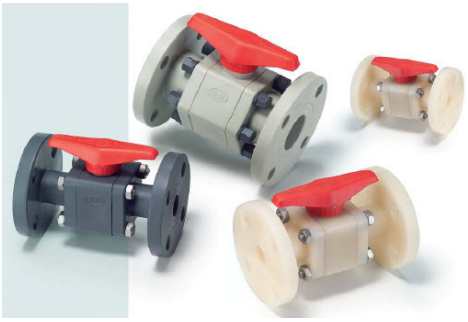

SIZE	mm	15 - 150
	inch	1/2" - 6"
CONNECTION		Flanged

MANUAL VALVES — SHIEYU 3-WAY BALL VALVE

JIS/DIN/ANSI

BODY: U-PVC/EPDM

OPERATION: L-PORT Horizontal; T-PORT Vertical

SIZE	mm	20, 25
	inch	3/4, 1
CONNECTION		Socket, Threaded

MANUAL VALVES — SHIEYU LABCOCK BALL VALVES

1/4" HOSE, 3/8" HOSE
1/4" NPT MALE, 3/8" NPT MALE
1/4" MNPT FEMALE, 3/8" MNPT FEMALE

SIZE	mm	4, 6
	inch	1/4, 3/8
CONNECTION		Hose, Female, Male

SHIEYU (S.H) CHECK VALVES (TAIWAN) - VAN MỘT CHIỀU SHIEYU (S.H) - ĐÀI LOAN

MANUAL VALVES — SHIEYU BALL CHECK VALVES - JX & JB SERIES

JIS/DIN/ANSI — VERTICAL TYPE

MATERIAL: U-PVC | PVDF | PP | C-PVC

SEALS: EPDM | FPM

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50, 65, 80, 100, 150, 250.
	inch	1/2, 3/4, 1, 1-1/4, 1-1/2, 2, 2-1/2, 3, 4, 6, 10"
CONNECTION		Socket, Threaded, Flanged

MANUAL VALVES — SHIEYU SWING CHECK VALVES - JW SERIES

JIS/DIN/ANSI — HORIZONTAL TYPE

MATERIAL: U-PVC | PVDF | PP | C-PVC | PPG

GASKET: EPDM | FPM | PTFE

SIZE	mm	25, 40, 50, 65, 80, 100, 125, 150, 200
	inch	1, 1-1/2, 2, 2-1/2, 3, 4, 5, 6, 8
CONNECTION		Flanged

MANUAL VALVES — SHIEYU WAFER CHECK VALVES - JT SERIES

JIS/DIN/ANSI — HORIZONTAL & VERTICAL TYPE

MATERIAL: U-PVC | PVDF | PP | C-PVC

SEALS: EPDM | FPM

SIZE	mm	40 - 500
	inch	1 1/2 - 20
CONNECTION		Wafer Flanged

S.H OTHER PRODUCTS (TAIWAN) - CÁC SẢN PHẨM KHÁC CỦA HÃNG S.H (ĐÀI LOAN)

MANUAL VALVE — SHIEYU Y-STRAINER EY SERIES

STANDARD: JIS/DIN/ANSI

BODY
U-PVC
SCREEN
U-PVC
O-RING
EPDM
FPM

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50, 65, 80, 100
	inch	1/2, 3/4, 1, 1 1/4, 1 1/2, 2, 2 1/2, 3, 4
CONNECTION		Socket, Threaded, Flanged

MANUAL VALVE — SHIEYU T-STRAINER JS SERIES

BODY & SCREEN
U-PVC
PP
C-PVC
PVDF
PPG

STANDARD: JIS/DIN/ANSI

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50, 65, 80, 100, 125, 150, 200
	inch	1/2, 3/4, 1, 1 1/4, 1 1/2, 2, 2 1/2, 3, 4, 5, 6, 8
CONNECTION		Flanged

MANUAL VALVE — INSPECTION GLASS EI SERIES

STANDARD: JIS/DIN/ANSI

BODY
U-PVC
PP
C-PVC
PVDF
PPG

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50, 65, 80, 100, 125, 150, 200, 250
	inch	1/2, 3/4, 1, 1 1/4, 1 1/2, 2, 2 1/2, 3, 4, 5, 6, 8, 10
CONNECTION		Flanged

S.H OTHER PRODUCTS (TAIWAN) - CÁC SẢN PHẨM KHÁC CỦA HÃNG S.H (ĐÀI LOAN)

MANUAL VALVE — SHIEYU FOOT VALVE JF SERIES

JIS / DIN / ANSI

BODY
U-PVC
C-PVC
PP
PVDF
PPG
O-RING
EPDM
FPM

SIZE	mm	15 - 250
	inch	1/2" - 10"
CONNECTION		Socket, Threaded, Flanged

MANUAL VALVE — SHIEYU GAUGE VALVES EG300 SERIES & CLEAR PVC PIPE

JIS / ANSI Clear PVC pipe SCH40/SCH80, JIS

VALVE BODY
U-PVC
PP
PVDF
PPG
O-RING
EPDM
FPM

SIZE	mm	valve: 20, 25; Pipe: DN15 - DN300
	inch	valve: 3/4, 1; Pipe: DN15 - DN300
CONNECTION		Flanged 20A-3/4"; 25A-1"; OD Tube: 20mm

PIPE & FITTINGS — SHIEYU PVDF PIPE & FITTING

PIPE THICKNESS
SDR 17 - PN20
SDR 21 - PN16
SDR 33 - PN10

FITTING TYPES
Socket fusion
Butt welding
Fabricated

SIZE	mm	OD16 - OD630mm
	inch	3/8" - 24"
STANDARD		DIN ISO 10931

SHIEYU PIPE & FITTING (TAIWAN) - ĐƯỜNG ỐNG & PHỤ KIỆN SHIEYU (ĐÀI LOAN)

PIPE & FITTINGS — SHIEYU UPVC PIPE & FITTING SCH80

NSF Approved

Woking temperature: 0-60°C

SIZE	mm	DN15 - DN600
	in	1/2" - 24"
Standard		SCH80 ASTM D1785 - ASTM D2467

PIPE & FITTINGS — SHIEYU CPVC PIPE & FITTING SCH80

Woking temperature: 0-93°C

NSF Approved

SIZE	mm	DN15 - DN600
	in	1/2" - 24"
Standard		SCH80 ASTM F441 - ASTM F439

PIPE & FITTINGS — SHIEYU PPH - PPR - HDPE PIPE & FITTING DIN STANDARD

PIPE THICKNESS
SDR 7.25 - PN16
SDR 11 - PN10
SDR 17 - PN6
SDR 26 - PN4
SDR 33 - PN3.2
SDR 41 - PN2.5
Ventilation Pipe

FITTING TYPES
Socket fusion
Butt welding
Fabricated

Woking temperature: PP:-20 - 90°C; HDPE -40 - 60°C

SIZE	mm	OD10mm - OD2500mm
	in	1/4" - 100"
Standard		DIN 8077/8078

Dải sản phẩm hệ thống đường ống Asahi

Hệ thống đường ống Asahi được sản xuất từ nhiều vật liệu nhựa cao cấp, được bổ xung thêm các tính năng khác như chịu nhiệt cao (HT-PVC), chịu lực (HI-PVC), siêu sạch (HP-PVC) và khả năng kháng chịu hóa chất phù hợp với nhiều ứng dụng khác nhau.

PVC Pipes・Fittings

CPVC Pipes

PP Pipes・Fittings

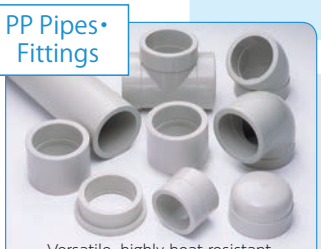

Versatile, highly heat resistant, high strength type

FRP reinforeced PP & PVC pipes

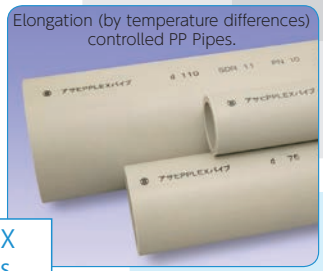

Elongation (by temperature differences) controlled PP Pipes.

PPLEX Pipes

Dải sản phẩm mới của Asahi

Bộ phận Nghiên cứu, Phát triển (R&D) đã phát triển nhiều dải sản phẩm, giải pháp mới nhằm pha trộn, tăng độ an toàn, điều khiển chính xác hệ thống.

Ống hai lớp Asahi

Valves

ASAHI AV

Thương hiệu Van nhựa Asahi AV đến từ Nhật Bản từ lâu đã được khẳng định về chất lượng, độ bền, uy tín trên toàn cầu, dùng cho các ứng dụng công nghiệp

Dymatrix™

Asahi Dymatrix là các sản phẩm có độ chính xác cao, siêu sạch dùng cho lĩnh vực bán dẫn, điện tử

AVPV SERIES

Under the brand of ASAHI AV, we have arrayed the most reliable plastic valve lineups sandwiched tube construction (pinch seal) increases the resistance of the valve to clogging by solid particles or foreign matter.

AVHPR SERIES

Constant pressure valves that enable stable flow rate control by suppressing pressure changes such as those caused by pump pulsations, etc.

FALCONICS™

Slurry control unit integrated with a pinch valve, a flow meter and a control part that together meet the needs for further miniaturization and precision control.

New Axial Mixer

Engineering services

Taking advantage of our superior familiarity with plastic piping materials, we provide total solutions ranging from plumbing designs for various industries to plumbing work.

PP Tanks that are resistant to acids and alkalis are also included in our product lineups.

PP Tank

Ozonizer

Ejector

Photo of the secondary side

ASAHI DIAPHRAGM VALVE TYPE 14 - VAN MÀNG NỐI BÍCH ASAHI TYPE 14

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- QUICK DIAPHRAGM REPLACEMENT (BAYONET STRUCTURE)

U-PVC | C-PVC | PP | PVDF

DIAPHRAGM: EPDM | PTFE | FKM

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50, 65, 80, 100
	inch	1/2, 3/4, 1, 1 1/4, 1 1/2, 2, 2 1/2, 3, 4
CONNECTION		FLANGED

AUTOMATIC PNEUMATIC TYPE AN / TYPE AV — DOUBLE ACTING, AIR TO OPEN, AIR TO SHUT

JIS / DIN / ANSI

- TYPE AN: PLASTIC ACTUATOR WITH EXCELLENT CORROSION RESISTANCE
- TYPE AN: LIGHT WEIGHT AND COMPACT SIZE

U-PVC | C-PVC | PP | PVDF

DIAPHRAGM: EPDM | PTFE | FKM

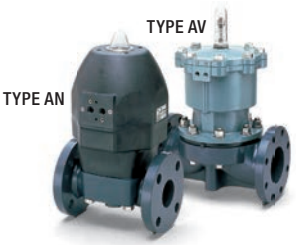

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50, 65, 80, 100
	inch	1/2, 3/4, 1, 1 1/4, 1 1/2, 2, 2 1/2, 3, 4
CONNECTION		FLANGED

AUTOMATIC ELECTRIC TYPE H / TYPE M — Single-Phase 100V, Single-Phase 200V, DC24V * (* TYPE M only.)

JIS / DIN / ANSI

- TYPE M: HIGH ACCURACY CONTROL

U-PVC | C-PVC | PP | PVDF

DIAPHRAGM: EPDM | PTFE | FKM

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50, 65, 80, 100
	inch	1/2, 3/4, 1, 1 1/4, 1 1/2, 2, 2 1/2, 3, 4
CONNECTION		FLANGED

ASAHI TRUE UNION DIAPHRAGM VALVE TYPE 14 - VAN MÀNG NỐI RẮC CO ASAHI TYPE 14

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- TRUE UNION TYPE ALLOWING REMOVAL FROM THE LINE

U-PVC | C-PVC | PP | PVDF

DIAPHRAGM: EPDM | PTFE

O-RING: EPDM | FKM

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50
	inch	1/2, 3/4, 1, 1 1/4, 1 1/2, 2
CONNECTION		SOCKET, THREADED, SPIGOT

AUTOMATIC PNEUMATIC TYPE AN — DOUBLE ACTING, AIR TO OPEN, AIR TO SHUT

JIS / DIN / ANSI

- PLASTIC ACTUATOR WITH EXCELLENT CORROSION RESISTANCE
- LIGHT WEIGHT AND COMPACT SIZE

U-PVC | C-PVC | PP | PVDF

DIAPHRAGM: EPDM | PTFE

O-RING: EPDM | FKM

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50
	inch	1/2, 3/4, 1, 1 1/4, 1 1/2, 2
CONNECTION		SOCKET, THREADED, SPIGOT

AUTOMATIC ELECTRIC TYPE H / TYPE M — Single-Phase 100V, Single-Phase 200V, DC24V * (* TYPE M only.)

JIS / DIN / ANSI

- TYPE M: HIGH ACCURACY CONTROL

U-PVC | C-PVC | PP | PVDF

DIAPHRAGM: EPDM | PTFE

O-RING: EPDM | FKM

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50
	inch	1/2, 3/4, 1, 1 1/4, 1 1/2, 2
CONNECTION		SOCKET, THREADED, SPIGOT

ASAHI DIAPHRAGM VALVE TYPE 15 - VAN MÀNG NỐI BÍCH ASAHI TYPE 15

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- MEDIUM SIZE DIAPHRAGM VALVE

U-PVC | PP | PVDF

DIAPHRAGM: EPDM | PTFE | FKM

SIZE	mm	125, 150
	inch	5, 6
CONNECTION		FLANGED

AUTOMATIC PNEUMATIC TYPE AV — DOUBLE ACTING, AIR TO OPEN, AIR TO SHUT

JIS / DIN / ANSI

- NEAR-LINEAR FLOW CHARACTERISTICS

U-PVC | PP | PVDF

DIAPHRAGM: EPDM | PTFE | FKM

SIZE	mm	125, 150
	inch	5, 6
CONNECTION		FLANGED

AUTOMATIC ELECTRIC TYPE H / TYPE S — Single-Phase 100V, Single-Phase 200V, Three-Phase AC200V, Three-Phase AC400V

JIS / DIN / ANSI

U-PVC | PP | PVDF

DIAPHRAGM: EPDM | PTFE | FKM

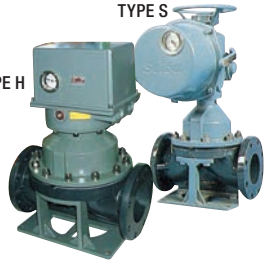

SIZE	mm	125, 150
	inch	5, 6
CONNECTION		FLANGED

ASAHI DIAPHRAGM VALVE TYPE 72 - VAN MÀNG NỐI BÍCH ASAHI TYPE 72

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- LARGE SIZE DIAPHRAGM VALVE

U-PVC PP PVDF

DIAPHRAGM
EPDM PTFE FKM

SIZE	mm	200, 250
	inch	8, 10
CONNECTION		FLANGED

AUTOMATIC PNEUMATIC TYPE AV — DOUBLE ACTING

JIS / DIN / ANSI

- NEAR-LINEAR FLOW CHARACTERISTICS

U-PVC PP PVDF

DIAPHRAGM
EPDM PTFE FKM

SIZE	mm	200, 250
	inch	8, 10
CONNECTION		FLANGED

AUTOMATIC ELECTRIC TYPE S — Three-Phase AC200V, Three-Phase AC400V

JIS / DIN / ANSI

U-PVC PP PVDF

DIAPHRAGM
EPDM PTFE FKM

SIZE	mm	200, 250
	inch	8, 10
CONNECTION		FLANGED

DIAPHRAGM VALVE (TYPE AI)

AUTOMATIC PNEUMATIC TYPE AI — DOUBLE ACTING, AIR TO OPEN, AIR TO SHUT

JIS / DIN / ANSI

- MAXIMUM WORKING PRESSURE: 1.0 Mpa
- HIGH DURABILITY ALLOWING MORE THAN 500,000 TIMES OF OPENING/CLOSING

U-PVC C-PVC PP PVDF

DIAPHRAGM
EPDM PTFE FKM

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50
	inch	1/2, 3/4, 1, 11/4, 11/2, 2
CONNECTION		FLANGED

TRUE UNION DIAPHRAGM VALVE (TYPE AI)

AUTOMATIC PNEUMATIC TYPE AI — DOUBLE ACTING, AIR TO OPEN, AIR TO SHUT

JIS / DIN / ANSI

- MAXIMUM WORKING PRESSURE: 1.0 Mpa
- HIGH DURABILITY ALLOWING MORE THAN 500,000 TIMES OF OPENING/CLOSING

U-PVC C-PVC PP PVDF

DIAPHRAGM
EPDM PTFE

O-RING
EPDM FKM

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50
	inch	1/2, 3/4, 1, 11/4, 1 1/2, 2
CONNECTION		SOCKET, THREADED, SPIGOT

DIAPHRAGM VALVE TYPE 16

AUTOMATIC PNEUMATIC TYPE AD — DOUBLE ACTING, AIR TO OPEN

JIS / DIN / ANSI

- HIGH DURABILITY ALLOWING MORE THAN 1 MILLION TIMES OF OPENING/CLOSING (PARTS NOT REPLACEABLE)

U-PVC

DIAPHRAGM
EPDM PTFE

O-RING
EPDM FKM

SIZE	mm	15, 20, 25, 40, 50
	inch	1/2, 3/4, 1, 11/2, 2
CONNECTION		FLANGED, SOCKET, THREADED

ASAHI BALL VALVE TYPE 21, 21α - VAN BI ASAHI TYPE 21, 21α

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- DOUBLE O-RING USED FOR THE STEM
- IMPROVED DURABILITY AND SEALING PERFORMANCE

U-PVC C-PVC PP PVDF

O-RING
EPDM FKM

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50, 65, 80, 100
	inch	1/2, 3/4, 1, 11/4, 11/2, 2, 2 1/2, 3, 4
CONNECTION		FLANGED, SOCKET, THREADED, SPIGOT

AUTOMATIC PNEUMATIC TYPE TA TYPE AA — DOUBLE ACTING, AIR TO OPEN, AIR TO SHUT

JIS / DIN / ANSI

- TYPE AA: PLASTIC ACTUATOR

U-PVC C-PVC PP PVDF

O-RING
EPDM FKM

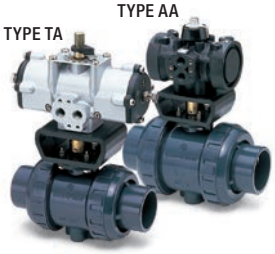

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50, 65, 80, 100
	inch	1/2, 3/4, 1, 11/4, 11/2, 2, 2 1/2, 3, 4
CONNECTION		FLANGED, SOCKET, THREADED, SPIGOT

AUTOMATIC ELECTRIC TYPE T — Single-Phase 100V, Single-Phase 200V

JIS / DIN / ANSI

U-PVC C-PVC PP PVDF

O-RING
EPDM FKM

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50, 65, 80, 100
	inch	1/2, 3/4, 1, 11/4, 11/2, 2, 2 1/2, 3, 4
CONNECTION		FLANGED, SOCKET, THREADED, SPIGOT

ASAHI WATER BALL VALVE (WATER ONLY) - VAN BI NƯỚC ASAHI

MANUAL

JIS

- WATER ONLY TYPE

U-PVC

O-RING
EPDM

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50
	inch	1/2, 3/4, 1, 11/4, 11/2, 2
CONNECTION		SOCKET, THREADED

AUTOMATIC PNEUMATIC TYPE VC — DOUBLE ACTING, AIR TO OPEN, AIR TO SHUT

JIS

- PLASTIC ACTUATOR WITH EXCELLENT CORROSION RESISTANCE

U-PVC

O-RING
EPDM

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50
	inch	1/2, 3/4, 1, 11/4, 11/2, 2
CONNECTION		SOCKET, THREADED

AUTOMATIC ELECTRIC TYPE V — Single-Phase 100V, Single-Phase 200V, DC24V

JIS

U-PVC

O-RING
EPDM

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50
	inch	1/2, 3/4, 1, 11/4, 11/2, 2
CONNECTION		SOCKET, THREADED

ASAHI 3-WAY BALL VALVE TYPE 23 - VAN BI 3-CỔNG ASAHI

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- SWITCHING BETWEEN TWO FLOW CHANNELS AND STOPPING ARE AVAILABLE.

U-PVC C-PVC PP PVDF

O-RING
EPDM FKM

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50, 65, 80, 100
	inch	1/2, 3/4, 1, 11/4, 11/2, 2, 2 1/2, 3, 4
CONNECTION		FLANGED, SOCKET, THREADED, SPIGOT

AUTOMATIC PNEUMATIC TYPE TA — DOUBLE ACTING, AIR TO OPEN, AIR TO SHUT

JIS / DIN / ANSI

U-PVC C-PVC PP PVDF

O-RING
EPDM FKM

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50, 65, 80, 100
	inch	1/2, 3/4, 1, 11/4, 11/2, 2, 2 1/2, 3, 4
CONNECTION		FLANGED, SOCKET, THREADED, SPIGOT

AUTOMATIC ELECTRIC TYPE T — Single-Phase 100V, Single-Phase 200V

JIS / DIN / ANSI

U-PVC C-PVC PP PVDF

O-RING
EPDM FKM

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50, 65, 80, 100
	inch	1/2, 3/4, 1, 11/4, 11/2, 2, 2 1/2, 3, 4
CONNECTION		FLANGED, SOCKET, THREADED, SPIGOT

3 WAY BALL VALVE TYPE 23 H

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- HORIZONTAL 3 WAY BALL VALVE

PP

O-RING
EPDM FKM

SIZE	mm	25, 32, 40
	inch	1, 1 1/4, 1 1/2
CONNECTION		FLANGED, SOCKET, THREADED, SPIGOT

ASAHI LAB COCK

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- WIDE SELECTION FROM 16 TYPES

U-PVC

SEAT
PTFE EPDM

O-RING
EPDM FKM

SIZE	mm	—
	inch	1/4, 3/8, 1/2
CONNECTION		HOSE, MALE THREAD, FEMALE THREAD

ASAHI COMPACT BALL VALVE

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- LIGHT WEIGHT AND COMPACT SIZE
- IDEAL FOR INSTALLATION IN NARROW SPACES

U-PVC C-PVC

SEAT
PTFE

O-RING
EPDM FKM

SIZE	mm	13, 15, 20, 25, 32, 40, 50, 80
	inch	3/8, 1/2, 3/4, 1, 11/4, 11/2, 2, 3
CONNECTION		SOCKET, THREADED

ASAHI BUTTERFLY VALVE TYPE 57 - VAN BƯỚM ASAHI TYPE 57

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- EXCELLENT CORROSION RESISTANCE PLASTIC HANDLE, PLASTIC GEARBOX

U-PVC PP PVDF

SEAT EPDM FKM

SIZE	mm	40, 50, 65, 80, 100, 125, 150, 200, 250, 300, 350
	inch	11/2, 2, 2 1/2, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 12, 14
CONNECTION		WAFER

AUTOMATIC PNEUMATIC TYPE TA — DOUBLE ACTING, AIR TO OPEN, AIR TO SHUT

JIS / DIN / ANSI

U-PVC PP PVDF

SEAT EPDM FKM

SIZE	mm	40, 50, 65, 80, 100, 125, 150, 200, 250, 300, 350
	inch	11/2, 2, 2 1/2, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 12, 14
CONNECTION		WAFER

AUTOMATIC ELECTRIC TYPE T / TYPE S — Single-Phase 100V, Single-Phase 200V, Three-Phase AC200V, Three-Phase AC400V

JIS / DIN / ANSI

U-PVC PP PVDF

SEAT EPDM FKM

SIZE	mm	40, 50, 65, 80, 100, 125, 150, 200, 250, 300, 350
	inch	11/2, 2, 2 1/2, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 12, 14
CONNECTION		WAFER

ASAHI BUTTERFLY VALVE TYPE 56 - VAN BƯỚM ASAHI TYPE 56

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- MIDDLE SIZE BUTTERFLY VALVE

PP PVDF

SEAT EPDM FKM

SIZE	mm	400
	inch	16
CONNECTION		WAFER

AUTOMATIC PNEUMATIC TYPE TA — DOUBLE ACTING, AIR TO OPEN, AIR TO SHUT

JIS / DIN / ANSI

PP PVDF

SEAT EPDM FKM

SIZE	mm	400
	inch	16
CONNECTION		WAFER

AUTOMATIC ELECTRIC TYPE S — Three-Phase AC200V, Three-Phase AC400V

JIS / DIN / ANSI

PP PVDF

SEAT EPDM FKM

SIZE	mm	400
	inch	16
CONNECTION		WAFER

ASAHI BUTTERFLY VALVE TYPE 75 - VAN BƯỚM ASAHI TYPE 75

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- MIDDLE SIZE BUTTERFLY VALVE

PP PVDF

SEAT EPDM FKM

SIZE	mm	450, 500, 600
	inch	18, 20, 24
CONNECTION		WAFER

AUTOMATIC PNEUMATIC TYPE TW — DOUBLE ACTING

JIS / DIN / ANSI

PP PVDF

SEAT EPDM FKM

SIZE	mm	450, 500, 600
	inch	18, 20, 24
CONNECTION		WAFER

AUTOMATIC ELECTRIC TYPE S — Three-Phase AC200V, Three-Phase AC400V

JIS / DIN / ANSI

PP PVDF

SEAT EPDM FKM

SIZE	mm	450, 500, 600
	inch	18, 20, 24
CONNECTION		WAFER

ASAHI BUTTERFLY VALVE TYPE 56D, 75D - VAN BƯỚM ASAHI TYPE 56D, 75D

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- PRESSURE RESISTANCE IMPROVED BY USE OF PDCPD BODY

PDCPD

SEAT
EPDM FKM

SIZE	mm	400, 450, 500, 600
	inch	16, 18, 20, 24
CONNECTION		WAFER

AUTOMATIC PNEUMATIC TYPE TW — DOUBLE ACTING

JIS / DIN / ANSI

PDCPD

SEAT
EPDM FKM

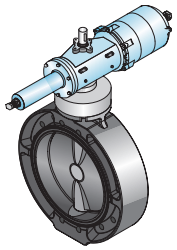

SIZE	mm	400, 450, 500, 600
	inch	16, 18, 20, 24
CONNECTION		WAFER

AUTOMATIC ELECTRIC TYPE S — Three-Phase AC200V, Three-Phase AC400V

JIS / DIN / ANSI

PDCPD

SEAT
EPDM FKM

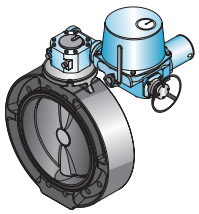

SIZE	mm	400, 450, 500, 600
	inch	16, 18, 20, 24
CONNECTION		WAFER

ASAHI BUTTERFLY VALVE TYPE 55 - VAN BƯỚM LÓT PTFE ASAHI TYPE 55

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- IDEAL FOR CORROSIVE CHEMICAL LINE

FCD-S (EPOXY POWDER COATING)

SEAT
PTFE

SIZE	mm	50, 80, 100, 125, 150, 200, 250
	inch	2, 3, 4, 5, 6, 8, 10
CONNECTION		WAFER

AUTOMATIC PNEUMATIC TYPE TA — DOUBLE ACTING, AIR TO OPEN, AIR TO SHUT

JIS / DIN / ANSI

FCD-S (EPOXY POWDER COATING)

SEAT
PTFE

SIZE	mm	50, 80, 100, 125, 150, 200, 250
	inch	2, 3, 4, 5, 6, 8, 10
CONNECTION		WAFER

AUTOMATIC ELECTRIC TYPE T, TYPE S — Single-Phase 100V, Single-Phase 200V, Three-Phase AC200V, Three-Phase AC400V

JIS / DIN / ANSI

FCD-S (EPOXY POWDER COATING)

SEAT
PTFE

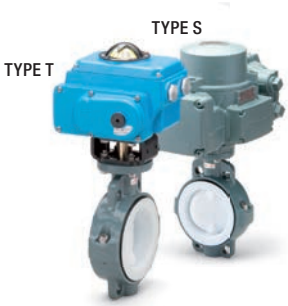

SIZE	mm	50, 80, 100, 125, 150, 200, 250
	inch	2, 3, 4, 5, 6, 8, 10
CONNECTION		WAFER

BUTTERFLY VALVE TYPE 55IS

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- IDEAL FOR CORROSIVE CHEMICAL LINE
- ISO-COMPLIANT SHORT FACE-TO-FACE DIMENSION
- AUTOMATIVE OPERATION AVAILABLE AS WITH TYPE 55

FCD450 (EPOXY POWDER COATING)

SEAT
PTFE

SIZE	mm	50, 65, 80, 100, 125, 150, 200
	inch	2, 2 1/2, 3, 4, 5, 6, 8
CONNECTION		WAFER

LUG BUTTERFLY VALVE TYPE 57L

MANUAL

JIS / DIN

- SINGLE PIPING AVAILABLE BY THE USE OF LUG STRUCTURE (DIRECTION OF FLOW FIXED)

PDCPD

SEAT
PTFE FKM
NBR

SIZE	mm	80, 100, 125, 150, 200, 250
	inch	3, 4, 5, 6, 8, 10
CONNECTION		WAFER

LUG BUTTERFLY VALVE TYPE 57TL

MANUAL

ANSI

- SINGLE PIPING AVAILABLE BY THE USE OF LUG STRUCTURE (DIRECTION OF FLOW NOT FIXED)

U-PVC

SEAT
EPDM FKM
NBR

SIZE	mm	80, 100, 150, 200, 250, 300
	inch	3, 4, 5, 6, 8, 10, 12
CONNECTION		WAFER

ASAHI PDCPD LARGE SIZE BUTTERFLY VALVE

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- PDCPD PLASTIC BODY WITH EXCELLENT CORROSION RESISTANCE

PDCPD

SEAT
EPDM

SIZE	mm	700, 800, 900, 1000, 1100, 1200
	inch	28, 32, 36, 40, 44, 48
CONNECTION		WAFER

AUTOMATIC ELECTRIC TYPE S — Three-Phase AC200V / Three-Phase AC400V

JIS / DIN / ANSI

PDCPD

SEAT
EPDM

SIZE	mm	700, 800, 900, 1000, 1100, 1200
	inch	28, 32, 36, 40, 44, 48
CONNECTION		WAFER

ASAHI ROTARY DAMPER

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- AIR VOLUME CONTROL (COMPLETE SHUT UNAVAILABLE)

U-PVC PP
PVDF

SEAL
EPDM FKM
PTFE

SIZE	mm	40, 50, 65, 80, 100, 125, 150, 200, 250, 300, 350, 400, 450, 500, 600
	inch	11/2, 2, 2 1/2, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20, 24
CONNECTION		WAFER

AUTOMATIC PNEUMATIC TYPE TA — DOUBLE ACTING / AIR TO OPEN / AIR TO SHUT

JIS / DIN / ANSI

U-PVC PP
PVDF

SEAL
EPDM FKM
PTFE

SIZE	mm	40, 50, 65, 80, 100, 125, 150, 200, 250, 300, 350, 400, 500, 600
	inch	11/2, 2, 2 1/2, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20, 24
CONNECTION		WAFER

AUTOMATIC ELECTRIC TYPE T / TYPE S — Single-Phase 100V / Single-Phase 200V / Three-Phase AC200V / Three-Phase AC400V

JIS / DIN / ANSI

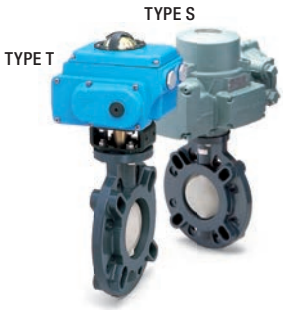

U-PVC PP
PVDF

SEAL
EPDM FKM
PTFE

SIZE	mm	40, 50, 65, 80, 100, 125, 150, 200, 250, 300, 350, 400, 450, 500, 600
	inch	11/2, 2, 2 1/2, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20, 24
CONNECTION		WAFER

ASAHI CONTROL VALVE - VAN ĐIỀU KHIỂN TUYẾN TÍNH ASAHI

AUTOMATIC PNEUMATIC TYPE AV — DOUBLE ACTING / AIR TO OPEN

JIS / DIN / ANSI

- HIGH ACCURACY CONTROL

U-PVC PVDF

SEAL
EPDM FKM-F
FKM-C

SIZE	mm	15, 25, 50, 80, 100
	inch	1/2, 1, 2, 3, 4
CONNECTION		FLANGED

AUTOMATIC ELECTRIC TYPE M — Single-Phase 100V / Single-Phase 200V / DC24V

JIS / ANSI

- HIGH ACCURACY CONTROL

U-PVC PVDF

SEAL
EPDM FKM-F
FKM-C

SIZE	mm	15, 25, 50, 80, 100
	inch	1/2, 1, 2, 3, 4
CONNECTION		FLANGED

ASAHI SWING CHECK VALVE

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- ARM-TYPE CHECK VALVE WITH LOW FLUID RESISTANCE

HI-PVC PP PVDF

SEAT
EPDM FKM PTFE PFA

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50, 65, 80, 100, 125, 150, 200
	inch	1/2, 3/4, 1, 11/4, 11/2, 2, 21/2, 3, 4 , 5 , 6 , 8
CONNECTION		FLANGED

ASAHI WAFER CHECK VALVE

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- CORROSION RESISTANCE IMPROVED BY COATED SPRING AND ALL-PLASTIC WETTED PARTS

U-PVC

O-RING
EPDM FKM

SIZE	mm	80, 100, 125, 150, 200, 250, 300
	inch	3, 4, 5, 6, 8, 10, 12
CONNECTION		WAFER

ASAHI BALL CHECK VALVE

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- FLOW CHANNEL STRUCTURE WITH LOW LIQUID RESISTANCE

U-PVC C-PVC PP PVDF

SEAT
EPDM FKM

SIZE	mm	15, 20, 25, 40, 50, 80, 100
	inch	1/2, 3/4, 1, 11/2, 2, 3, 4
CONNECTION		FLANGED, SOCKET, THREADED

ASAHI TRUE UNION BALL CHECK VALVE

MANUAL

DIN / ANSI

- REMOVABLE WITHOUT DISCONNECTING THE PIPES BY LOOSENING THE UNIONS ON BOTH SIDES

U-PVC C-PVC PP PVDF

SEAT
EPDM FKM

SIZE	mm	15, 20, 25, 40, 50
	inch	1/2, 3/4, 1, 11/2, 2
CONNECTION		FLANGED, SOCKET, THREADED, SPIGOT

ASAHI BALL FOOT VALVE

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- FLOW CHANNEL STRUCTURE WITH LOW LIQUID RESISTANCE

U-PVC C-PVC PP PVDF

SEAT
EPDM FKM

SIZE	mm	15, 20, 25, 40, 50, 80, 100
	inch	1/2, 3/4, 1, 11/2, 2, 3, 4
CONNECTION		FLANGED, SOCKET, THREADED

ASAHI GLOBE VALVE

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- FLOW ADJUSTMENT VALVE WITH EXCELLENT CORROSION RESISTANCE

U-PVC PP

PACKING
EPDM PTFE

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50, 65, 80, 100
	inch	1/2, 3/4, 1, 11/4, 11/2, 2, 2 1/2, 3, 4
CONNECTION		FLANGED, SOCKET, THREADED

ASAHI CONSTANT FLOW VALVE

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- HIGH RANGEABILITY

U-PVC

SEAT
EPDM

SIZE	mm	15, 20, 25, 50, 80, 100
	inch	1/2, 3/4, 1, 2, 3, 4
CONNECTION		FLANGED

ASAHI NEEDLE VALVE

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- ALLOWS FOR ACCURATE FLOW CONTROL BY THE USE OF SPECIALLY-SHAPED PLUG.

U-PVC

SEAT
EPDM

SIZE	mm	15, 20, 25
	inch	1/2, 3/4, 1
CONNECTION		FLANGED

ASAHI GAUGE VALVE

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- EQUIPPED WITH DRAIN PLUG USEFUL FOR MAINTENANCE (ALLOWS EXTRACTION OF THE SAMPLE SOLUTION)

U-PVC PP

O-RING
EPDM PTFE

SIZE	mm	20, 25
	inch	3/4, 1
CONNECTION		FLANGED

ASAHI PRESSURE REDUCING - VAN GIẢM ÁP ASAHI

MANUAL

JIS

- MAINTAINS SECONDARY PRESSURE AT A CONSTANT LEVEL.

U-PVC

DIAPHRAGM
EPDM

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50
	inch	1/2, 3/4, 1, 11/4, 11/2, 2
CONNECTION		FLANGED, SOCKET, THREADED

ASAHI PRESSURE RELIEF - VAN AN TOÀN ASAHI

MANUAL

JIS

- PREVENTS OVERPRESSURE.

U-PVC

DIAPHRAGM
EPDM

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50
	inch	1/2, 3/4, 1, 11/4, 11/2, 2
CONNECTION		FLANGED, SOCKET, THREADED

ASAHI PRESSURE RETAINING - VAN ĐIỀU ÁP

MANUAL

JIS

- MAINTAINS PRIMARY PRESSURE AT A CONSTANT LEVEL.

U-PVC

DIAPHRAGM
EPDM

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50
	inch	1/2, 3/4, 1, 11/4, 11/2, 2
CONNECTION		FLANGED, SOCKET, THREADED

ASAHI SEDIMENT STRAINER

MANUAL

JIS / DIN / ANSI

- MAINTENANCE-FRIENDLY TYPE Y STRAINER

U-PVC

O-RING
EPDM FKM

SIZE	mm	15, 20, 25, 32, 40, 50, 65, 80, 100
	inch	1/2, 3/4, 1, 11/4, 11/2, 2, 2 1/2, 3, 4
CONNECTION		FLANGED, SOCKET, THREADED

ASAHI GATE VALVE STANDARD TYPE (TYPE P)

MANUAL

INSIDE SCREW: CAP, ROUND HANDLE TYPE

JIS / DIN / ANSI

- MADE OF HIGH-IMPACT POLYVINYL CHLORIDE (HI-PVC)

HI-PVC

O-RING
EPDM

SIZE	mm	32, 40, 50, 65, 75(80), 100, 125, 150, 200, 250, 300, 350
	inch	11/4, 11/2, 2, 2 1/2, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 12, 14
CONNECTION		FLANGED, THREADED

ASAHI GATE VALVE SOFT SEAL TYPE (TYPE S)

MANUAL

SOFT SEAL VALVE TYPE 66
INSIDE SCREW: CAP, ROUND HANDLE TYPE
OUTSIDE SCREW: ROUND HANDLE TYPE

JIS / DIN / ANSI

- MADE OF HIGH-IMPACT POLYVINYL CHLORIDE (HI-PVC)

HI-PVC

SEAT
SBR NBR
O-RING
EPDM

SIZE	mm	32, 40, 50, 65, 75(80), 100, 125, 150, 200, 250
	inch	11/4, 11/2, 2, 2 1/2, 3, 4, 5, 6, 8, 10
CONNECTION		FLANGED, THREADED

AIR RELEASE VALVE, ISOLATING VALVE
APPLICABLE FOR SHALLOW LAYER BURIAL <MADE OF PDCPD>

MANUAL

JIS

- EXCELLENT CUTOFF PERFORMANCE AT LOW PRESSURE (4.9 kpa)

PDCPD

SEAT
EPDM SBR

SIZE	mm	25, 75, 100, 150, 200
	inch	1, 3, 4, 6, 8
CONNECTION		FLANGED, THREADED

AUTOMATIC WATER FEEDING VALVE

MANUAL

JIS

- SAVES IRRIGATION WATER.
- REDUCES WATER CONTROL TIME.

HI-PVC

SENSOR MATERIAL
ABS

SIZE	mm	50, 80
	inch	2, 3
CONNECTION		FLANGED, SOCKET, THREADED

ALFALFA VALVE® TYPE 82

MANUAL

JIS

- PREVENTS WATER SCATTERING.

U-PVC

SEAT
EPDM

SIZE	mm	50, 80, 100
	inch	2, 3, 4
CONNECTION		FLANGED, SOCKET

ROTARY ANGLE VALVE

MANUAL

JIS

- USES A MACHINO, ELBOW OR HOSE SOCKET TYPE RECEPTACLE.

U-PVC

SEAT
EPDM

SIZE	mm	50, 80
	inch	2, 3
CONNECTION		FLANGED, SOCKET, THREADED

ANGLE BUTTERFLY VALVE 80A, 100A

MANUAL

JIS

- WATER FEEING RATE APPROX. 1.5 TIMES THE CONVENTIONAL ANGLE VALVE 80A

PDCPD U-PVC
HI-PVC

SEAT
EPDM

HOSE SOCKET

SIZE	mm	80, 100
	inch	3, 4
CONNECTION		FLANGED

ASAHI FLOW METER

JIS

ULTRASONIC-VOLTEX FLOW METER ASUSV SERIES
INPELLA FLOW METER ASSPX SERIES
INSERTION ELECTROMAGNETIC FLOW METER ASEX80 SERIES
ULTRASONIC FLOW METER DOPPLER, TIME DIFFERENCE

ASAHI UPVC PIPE/FITTINGS

ỐNG & PHỤ KIỆN ASAHI UPVC
CHUẨN JIS

JIS / JWWA / JPPFA / JSWAS

- MADE OF VINYL CHLORIDE WITH EXCELLENT CORROSION RESISTANCE

U-PVC

SIZE	mm	13 - 500
	inch	1/2 - 20

ASAHI CPVC PIPE/FITTINGS

ỐNG & PHỤ KIỆN ASAHI CPVC (HT-PVC)
CHUẨN JIS

JIS

- MADE OF THERMAL-RESISTNAT VINYL CHLORIDE HAVING EXCELLENT RESISTANCE TO CORROSION AND HIGH TEMPERATURES

C-PVC

SIZE	mm	13 - 200
	inch	1/2 - 8

ASAHI HI-PVC PIPE/FITTINGS

ỐNG & PHỤ KIỆN ASAHI HI-PVC
CHUẨN JIS

JIS / JWWA

- PVC PIPE & FITTINGS WITH EXCELLENT CORROSION RESISTANCE & HIGH IMPACT

HI-PVC

SIZE	mm	13 - 500
	inch	1/2 - 20

ASAHI PP PIPE/FITTINGS

ỐNG & PHỤ KIỆN ASAHI PP
CHUẨN DIN

DIN

- ENVIRONMENT-FRIENDLY CLEAN MATERIAL (GENERATES NO DIOXIN WHEN BURNT), WITH EXCELLENT CORROSION- AND HEAT-RESISTANCE

PP

SIZE	mm	15 - 200
	inch	1/2 - 8

ASAHI FRP REINFORCED PIPE/FITTINGS

ỐNG & PHỤ KIỆN ASAHI BỌC FRP

JIS / DIN

- APPLICABLE FOR HIGH TEMPERATURE AND HIGH PRESSURE CONDITIONS BY REINFORCING VINYL CHLORIDE PIPE OR POLYPROPYLENE PIPE WITH FRP

INTERNAL CORROSION-RESISTANT LAYER
U-PVC PP
OUTER PIPE
FRP

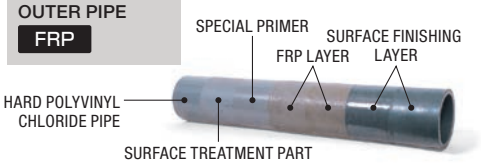

SIZE	mm	13 - 600
	inch	1/2 - 24

ASAHI DOUBLE CONTAINED PIPE/FITTINGS

ỐNG & PHỤ KIỆN ASAHI 02 LỚP, DÙNG CHO CÁC HÓA CHẤT NGUY HIỂM (PATENT NO. 4817953)

JIS

- DETECTS LEAKAGE POINT AND PREVENTS FLUID FROM SCATTERING TO OUTSIDE.

INNER PIPE
U-PVC HI-PVC
ULTRAPURE PVC
OUTER PIPE
U-PVC
TRANSPARENT PVC

SIZE	mm	(INNER PIPE x OUTER PIPE) 16×65 - 150×250
	inch	(INNER PIPE x OUTER PIPE) 1/2×2 1/2 - 6×10

HIGH PURITY SERIES

VALVE, PIPE, JOINT FOR PURE WATER

JIS / DIN / ANSI

- VARIOUS PIPE MATERIALS APPLICABLE FOR ULTRAPURE WATER LINES FOR WHICH HIGH CLEANLINESS IS REUQIRED

VARIOUS ULTRAPURE-TYPE VALVES, PIPES, JOINTS
SPECIALLY FORMULATED U-PVC

SIZE	mm	13 - 300
	inch	1/2 - 12

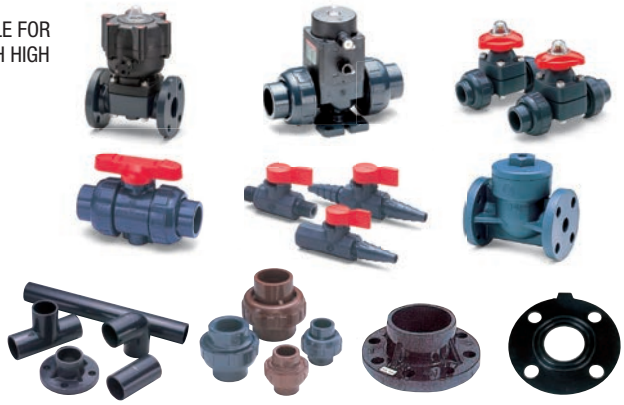

Dymatrix

AIR-OPERATED VALVE,
FALCONICS (HIGH-ACCURACY FLOW CONTROLLER)

- REALIZES ACCURATE FLOW CONTROL AND DURABILITY FOR ULTRAPURE WATER, CORROSIVE FLUID AND SLURRY APPLICATIONS.
- WIDE SELECTION FROM VARIOUS VALVES, DEPENDING ON THE APPLICATIONS

Valves
ASAHI AV
Under the brand of ASAHI AV,
we have arrayed the most reliable
plastic valve lineups in the industry.

INLINE MIXER

INLINE MIXER, HIGH SUCTION EJECTOR

- REDUCES UNEVEN MIXTURE/CONCENTRATION IN THE LINE. VARIOUS PLASTIC MATERIALS APPLICABLE FOR CORROSIVE FLUID.

MOLDED PARTS, SECONDARY MATERIALS

BOLT & NUT, SADDLE, AV GAUGE FLANGE,
DIAPHRAGM MANOMETER

JOINTS

MULTI-JOINT, PREFAB JOINT, EXPANSION JOINT,
RR JOINT, IAM LOCK, BELLMOUTH

AV ADHESIVE, AV LUBRICANT

VARIOUS ADHESIVES FOR GENERAL PIPE,
ULTRAPURE, HI, SUPER PIPE

- WIDE SELECTION OF ADHESIVES, DEPENDING ON THE TYPE OF PIPE OR JOINT

SDT
Plastic Piping Systems

SPE

40 YEARS

SDT
Plastic Piping Systems

SPEARS PLASTIC PIPE & FITTING (USA) - ỐNG & PHỤ KIỆN NHỰA NHỰA SPEARS (MỸ)

PIPE & FITTING Spears UPVC SCH80 Piping Systems
ỐNG & PHỤ KIỆN UPVC SCH80 - SPEARS

Standard		Pipe: ASTM D1785; Fitting: ASTM D2467
Size	in	1/4" to 24"
	mm	DN8 - DN600

PIPE & FITTING Spears CPVC SCH80 Piping Systems
ỐNG & PHỤ KIỆN CPVC SCH80 - SPEARS

Standard		Pipe: ASTM F431; Fitting: ASTM **F439**
Size	in	1/4" to 24"
	mm	DN8 - DN600

PIPE & FITTING Spears CPVC Plastic Piping Products for Marine & Offshore Applications
HỆ THỐNG CPVC CHO ĐÓNG TÀU - SPEARS

Standard		IMO A.653 Tested, ABS Approved
Size	in	1 1/2" to 24"
	mm	DN40 - DN600

SPEARS PLASTIC PIPE & FITTING (USA) - ỐNG & PHỤ KIỆN NHỰA NHỰA SPEARS (MỸ)

PIPE & FITTING Spears UPVC Drainage Waste & Vent Systems
HỆ THỐNG ỐNG THOÁT NƯỚC UPVC SCH40

Standard		ASTM D2665; ASTM D3311
Size	in	1 1/2" to 24"
	mm	DN40 - DN600

PIPE & FITTING Spears LabWaste CPVC Corrosive Waste Drainage Systems
ỐNG THOÁT HÓA CHẤT CPVC - SPEARS

Standard		Pipe & Fitting: ASTM F2618; ASTM D3311
Size	in	1 1/2" to 24"
	mm	DN40 - DN600

PIPE & FITTING Spears Double Containment Systems
HỆ THỐNG ỐNG HÓA CHẤT 02 LỚP - SPEARS

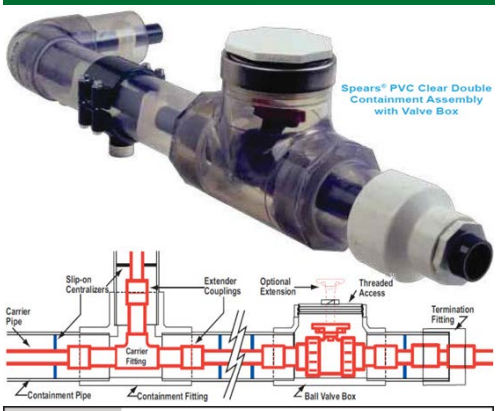

Carier Pipe	PVC SCH80
Containment	PVC SCH80, PVC SCH40, Clear PVC
Accessories	Full range DC valves, & DC Fittings

SPEARS PLASTIC PIPE & FITTING (USA) - ỐNG & PHỤ KIỆN NHỰA NHỰA SPEARS (MỸ)

PIPE & FITTING Spears Golf Turf & Irrigation Systems
ỐNG TƯỚI TIÊU - SÂN GOLF SPEARS

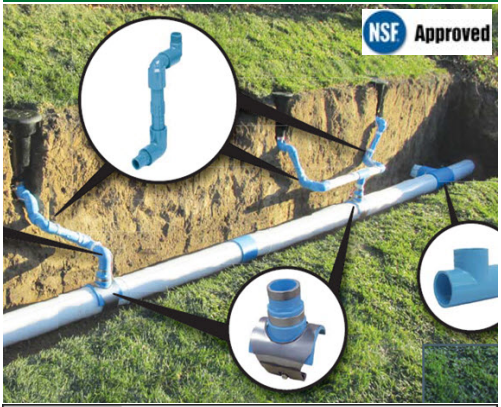

Material	PVC & CPVC
Pressure rating	315 psi (21.7 Bar)
Size	1"DN25 to 6"DN150

PIPE & FITTING Spears UPVC Low Extractable High Purity
HỆ THỐNG ỐNG UPVC SIÊU SẠCH - SPEARS

Material	Non-Contaminating & Low Extractable PVC
	18.2 MΩ Ultra Pure Water
Size	1/2"DN15 - 6"DN150

PIPE & FITTING Spears FlameGuard Fire Sprinker Products
HỆ THỐNG ỐNG CỨU HỎA CPVC-SPEARS

Material	CPVC SCH80 - SCH40 ASTM F 442
Approvals	UL®, FM® Global, LPCB
Size	3/4"DN20 - 3"DN80

SPEARS PLASTIC MANUAL VALVES (USA) - VAN NHỰA SPEARS (MỸ)

MANUAL VALVE | True Union 2000 Industrial Ball Valves | VAN BI SPEARS - USA

BODY: UPVC, CPVC

O-RING: EPDM, FKM

Material	UPVC - CPVC; O-Ring: EPDM - FKM
Size	1/2"DN15 - 6"DN150
Connection	Socket; Threaded, Flange

MANUAL VALVE | True Union 2000 Industrial 3-Way Ball Valves | VAN BI 3-CÒNG SPEARS - USA

BODY: UPVC, CPVC

O-RING: EPDM, FKM

Type: Horizontal, Vertical

Material	UPVC-CPVC; Type: L-Port & T-Port
Size	1/2"DN15 - 4"DN100
Connection	Socket; Threaded, Flange

MANUAL VALVE | Spears Lab Cock Ball Valves | VAN LẤY MẪU SPEARS - USA

BODY: UPVC, CPVC

Material	UPVC-CPVC;
Size	1/4"DN8 - 3/8"DN10
Connection	Threaded MNPT, MPT; Hose

SPEARS PLASTIC MANUAL VALVES (USA) - VAN NHỰA SPEARS (MỸ)

MANUAL VALVE | Spears Industrial Butterfly Valves | VAN BƯỚM SPEARS - USA

BODY: UPVC, CPVC, PP

Material	UPVC-CPVC-PP; Seat: EPDM - FKM
Size	1 1/2"DN40 - 14"DN350
Connection	Flange ANSI, JIS, DIN, BS

MANUAL VALVE | Spears High Corrosion Butterfly Valves | VAN BƯỚM CHỊU ĂN MÒN CAO SPEARS - USA

Materials: Body: CPVC, Seat: TFM, Disk: ECTFE

Application: High Purity, Highest Corrosion Application

Material	Body: CPVC - TFM lined; Disk: ECTFE
Size	2"DN50 - 6"DN150
Application	High Purity and Maximum Chemical Resistance

MANUAL VALVE | Spears Industrial Diaphragm Valve | VAN MÀNG SPEARS - USA

BODY: UPVC, CPVC, PP

DIAPHRAGM: EPDM, FKM, PTFE, Hypalon

Material	UPVC-CPVC-PP; Dia.: EPDM-FKM-PTFE
Size	1/2"DN15 - 8"DN200
Connection	Flange, Socket, Spigot

SPEARS PLASTIC CHECK VALVES (USA) - VAN MỘT CHIỀU NHỰA SPEARS (MỸ)

MANUAL VALVE | Spears Swing Check Valves | VAN MỘT CHIỀU SWING SPEARS - USA

BODY: UPVC, CPVC, PP

Material	UPVC-CPVC-PP; Seal: EPDM - FKM
Size	3/4"DN20 - 8"DN200
Connection	Flange ANSI, JIS, DIN, BS

MANUAL VALVE | Spears T.U Ball Check Valves | VAN BI MỘT CHIỀU SPEARS - USA

BODY: UPVC, CPVC

Material	UPVC - CPVC; Seal: EPDM - FKM
Size	1/2"DN15 - 8"DN200
Connection	Socket, Spigot, Threaded, Flanged

MANUAL VALVE | Spears Y-Check Valves | VAN MỘT CHIỀU CHỮ Y SPEARS - USA

BODY: UPVC, CPVC

Material	UPVC - CPVC; Seal: EPDM - FKM
Size	1/2"DN15 - 4"DN100
Connection	Socket, Spigot, Threaded, Flanged

SPEARS PLASTIC MANUAL VALVES (USA) - VAN NHỰA SPEARS (MỸ)

MANUAL VALVE | Spears Other Type Check Valves | CÁC VAN MỘT CHIỀU SPEARS KHÁC - USA

Material	UPVC - CPVC
Size	1/2"DN15 - 24"DN600
Connection	Socket, Spigot, Threaded, Flanged

MANUAL VALVE | Spears Foot Valves | RỌ BƠM SPEARS - USA

BODY: UPVC, CPVC

Material	UPVC - CPVC
Size	1/2"DN15 - 8"DN200
Connection	Socket, Spigot, Threaded, Flanged

MANUAL VALVE | Spears Angle Seat Globe Valves | VAN CẦU GÓC SPEARS - USA

BODY: UPVC, Clear PVC, CPVC

Material	UPVC - CPVC - CLEAR PVC
Size	1/2"DN15 - 4"DN100
Connection	Socket, Spigot, Threaded, Flanged

SPEARS PLASTIC MANUAL VALVES (USA) - VAN NHỰA SPEARS (MỸ)

MANUAL VALVE | Spears Globe Valves | VAN CẦU SPEARS - USA

BODY: UPVC, CPVC

Material	UPVC - CPVC
Size	2 1/2"DN65 - 6"DN150
Connection	Flanged

MANUAL VALVE | Spears Gate Valves | VAN CỔNG SPEARS - USA

BODY: UPVC, CPVC

Material	UPVC - CPVC
Size	1/2"DN15 - 8"DN200
Connection	Socket, Threaded, Flanged

MANUAL VALVE | Spears Needle Valves | VAN KIM TIẾT LƯU SPEARS - USA

BODY: UPVC, CPVC, PP

Material	UPVC - CPVC - PP
Size	1/4"DN8, 3/8"DN10, 1/2"DN15
Connection	Threaded NPT

SPEARS PLASTIC ELECTRIC ACTUATED VALVES (USA) - VAN ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN SPEARS (MỸ)

CONTROL VALVE | Spears Electric Ball Valves | VAN BI ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN SPEARS - USA

POWER: 12VDC, 24VDC, 230VAC

Accessories: Limit Switch, NEMA 4X, 7, 9, Positioner, M. Override

BODY: UPVC, CPVC

Material	UPVC - CPVC; **Size** 1/2"DN15-6"DN150
Power	AC 230V; DC 12V, 24V; 3-Phases 230V
Connection	Socket, Threaded, Flanged

CONTROL VALVE | Spears Electric Butterfly Valves | VAN BƯỚM ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN SPEARS - USA

BODY: UPVC, CPVC, PP

POWER: 12VDC, 24VDC, 230VAC

Accessories: Limit Switch, NEMA 4X, 7, 9, Positioner, M. Override

Material	UPVC - CPVC - PP; **Size** 1 1/4"-24"
Power	AC 230V; DC 12V, 24V; 3-Phases 230V
Connection	Flanged

CONTROL VALVE | Spears Electric Diaphragm Valves | VAN MÀNG ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN SPEARS - USA

DIAPHRAGM: EPDM, FKM, PTFE, NBR

BODY: UPVC, CPVC, PP

POWER: 12VDC, 24VDC, 230VAC

Accessories: Limit Switch, NEMA 4X, 7, 9, Positioner, M. Override

Material	UPVC - CPVC; **Size** 1/2"DN15-4"DN100
Power	AC 230V; DC 12V, 24V; 3-Phases 230V
Connection	Socket, Threaded, Flanged

SPEARS PNEUMATIC ACTUATED VALVE (USA) - VAN ĐIỀU KHIỂN KHÍ NÉN SPEARS (MỸ)

CONTROL VALVE — Spears Pneumatic Diaphragm Valves
VAN MÀNG ĐK KHÍ NÉN - SPEARS (USA)

BODY: UPVC, CPVC, PP

DIAPHRAGM: EPDM, FKM, PTFE, NBR

Material	UPVC-CPVC-PP; **Size** 1/2"DN15-6"DN150
Control Mode	Normal Close, Normal Close (or Open)
Connection	Socket, Threaded, Flanged

CONTROL VALVE — Spears Pneumatic Ball Valves
VAN BI ĐIỀU KHIỂN KHÍ NÉN - SPEARS (USA)

Operation: Normal Close, Normal Open, Double Act.

Accessories: Limit Switch, Transmitter, Positioner, Dome Indicator

BODY: UPVC, CPVC

Material	UPVC-CPVC; **Size** 1/2"DN15-6"DN150
Control Mode	Normal Close, Normal Close (or Open)
Connection	Socket, Threaded, Flanged

CONTROL VALVE — Spears Pneumatic Diaphragm Valves
VAN BƯỚM ĐK KHÍ NÉN - SPEARS (USA)

BODY: UPVC, CPVC, PP

Accessories: Limit Switch, Transmitter, Positioner, Dome Indicator

Operation: Normal Close, Normal Open, Double Act.

Material	UPVC-CPVC-PP; **Size** DN40-DN600
Control Mode	Normal Close, Normal Close (or Open)
Connection	Flanged

SPEARS OTHER PLASTIC PRODUCTS (USA) - CÁC SẢN PHẨM NHỰA AGRU KHÁC (MỸ)

OTHER PRODUCTS — Spears Sediment Y-Strainer
LỌC CHỮ Y - SPEARS (USA)

BODY: UPVC, CPVC

Mesh code: 8 - 12 - 20 - 30 & other on request

Material	UPVC - CPVC - Clear PVC
Size	1/2"DN15 - 4"DN100
Connection	Socket, Spigot, Threaded, Flanged

OTHER PRODUCTS — Spears Suction Strainer & Basket Strainer & Tee Filter
LỌC CẶN CHUYÊN DỤNG KHÁC

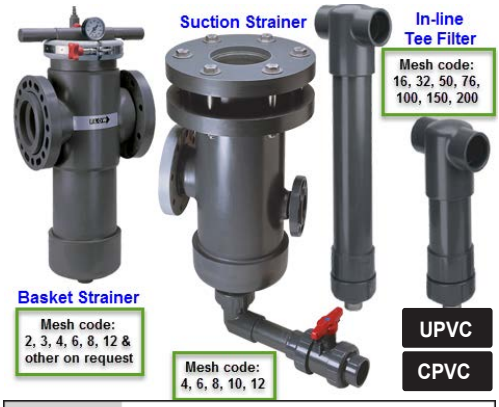

Material	UPVC - CPVC
Size	1/2"DN15 - 12"DN300
Connection	Socket, Threaded, Flanged

OTHER PRODUCTS — Spears Expansion Joints
GIẢM CHẤN NHỰA - SPEARS (USA)

UPVC, CPVC

Material	UPVC-CPVC
Size	1/2"DN15 - 14"DN350
Connection	Socket, Spigot, Threaded, Flanged

SPEARS OTHER PLASTIC PRODUCTS (USA) - CÁC SẢN PHẨM NHỰA AGRU KHÁC (MỸ)

OTHER PRODUCTS — Spears PVC - CPVC Clamp Saddles
ĐAI CHIA NHÁNH PVC & CPVC- SPEARS (USA)

BODY: UPVC, CPVC

Material		UPVC - CPVC
Size	Mainline	DN50-DN300
	Outlet	DN15-DN150

OTHER PRODUCTS — Spears Plastic Tank Adaptor
ĐẦU NỐI RA CHO BỒN BỂ CHỨA - SPEARS (USA)

BODY: UPVC, CPVC

Material	UPVC-CPVC
Size	1/4"DN8 - 8"DN200
Connection	Socket, Threaded and Reinforced

OTHER PRODUCTS — Spears Plastic Fabricated Products
GIA CÔNG THEO YÊU CẦU - SPEARS (USA)

UPVC, CPVC

Material	UPVC-CPVC
Size	All Size according to drawing
	Special desing & special fabrication

SDT
Plastic Piping Systems

WELD-ON®

LOW VOC

PRODUCT GUIDE

All Low VOC • All the Time

- Plastic Pipe Cements, Primers, and Cleaners
- Specialty Products
- Applicators and Accessories

WELD-ON®

WELD-ON® SELECTION GUIDE

Lựa chọn loại keo Weld-On phù hợp cho các ứng dụng dựa trên đường kính ống và vật liệu (PVC, CPVC hoặc ABS) được sử dụng. Tham khảo bảng dưới đây để chọn lựa loại keo và Primer phù hợp.

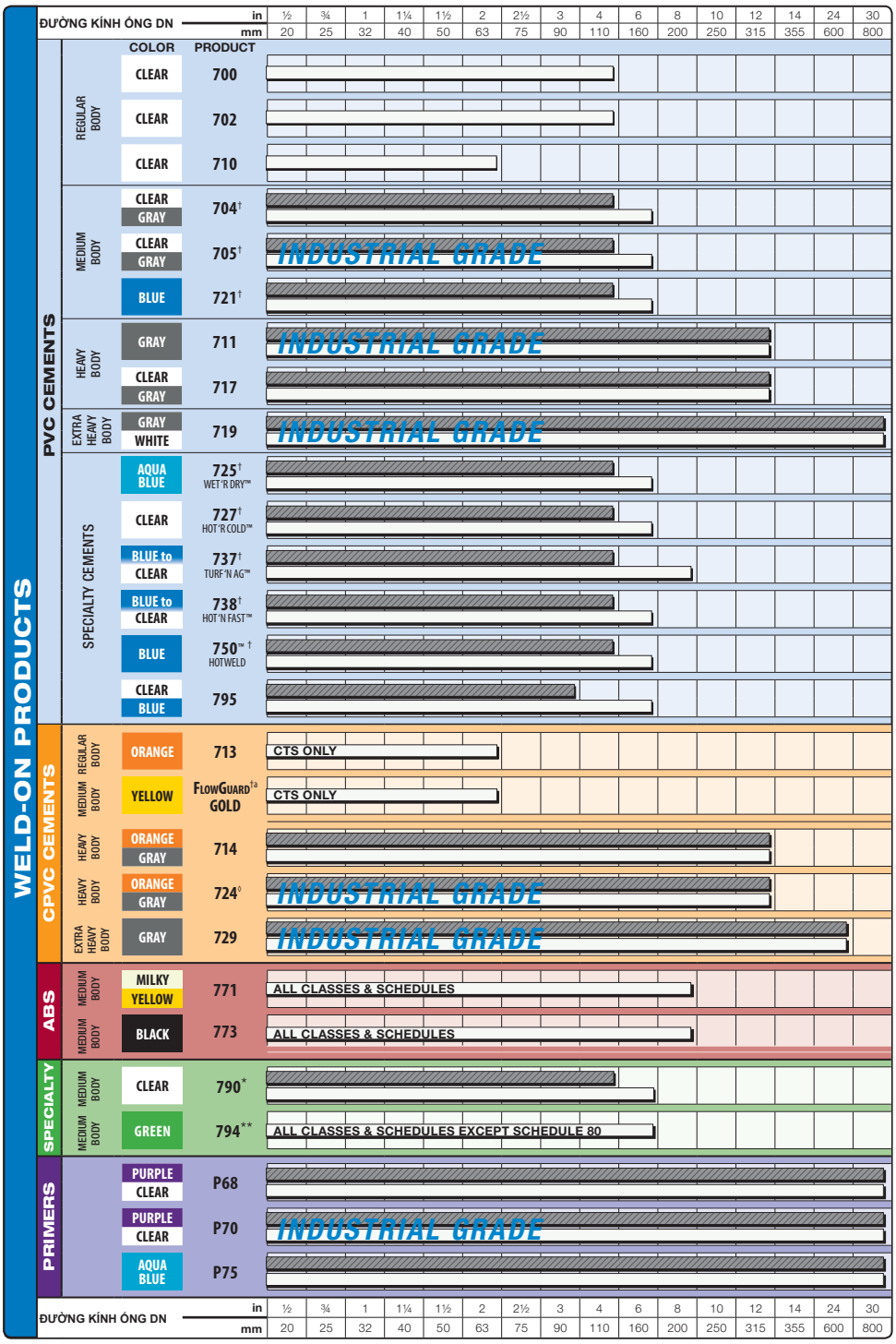

REGULAR BODIED CEMENT

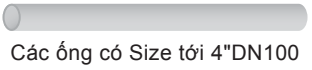

Các ống có Size tới 4"DN100

MEDIUM BODIED CEMENT

Các ống có Size tới 6"DN150

HEAVY BODIED CEMENT

Các ống có Size tới 12"DN300

EXTRA HEAVY BODIED CEMENT

Các ống có Size tới 30"DN800

PIPE FORMAT

☐ Schedule 40/PN3.2, PN4, PN6

▨ Schedule 80/PN10, PN16

† Không cần sử dụng Primer cho các hệ thống đường ống không có áp (trừ khi có yêu cầu từ người sử dụng)

◊ Dùng cho ống PVC và CPVC để dẫn hóa chất

a Dùng cho ống FlowGuard Gold®, thương hiệu CPVC của Lubrizol

* Dùng cho ống PVC và CPVC

** Dùng cho nối chuyển ống ABS và PVC

CTS: Copper Tube Size

LOW VOC

Weld-On® Solvent Cements - Keo dán ống PVC & CPVC Weld-On® (Mỹ)

Weld-On® 711™ PVC
- Keo 711 (Gray) dùng cho ống PVC Heavy bodied SCH80 có đường kính lên tới 12"DN300.
- Keo có khả năng bịt khe hở rất tốt
- Thời gian khô keo trung bình giúp có nhiều thời gian gắn keo ở khu vực có thời tiết ấm.
- Keo có độ gắn kết rất cao, phù hợp cho các đường ống công nghiệp
- 03 năm bảo quản nguyên hộp
- Đáp ứng các tiêu chuẩn: ASTM D2564; NSF/ANSI 14; NSF/ANSI 61; CSA B137.3; CSA B181.2

Weld-On® 717™ PVC
- Keo 717 dùng cho ống PVC SCH80 Heavy bodied size tới 12"DN300. (hoặc ống không áp lên tới 18″DN450).
- Keo công thức phù hợp cho các ứng dụng công nghiệp, hệ thống bơm, bể bơi, tưới tiêu, ống luồn cáp điện.
- Thời gian khô keo trung bình giúp có nhiều thời gian gắn keo ở khu vực có thời tiết ấm. - Màu keo: Xám (Gray), Trong (Clear)
- 03 năm bảo quản nguyên hộp

Weld-On® 705™ PVC
- Keo 705, thời gian khô nhanh, dùng cho ống PVC Medium bodied các loại lên tới 6"DN150 hoặc ống SCH80 có size lên tới 4"DN100
- Có thể không cần sử dụng Primer với hệ thống đường ống không có áp
- Keo có màu xám (Gray) hoặc trong (Clear)
- 03 năm bảo quản nguyên hộp
- Đáp ứng các tiêu chuẩn: ASTM D2564; NSF/ANSI 14; NSF/ANSI 61; CSA B137.3; CSA B181.2

Weld-On® 719™ PVC
- Keo 719 có thời gian khô chậm, dùng cho ống PVC size siêu lớn (Extra heavy-bodied), hoặc để gắn kết các mối nối có khe hở lớn, keo dùng cho các loại ống PVC có size lên tới 30"DN800
- Keo 719 rất phù hợp để gia công các phụ kiện hoặc các ứng dụng có khe hở lớn.
- 03 năm bảo quản nguyên hộp
- Keo 719 có màu trắng hoặc xám
- Đáp ứng các tiêu chuẩn: ASTM D2564; NSF/ANSI 14; NSF/ANSI 61; CSA B137.3; CSA B181.2

Weld-On® 724™ CPVC and PVC
- Keo 724 CPVC là keo có thời gian khô trung bình, dùng cho ống CPVC và PVC size lớn (Heavy bodied), lên tới 12"DN300
- Keo 724 là loại chất lượng cao, có khả năng chịu hóa chất rất tốt chuyên dùng cho các hệ thống đường ống dẫn Axit, Ba zơ, Muối, -ClO
- Dùng cho ống CPVC Corzan®
- 02 năm bảo quản nguyên hộp
- Tiêu chuẩn: ASTM F493; NSF/ANSI 14 & 61

Weld-On® 729™ CPVC
- Keo 729 CPVC là keo có thời gian khô chậm, dùng cho ống CPVC size siêu lớn (Extra Heavy bodied), lên tới 24"DN600
- Keo 729 có khả năng điền đầy các khe hở lớn nên có thể dùng để gia công phụ kiện size lớn
- Có thể dùng cho hệ thống ống dẫn hóa chất
- 02 năm bảo quản nguyên hộp
- Tiêu chuẩn: ASTM F493;

Weld-On® Primers & Cleaners

Weld-On® P-68™ Primer
- P-68 là Primer (chất dẫn keo) công nghiệp, chuyên dùng để làm mềm, làm sạch bề mặt cho ống và phụ kiện PVC & CPVC. Khi P-68 dùng với keo sẽ tăng độ gắn kết của mối nối keo lên nhiều lần
- Dùng với hầu hết các ống PVC & CPVC
- 03 năm bảo quản nguyên hộp
- Tiêu chuẩn: ASTM F656; NSF/ANSI 14 & 61

Weld-On® P-70™ Primer
- P-70 là Primer (chất dẫn keo) công nghiệp, chuyên dùng để làm mềm, làm sạch bề mặt cho ống và phụ kiện PVC & CPVC. P-70 dùng với keo sẽ tăng độ gắn kết của mối nối keo lên nhiều lần, đặc biệt với ống dẫn hóa chất, Axit, Ba zơ, Muối,...
- Đặc biệt được khuyến nghị sử dụng cho ống Schedule 80 (PN10 & cao hơn) và ống size lớn
- Phù hợp trong nhiều điều kiện thời tiết, kể cả trong thời tiết lạnh
- 03 năm bảo quản nguyên hộp
- Tiêu chuẩn: ASTM F656; NSF/ANSI 14 & 61

Weld-On® Repair & Fabrication Adhesives - Keo Weld-On® Dùng Cho Gia Công và Sửa Chữa

Weld-On® 810™ (A & B) - Keo 2 Thành Phần Gắn Kết Nhiều Loại Vật Liệu Khác Nhau
- Keo WELD-ON® 810™ là keo 02 thành phần, có độ kết dính rất cao, thời gian khô nhanh, chịu được áp suất cao, chịu lực tốt và hóa chất tốt
- WELD-ON 810 có công thức đặc biệt để gắn kết các vật liệu PVC, CPVC, ABS, Styrene, FRP, Acrylic, Gốm, Bê tông với chính bản thân vật liệu đó hoặc với vật liệu khác.
- WELD-ON 810 có khả năng điền đầy và gắn kết các khe hở lớn nên được dùng để gia công

Weld-On® 811™ và 845™ - Keo 2 Thành Phần Gắn Kết Nhiều Loại Vật Liệu Khác Nhau
- Keo 2 Thành phần (tỉ lệ 1:4) được đóng sẵn dạng Xylanh được dùng để gắn kết, sửa chữa nhiều loại vật liệu khác nhau như PVC, CPVC, ABS, Styrene, Acrylic, FRP, Gốm, Bê Tông và nhiều vật liệu khác chịu được áp suất rất cao và chịu được nhiệt độ.
- Keo có khả năng gắn kết và điền đầy tốt, nên được dùng để bịt các chỗ rò rỉ nhỏ, gắn đai khởi thuỷ với ống, hay gia công phụ kiện PVC, CPVC

Weld-On® Pipe Thread Sealants - Hỗn Hợp Làm Kín Ren Weld-On®

Weld-On® All Seal™ - Làm Kín Ren Đa Năng
- Weld-On® All Seal™ là dạng hỗn hợp mềm, lâu khô, đủ thời gian để lắp - tháo ren ống kim loại và nhựa (PVC, CPVC, PP, ABS, Nylon)
- Weld-On® All Seal™ vừa có tác dụng bôi trơn và làm kín khí, chống rò rỉ với các đường ống dẫn: Amoni, Muối, Axit, Bazơ, chất ăn mòn, chất dẫn lạnh, dầu (diesel, xăng, nhiên liệu...), mỡ nhờn, dung môi, hơi cao áp, đường, nước...
- Không được dùng cho khí Oxy, Flo, Na, K lỏng

Weld-On® Blue Seal™ - Làm Kín Ren C¹ ng Nghi p
- Weld-OnÈ Blue SealÊ l¨ h¸ n hỗ p l¨ m k²n ren c¹ ng nghi p, kh¹ ng c· mạt, sÜn, L·Ò c pha tr¸ n v¸ i c§c hÜt Teflon (PTFE) dÜng m¨ n c· t§c d¸ ng l¨ m k²n, ngŁn r¸ r¨ v¨ b¹ i trhn ren kim loÜi v¨ nh a, nhBil l¨ tÜi c§c v¨ tr² c· L¸ rung cao.
- Weld-On® Blue Seal™ vừa có tác dụng bôi trơn cho ren, vừa có tác dụng ngăn khí, rò rỉ với các ống dẫn các dung dịch như: Amoni, Muối, Axit, Bazơ, chất ăn mòn, chất dẫn lạnh, dầu (diesel, xăng, nhiên liệu...), mỡ nhờn, dung môi, hơi cao áp, đường, nước...

NO-DLEW® 724™ CHEMICAL RESISTANCE DATA

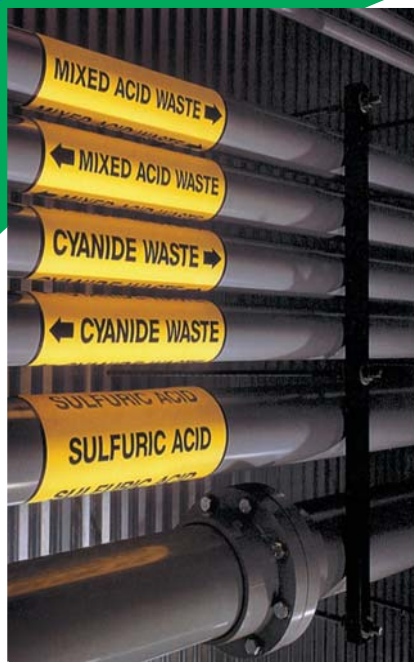

Keo Weld-On 724™ là keo dán ống CPVC và PVC công nghiệp có khả năng chịu hóa chất tốt nhất. Keo Weld-On 724™ được thiết kế theo công thức đặc biệt để chống chịu môi trường ăn mòn cao do các hóa chất, axit mạnh gây ra. Kết quả kiểm tra từ phòng thí nghiệm cho thấy các mối nối bằng keo Weld-On 724™ không có bất cứ lỗi, rò rỉ nào xảy ra khi thử áp trong 2500h trong nhiều dung dịch hóa chất.

Bảng kết quả kiểm tra với các hóa chất và môi trường dưới đây chỉ áp dụng với keo Weld-On 724™. Tùy từng điều kiện thực tế của môi trường sử dụng khách hàng cần xem xét tính tương đương khi sử dụng, trong đó các yếu tố như áp suất, nhiệt độ, nồng độ hóa chất, ứng suất ngoài có thể cần được xem xét cẩn trọng khi thiết kế hệ thống đường ống.

Weld-On P-70™ Purple Primer được khuyến nghị dùng kèm với keo Weld-On 724™ khi dùng với các hệ thống đường ống PVC và CPVC dẫn hóa chất.

724™ SOLVENT CEMENT CPVC CHART

CPVC @ 180° F (82° C) **Hydrostatic Pressure – 100 PSI** **Test Duration – 2,500 Hours**

CHEMICAL		CONCENTRATION	TEMPERATURE °F (°C)	PRESSURE PSI (BARS)	HYDROSTATIC TESTING
Acetic Acid	CH_3COOH	20%	180 (82)	100 (7)	No Failure
Chromic Acid	H_2CrO_4	40%	180 (82)	100 (7)	No Failure
Ethylene Glycol	$HOCH_2CH_2OH$	50%	180 (82)	100 (7)	No Failure
Hydrochloric Acid	HCl	37%	180 (82)	100 (7)	No Failure
Nitric Acid	HNO_3	35%	180 (82)	100 (7)	No Failure
Phosphoric Acid	H_3PO_4	85%	180 (82)	100 (7)	No Failure
Propylene Glycol	$CH_3CHOHCH_2OH$	25%	180 (82)	100 (7)	No Failure
Sodium Hydroxide	NaOH	50%	180 (82)	100 (7)	No Failure
Sodium Hypochlorite (Bleach)	NaOCl	Fresh chemical added twice weekly	180 (82)	100 (7)	No Failure
Sulfuric Acid	H_2SO_4	80%	180 (82)	100 (7)	No Failure
Water, distilled	H_2O	–	180 (82)	100 (7)	No Failure

724™ SOLVENT CEMENT PVC CHART

PVC @ 140° F (60° C) **Hydrostatic Pressure – 100 PSI** **Test Duration – 2,500 Hours**

CHEMICAL		CONCENTRATION	TEMPERATURE °F (°C)	PRESSURE PSI (BARS)	HYDROSTATIC TESTING
Acetic Acid	CH_3COOH	20%	140 (60)	100 (7)	No Failure
Chromic Acid	H_2CrO_4	40%	140 (60)	100 (7)	No Failure
Ethylene Glycol	$HOCH_2CH_2OH$	100%	140 (60)	100 (7)	No Failure
Hydrochloric Acid	HCl	37%	140 (60)	100 (7)	No Failure
Nitric Acid	HNO_3	35%	140 (60)	100 (7)	No Failure
Phosphoric Acid	H_3PO_4	85%	140 (60)	100 (7)	No Failure
Propylene Glycol	$CH_3CHOHCH_2OH$	100%	140 (60)	100 (7)	No Failure
Sodium Hydroxide	NaOH	50%	140 (60)	100 (7)	No Failure
Sodium Hypochlorite (Bleach)	NaOCl	Fresh chemical added twice weekly	140 (60)	100 (7)	No Failure
Sulfuric Acid	H_2SO_4	90%	140 (60)	100 (7)	No Failure
Water, distilled	H_2O	–	140 (60)	100 (7)	No Failure
Ammonium Hydroxide	NH_4OH	10%	140 (60)	100 (7)	No Failure

agru
THE PLASTICS EXPERTS.

One stop shopping

AGRULINE

AGRU WATER & GAS PIPING SYSTEMS

Hệ thống đường ống, phụ kiện được làm từ nhựa PE-100 của AGRU là lựa chọn hoàn hảo cho hệ thống dẫn nước sạch, dẫn khí Gas hay dẫn nước thải. Ngoài ra, hệ thống đường ống làm từ PE-100RC (HDPE 100 Resistance to Crack), là loại ống HDPE có độ bền cao hơn nhiều PE 100 thông thường, cũng thường được dùng cho các hệ thống đường ống chôn ngầm. Dải sản phẩm đường ống và phụ kiện HDPE lên tới 2500mm

INDUSTRIAL

ỐNG & PHỤ KIỆN NHỰA CÔNG NGHIỆP

Hệ thống đường ống và ống hai lớp của AGRU được làm từ nhựa PP, HDPE-el, PPs, PPs-el, PVDF và ECTFE được dùng cho các ứng dụng công nghiệp như dẫn các hóa chất ăn mòn và nước thải công nghiệp

AGRUAIR & AGRUSAN

ỐNG DẪN NƯỚC NÓNG-LẠNH, KHÍ NÉN

AGRUAIR là thương hiệu ống được làm từ PE-100, có màu xanh dương, dùng cho dẫn khí nén.

AGRUSAN là thương hiệu ống được làm từ PPR, có màu đỏ, dùng để dẫn nước nóng - lạnh trong xây dựng.

SEMI-FINISHED PRODUCTS

NHỰA TẤM, NHỰA THANH, QUE HÀN

Cung cấp nhựa tấm, nhựa thanh, que hàn nhựa chất lượng cao, được làm từ các vật liệu nhựa PP, PE, PPs, PPs-el, HDPE, HDPE-el, PVDF, ECTFE, FEP và PFA để chế tạo bồn bể, thiết bị, dụng cụ hoặc lót nhựa cho bồn chứa

PURAD

ĐƯỜNG ỐNG NHỰA SIÊU SẠCH

Hệ thống đường ống nhựa PVDF-UHP, ECTFE, PP-Pure, Polypure dùng để dẫn nước siêu tinh khiết, các hóa chất tinh khiết dùng trong các lĩnh vực Bán dẫn - Điện tử, Y tế, Dược Phẩm, Thực phẩm và Đồ uống

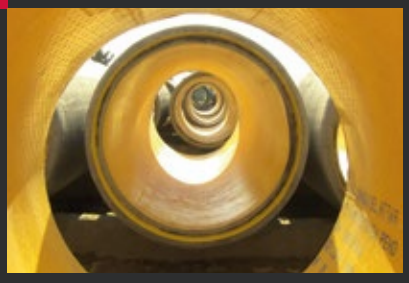

CONCRETE PROTECTION

NHỰA LÓT BẢO VỆ BÊ TÔNG

Cung cấp các loại nhựa lót cho Bê tông được làm từ các vật liệu nhựa PE, PP, PVDF và ECTFE để bảo vệ cấu trúc bê tông chống lại các tác động ăn mòn do môi trường ứng dụng gây ra, giúp tăng tuổi thọ bê tông

LINING SYSTEMS

MÀNG NHỰA CHỐNG THẤM

Màng nhựa chống thấm cao cấp được làm từ các vật liệu nhựa HDPE, VLDPE, LLDPE và FPP cùng với hệ thống ống thoát PE, PP dùng để ngăn và chống thấm cho các Ao, Hồ chứa, Kênh, Mương, Công trình ngầm, Hố chôn rác, hố thải....

AGRU PIPING SYSTEMS (AUSTRIA) - HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG AGRU (ÁO)

PIPE & FITTING — AGRU POLYPROPYLENE PIPE & FITTING / ỐNG VÀ PHỤ KIỆN PP - HÃNG AGRU

STANDARD: DIN 8077/8078

SDR	7.4; 11; 17.6; 26; 33; 41; Ventilation
SIZE	12mm - 1400mm
LENGTH	5m and other lengths on request

PIPE & FITTING — AGRU PVDF PIPE & FITTING / ỐNG VÀ PHỤ KIỆN PVDF - AGRU

STANDARD: ISO 10931

SDR	SDR21; SDR33
SIZE	16mm - 400mm
LENGTH	5m and other lengths on request

PIPE & FITTING — AGRU ECTFE PIPE & FITTING / ỐNG VÀ PHỤ KIỆN ECTFE - AGRU

SDR	SDR21; Ventilation
SIZE	20mm - 200mm
LENGTH	5m

AGRU PIPING SYSTEMS (AUSTRIA) - HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG AGRU (ÁO)

PIPE & FITTING — AGRU PE100/PE100RC PIPE & FITTING / ỐNG & PHỤ KIỆN HDPE100 - HÃNG AGRU

STANDARD: DIN 8074/8075 ISO 4427

SDR	7.4; 11; 17.6; 26; 33; 41; Ventilation
SIZE	20mm - 1400mm
LENGTH	5m; 5.8m; 12m; in coils 100m

PIPE & FITTING — AGRU HDPE100 LARGE SIZES / ỐNG & PHỤ KIỆN HDPE100 - CỠ LỚN

STANDARD: DIN 8074/8075 ISO 4427

SDR	11; 17.6; 26; 33; 41
SIZE	1600mm - 2500mm
LENGTH	5.8m; others on request

PIPE & FITTING — AGRU PE100 (RC) FOR SHIP BUILDING / ỐNG PE100 (-RC) CHO ĐÓNG TÀU

STANDARD: DIN 8074/8075 - DNV APPROVAL

SDR	SDR11 & SDR17.6
SIZE	20mm - 500mm
LENGTH	5.8m; 12m; others on request

AGRU PIPING SYSTEMS (AUSTRIA) - HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG AGRU (ÁO)

PIPE & FITTING — AGRU PE100 (-RC) FIRE PROTECTION / ỐNG PE100 (-RC) - CHO PHÒNG CHÁY

SDR	SDR9 - 200psi; SDR11 - 175psi
SIZE	63mm - 630mm
LENGTH	5m; 5.8m; 12m; others on request

PIPE & FITTING — AGRU PE100 (-RC) MINELINE PIPE / ỐNG PE CHỐNG MÀI MÒN - ỐNG KHAI MỎ

SDR	SDR11; SDR17
SIZE	63mm - 1200mm
LENGTH	5m; 5.8m; others on request

PIPE & FITTING — AGRU DOUBLE CONTAINMENT PIPING / HỆ THỐNG ỐNG 2 LỚP AGRU

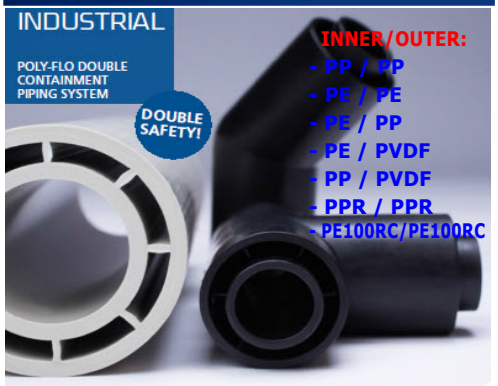

SIZE & SDR	OD 90/32 mm - OD 355/250 mm
	SDR17/11
LENGTH	5m, other length and material on request

PURAD

HIGH PURITY PIPING SYSTEMS

HIGHEST PRODUCT PURITY

Production of all system components in ISO class 5 cleanrooms

ONE STOP SHOPPING

Pipes and fittings from one factory for highest performance

UNIVERSAL APPLICABILITY

Perfectly adjusted system components in PVDF UHP, ECTFE, PP Pure, PP nature

LONG-TERM RELIABILITY

Exclusive processing of selected premium thermoplastics

EXPERTISE IN PLASTICS

Decades of experience in plastics processing, research & development

agru
THE PLASTICS EXPERTS.

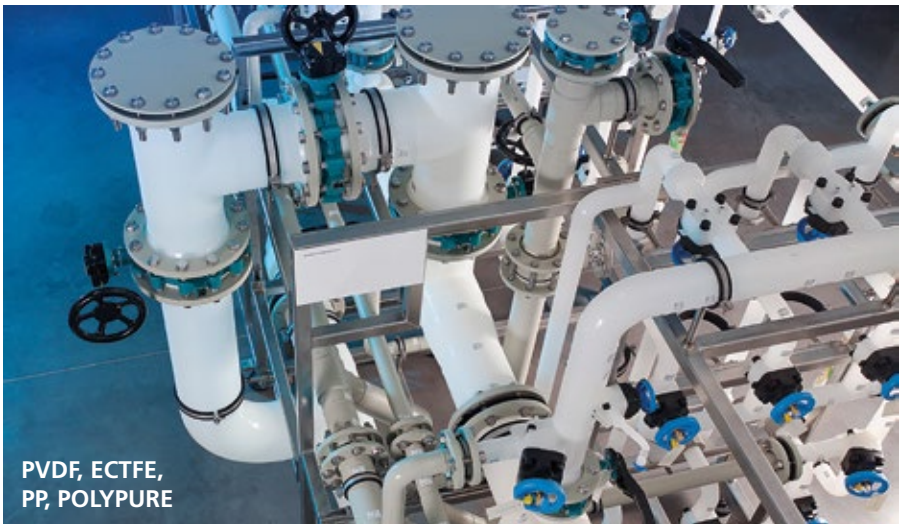

PVDF, ECTFE, PP, POLYPURE

WELDING

STATE OF THE ART WELDING TECHNOLOGY FROM AGRU

AGRU PIPING SYSTEMS (AUSTRIA) - HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG AGRU (ÁO)

PIPE & FITTING — AGRU HIGH PURITY PIPING SYSTEMS — HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG SIÊU SẠCH

Materials	PP Pure, Polypure, PVDF UHP, ECTFE
SIZE	20mm - 110mm
Products	Pipes, Fittings, Valves, Welding technology

PIPE & FITTING — AGRU MODIFIED PLASTIC PIPING — ỐNG VÀ PHỤ KIỆN NHỰA CẢI TIẾN

PP hoặc HDPE được cải tiến các tính năng cần thiết như: tự chống cháy - self extinguishing (-s); khả năng dẫn điện - electro conductive (-el)

Materials	PPs; HDPE-el; PPs-el
SIZE	OD 20 mm - 1200 mm
Products	Pipes, Fittings

PIPE & FITTING — AGRU PRE-INSULATION PIPING SYSTEMS — HỆ THỐNG ỐNG BẢO ÔN 3 LỚP

Materials	PE100-RC / PUR Foam / PE100-RC
SIZE	90/32mm - 280/160mm
Products	Pipes, Fittings, Valves, Welding technology

AGRU VALVES (AUSTRIA) - HỆ THỐNG VAN AGRU (ÁO)

MANUAL VALVES — AGRU DIAPHRAGM VALVES — VAN MÀNG AGRU

Body	PP, PVDF, ECTFE, PVDF UHP, PP Pure
SIZE	20mm - 140mm
Connection	Spigot, Socket, Flanged, Threaded

MANUAL VALVES — AGRU BALL VALVES — VAN BI AGRU

Body	PP, PVDF, PVDF UHP, PP Pure
SIZE	20mm - 110mm
Connection	Spigot, Socket, Flanged, Threaded

MANUAL VALVES — AGRU CHECK VALVES — VAN MỘT CHIỀU AGRU

Body	PP, PVDF, PVDF UHP, PP Pure
SIZE	20mm - 280mm
Connection	Spigot, Socket, Flanged, Threaded

AGRU VALVES (AUSTRIA) - HỆ THỐNG VAN AGRU (ÁO)

CONTROL VALVES — AGRU PRESSURE REGULATORS — VAN ĐIỀU ÁP AGRU

Body	PP, PVDF, PVDF UHP, PP Pure
SIZE	20mm - 75mm
Connection	Spigot, Socket, Flanged, Threaded

CONTROL VALVES — AGRU CONTROL VALVES — VAN ĐIỀU KHIỂN AGRU

Body	PP, PVDF, PVDF UHP, PP Pure
SIZE	20mm - 280mm
Connection	Spigot, Socket, Flanged, Threaded

CONTROL VALVES — AGRU FLOWMETER & PRESSURE GAUGE — LƯU LƯỢNG KẾ & ĐỒNG HỒ ÁP AGRU

Body	PP, PVDF, PVDF UHP, PP Pure
SIZE	20mm - 75mm
Connection	Spigot, Socket, Flanged, Threaded

AGRU SEMI-FINISHED PLASTIC (AUSTRIA) - NHỰA TẤM & NHỰA THANH AGRU (ÁO)

PLASTIC SHEETS — AGRU TANK LINING PLASTIC SHEETS / NHỰA TẤM AGRU CHO LÓT BỒN THÉP

Materials	PE, PP, PVDF, ECTFE, PFA, FEP
Thickness	1.5mm - 6mm
Dimension	1mx2m; 1.5mx3.0m; 25mx1m; 25mx1.5m

WELDING RODS — AGRU PLASTIC WELDING RODS / QUE HÀN NHỰA AGRU

Materials	PE, PP, PVDF, ECTFE, PFA, FEP
Thickness	3mm, 4mm, 5mm
Package	1kg, 3kgs, 10kgs

PLASTIC SHEETS — AGRU PLASTIC SHEETS, BARS / NHỰA TẤM, NHỰA THANH AGRU

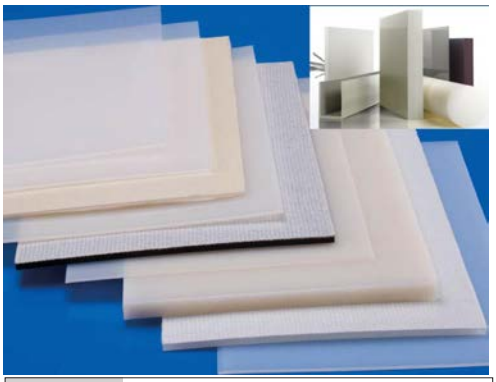

Materials	PP, PE, PVDF, ECTFE, PFA, FEP
Thickness	2mm - 120mm depend on materials
Dimension	Multi dimensions

AGRU LINING PLASTIC (AUSTRIA) - MÀNG NHỰA CHỐNG THẤM AGRU (ÁO)

PLASTIC LINING — AGRU CONCRETE PLASTIC LINING / NHỰA LÓT BÊ TÔNG AGRU

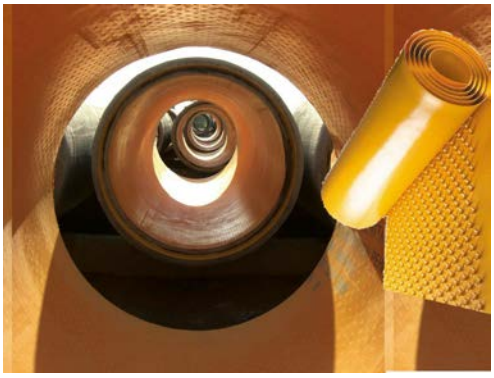

Materials	PP, PE, PVDF, ECTFE, PFA, FEP
Thickness	2mm - 12mm depend on materials
Dimension	3mx1m; 4mx2m; 5mx3m; 5mx5m; 25mx1m..

PLASTIC LINING — AGRU GEOMEMBRANES PLASTIC LINING / NHỰA LÓT CHỐNG THẤM AGRU

Materials	HDPE; LLDPE; VLDPE; FPP (PPFlex)
Thickness	0.5mm - 3mm
Width	5m, 5.15m, 7m

PLASTIC LINING — AGRU TUNNEL LINING / NHỰA LÓT CHỐNG THẤM CHO HẦM AGRU

Materials	VLDPE
Thickness	2.0mm; 2.5mm; 3mm
Dimension	On request

AGRU OTHER PLASTIC (AUSTRIA) - CÁC SẢN PHẨM NHỰA AGRU (ÁO) KHÁC

PIPE & FITTING — AGRU DRAINAGE PIPES / ỐNG THOÁT AGRU

Material	PP, PE
SIZE	63mm - 400mm
Structure	Fully or partly perforated, drilled hole or slotted

PLASTIC LINING — AGRU PLASTIC SHEET FOR POOL LINING / TẤM NHỰA LÓT BỂ BƠI AGRU

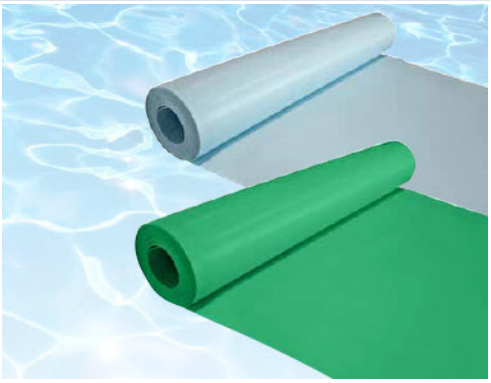

Material	FPP, VLDPE
Thickness	1.2mm; 1.5mm
Width	2m; 5m

PLASTIC PARTS — AGRU FABRICATED PARTS & FITTINGS / CÁC CHI TIẾT GIA CÔNG TỪ NHỰA AGRU

Material	All Plastic Materials
	Fabricate according to drawing as
	customers requirements

AGRU PLASTIC WELDERS (AUSTRIA) - MÁY HÀN ỐNG NHỰA HÃNG AGRU (ÁO)

PLASTIC WELDER — AGRU BEADLESS WELDING MACHINE / MÁY HÀN KHÔNG VẾT AGRU

MATERIAL	PVDF; ECTFE; PP PURE; POLYPURE
SIZE	OD 20mm - 110mm
FEATURE	Full automatic welding; non beads

PLASTIC WELDER — AGRU INFRARED WELDING MACHINE / MÁY HÀN HỒNG NGOẠI AGRU

MATERIAL	PE, PP-H, PP-R, PVDF, ECTFE, MFA®, PFA
SIZE	OD 20mm - 315mm
FEATURE	Full automatic welding; very small beads

PLASTIC WELDER — AGRU ELECTROFUSION WELDER / MÁY HÀN ĐIỆN TRỞ AGRU

MATERIAL	PVDF UHP
SIZE	OD 20mm - 63mm, SDR21
FEATURE	Full automatic welding; non beads

AGRU ELECTROFUSION (AUSTRIA) - PHỤ KIỆN, VAN HÀN ĐIỆN TRỞ HÃNG AGRU (ÁO)

ELECTRO FUSION — AGRU ELECTROFUSION FITTINGS / PHỤ KIỆN HÀN ĐIỆN TRỞ AGRU

MATERIAL	PE100, PP, PVDF
SIZE	OD 20mm - 1400mm, SDR11; SDR17
FEATURE	Full automatic welding; non beads

TAPPING VALVE — AGRU E.F TAPPING VALVE / VAN CHIA NHÁNH HÀN HDPE AGRU

MAIN PIPE	63mm - 315mm
BRANCH	32, 40, 50, 63 mm
MATERIAL	PE100-RC

SADDLES — AGRU ELECTROFUSION SADDLE / CHIA NHÁNH NƯỚC HDPE AGRU

MATERIAL	PE100-RC
MAIN PIPE	OD 90mm - 2500mm
BRANCH	OD 20mm - 900mm

AGRU OTHER PLASTIC PRODUCTS (AUSTRIA) - SẢN PHẨM NHỰA KHÁC HÃNG AGRU (ÁO)

FABRICATION — AGRU CUSTOMIZED FABRICATION / AGRU GIA CÔNG THEO THIẾT KẾ

MATERIAL	PE, PP, PVDF, PFA, FEP...
SIZE	All Dimension according to requests
FEATURE	Fabricate according to customer's design

RELINING — AGRU HDPE RELINING PIPE / ỐNG HDPE LỒNG TRONG AGRU

MATERIAL	PE100, PE100-RC
SIZE	OD 125mm - 400mm
APPLICATION	Lining & rehabilitation existing old pipes

HOT-COLD WATER & AIR PIPE — AGRU AIR & WATER PIPE & FITTING / ỐNG PPR - HDPE TRONG BUILDING

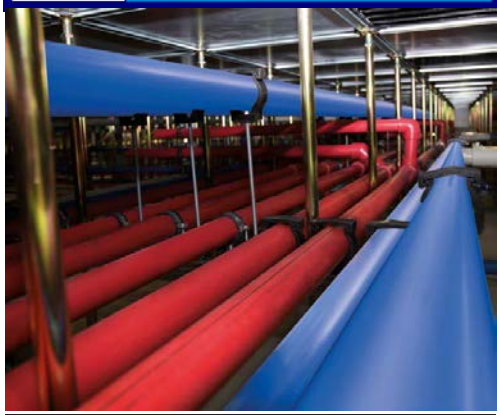

MATERIAL	PPR for Hot & Cold Water; PE100 for Air
SIZE	OD 20mm - 110mm
PRESSURE	PPR - PN10-PN16-PN20; PE100 - PN16

SDT
Plastic Piping Systems

+GF+

Signet Instrumentation

Measurement and Control Product Range

Transmitters (blind and display)
Monitors & Controllers
Network Communications
Flow
Level
pH/ORP
Conductivity/ Resistivity
Turbidity
Chlorine
Chlorine Dioxide
Dissolved Oxygen
Pressure
Temperature

GEORG FISCHER - SIGNET MEASUREMENT - HỆ THỐNG CẢM BIẾN +GF+

GF SIGNET -

An overview of the key products

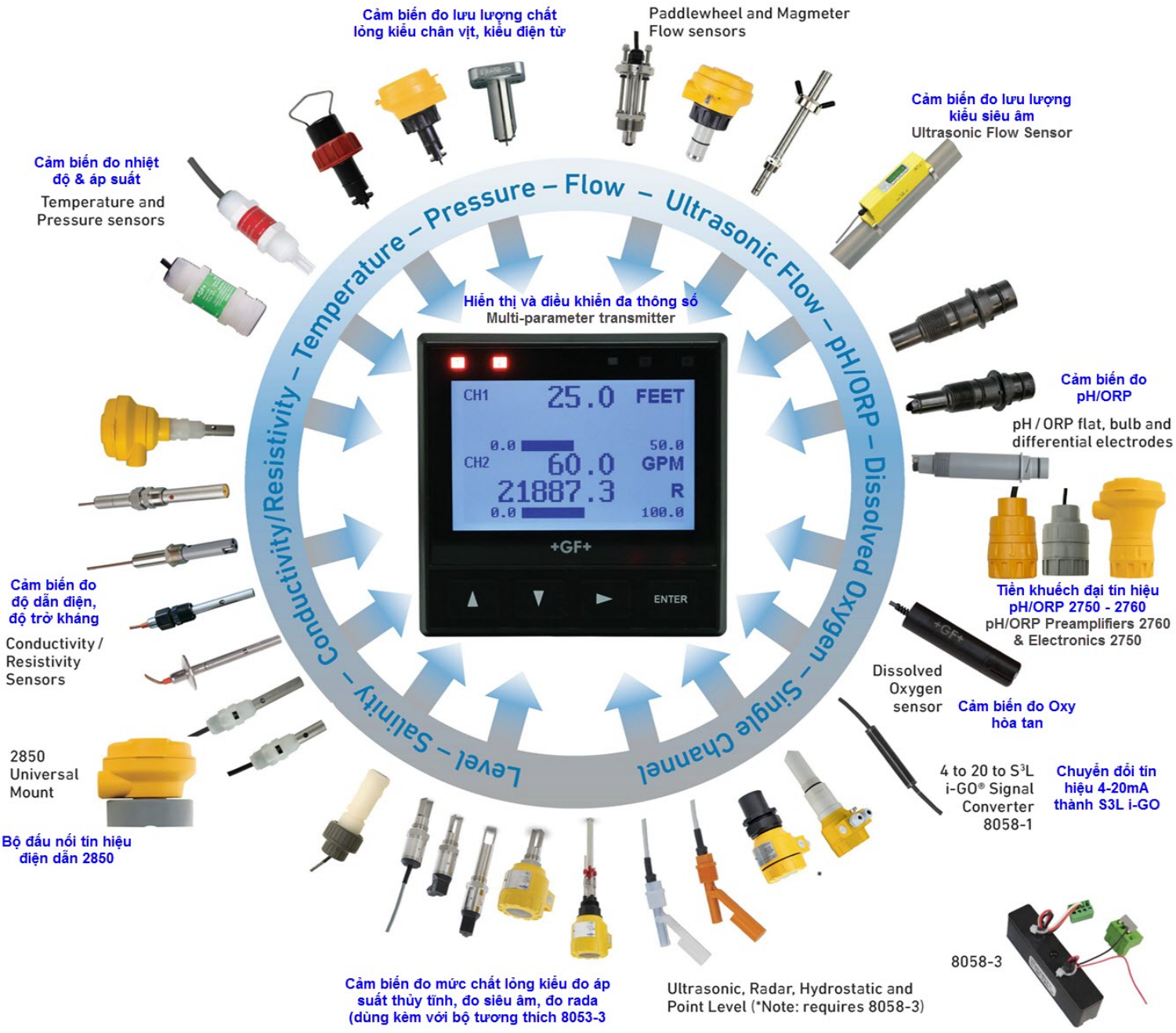

Multi-Parameter Instruments - Hiển thị và Điều khiển đa thông số

Bộ hiển thị và chuyển đổi tín hiệu đa thông số SmartPro 9900

- Chấp nhận nhiều tín hiệu vào như: lưu lượng, pH, ORP, độ dẫn/trở kháng, độ mặn, áp suất, nhiệt độ, mức và các tín hiệu 4-20mA khác.
- Màn hình hiển thị lớn, tự động điều chỉnh độ sáng giúp quan sát tốt trong mọi điều kiện.
- Hiển thị đồng thời kiểu số & thang mức độ
- Có thể lựa chọn relays ngoài hiện trường
- Có thể chọn dòng báo lỗi 3.6 mA or 22 mA
- Có thể lắp thêm các module Relay, HART communication và Direct Conductivity/ Res.
- Chấp nhận tín hiệu input là 4-20 mA (khi dùng với chuyển đổi tín hiệu 8058)
- Đèn LED thông báo lỗi và các cảnh báo
- Có thể reset về giá trị mặc định nhà máy

Bộ điều khiển Batching SmartPro 9900-1BC

- Màn hình hiển thị lớn, tự động điều chỉnh độ sáng giúp quan sát tốt trong mọi điều kiện.
- Xác nhận START/RESUME - để giúp người dùng xác nhận Batching bằng Yes/No hoặc password trước khi Batching.
- Có 03 relays có thể cài đặt, gồm 02 "dry-contact" relay và 01 "open-collector"
- Có thể lưu trữ tới 10 Batching hoặc Blending với nhiều thể tích lỏng khác nhau.
- Có thể đặt tên 10 mẻ batching, giúp phân biệt và lựa chọn loại batching mong muốn.
- Tương thích với nhiều cảm biến lưu lượng
- Chế độ điều khiển "Two-stage control" giúp ngăn overfilling hoặc giảm thiểu "water hammer"
- Các chế độ hoạt động đơn giản hoặc lập trình theo yêu cầu.

GF Signet Multi-Parameter Instruments - Hiển thị và Điều khiển đa thông số GF Signet

Bộ chuyển đổi tín hiệu và hiển thị kép 9950
- Một bộ hiển thị có thể kết nối nhiều tín hiệu như: Lưu lượng, pH, ORP, độ dẫn/trở kháng, mức, áp suất, nhiệt độ, DO, ...
- Một bộ hiển thị có thể kết nối cùng lúc 02 cảm biến, hiển thị 02 thông số.
- Màn hình có thể cấu hình theo mong muốn
- Gồm cả đo lường theo dẫn xuất
- Logic boolean cao cấp
- Có thể lắp thêm các Modules để mở rộng thêm các chức năng theo mong muốn
- Có cổng kết nối USB để có thể cập nhật thông số tại hiện trường. Sử dụng USD thông thường

Bộ điều khiển đa kênh / đa thông số 8900
- Dùng để đo lường, điều khiển nhiều tín hiệu như: Lưu lượng, pH/ORP, độ dẫn/trở kháng, áp suất, mức, nhiệt, DO.
- Cấp nguồn 1 chiều (DC) hoặc xoay chiều (AC)
- Cho phép kết nối cùng lúc 06 tín hiệu đầu vào
- Có thể cấp ra 4 tín hiệu 4-20mA outputs
- Có thể cấu hình lên tới 8 relays
- Sử dụng được với mọi tín hiệu cảm biến S3L
- Cho phép sử dụng với tín hiệu 4-20mA của nhà sản xuất cảm biến khác khi tín hiệu 4-20mA này được kết nối qua bộ chuyển đổi tín hiệu 8058

GF Signet Flow Sensors and Instruments - Các cảm biến đo lưu lượng GF Signet

Cảm biến lưu lượng kiểu Rotor-515
- Đo được các dòng chảy có vận tốc 0.3 - 6 m/s
- Khoảng đo (turndown ratio hay Q_{max}/Q_{min}) rộng, lên tới 20:1
- Output có độ lặp cao.
- Thiết kế đơn giản và kinh tế
- Lắp đặt cho đường ống có đường kính trong khoảng từ DN15 đến DN900 (½ - 36 in.)
- Tự cấp nguồn, không cần cấp nguồn ngoài.
- Có sẵn chứng chỉ Test với các mã -X0, -X1
- Vật liệu chế tạo có khả năng chống ăn mòn hóa chất (thân từ nhiều loại vật liệu nhựa).

Cảm biến lưu lượng kiểu Rotor-2536
- Đo được các dòng chảy có vận tốc 0.1 - 6 m/s
- Khoảng đo (turndown ratio hay Qmax/Qmin) rộng, lên tới 66:1
- Open-collector output
- Lắp đặt cho đường ống có đường kính trong khoảng từ DN15 đến DN900 (½ - 36 in.)
- Khử tạp âm và nhiễu cao
- Output có độ lặp cao.
- Có sẵn chứng chỉ Test với các mã -X0, -X1
- Vật liệu chế tạo có khả năng chống ăn mòn hóa chất (thân từ nhiều loại vật liệu nhựa).

Cảm biến lưu lượng kiểu Rotor-2537
- Tín hiệu ra (output) Digital (S3L) và 4-20mA
- Cho phép kết nối tới 6 đầu đo trực tiếp tới bộ điều khiển đa thông số Signet 8900
- Đo được các dòng chảy vận tốc thấp 0.1m/s
- Thân cảm biến bằng nhựa PP hoặc PVDF chịu ăn mòn, hóa chất cao.
- Lắp đặt cho đường ống có đường kính trong khoảng từ DN15 đến DN200 (½ to 8 in.)
- Có sẵn chứng chỉ Test với các mã -X0, -X1
- Có thể lựa chọn option có độ phân giải cao, tốn ít năng lượng

Cảm biến lưu lượng kiểu Rotor, thân bằng thép không gỉ (Inox) - 2540
- Đo được các dòng chảy có vận tốc 0.1 - 6 m/s
- Có thể thay thế bộ phận cảm biến tại site
- Bộ cảm biến không có từ tính
- Kết nối với đường ống bằng ren NPT or ISO
- Có thể lắp kiểu Hot-tap (lắp nóng) khi đường ống đang chạy mà không cần dừng.
- Lắp đặt cho đường ống có đường kính lên tới DN900 (36 in.).
- Cáp nối chuẩn dài 7.6 m (25 ft)
- Cảm biến có thể điều chỉnh độ dài thân

Cảm biến lưu lượng kiểu điện từ 2551 (Loại có hiển thị & không hiển thị)
- Đo được các dòng chảy có vận tốc: 0.05 -10 m/s
- Không có bộ phận chuyển động
- Đo dòng theo 02 chiều, không có tổn thất áp suất
- Phát hiện ống không có dòng
- Lắp đặt cho đường ống có đường kính trong khoảng từ DN15- DN900 (½-36 in.)
- Đo lưu lượng chính xác, kể cả với chất thải bẩn
- Thân bằng PP hoặc PVDF chịu ăn mòn
- Tín hiệu xuất ra 4-20 mA, digital/frequency, relay
- Manu hiển thị nhiều ngôn ngữ

Cảm biến lưu lượng kiểu điện từ 2552 Thân bằng thép không gỉ (Inox)
- Đã có chứng chỉ NIST test
- Dành được giải thưởng cảm biến lưu lượng kiểu điện từ có thể lắp Hot-Tap cho đường ống lên tới DN2550 (102 in.)
- Đo được các dòng chảy có vận tốc: 0.05 to 10 m/s
- Hoạt động tốt trong cả môi trường nhiều cặn thô
- Tín hiệu xuất ra: frequency/digital (S3L), 4-20 mA
- Repeatable: ±0.5% giá trị đọc tại 25°C
- Kết nối với đường ống bằng ren NPT or ISO

Cảm biến lưu lượng kiểu Rotor - 525, chịu áp cao, thân Inox
- Chịu áp cao tới 103 bar (1500 psi)
- Lắp đặt cho đường ống có đường kính trong khoảng từ DN15 to DN300 (½ to 12 in.)
- Lắp đặt thuận tiện và dễ dàng.
- Tự cấp nguồn, không cần cấp nguồn ngoài.
- Thân bằng Inox 316, Hợp kim Vonfram cacbon, trục bằng thép không gỉ
- Cap dài 7.6 m (25 ft)
- Đo được các dòng chảy có vận tốc trong khoảng 0.5 to 6 m (1.6 to 20 ft/s)

Phụ kiện lắp đặt các cảm biến GF Signet trên đường ống
- Phụ kiện cung cấp đồng bộ, chính hãng, đảm bảo độ chính xác cao nhất và dễ dàng lắp đặt các cảm biến lưu lượng GF trên đường ống
- Nhiều loại vật liệu, phù hợp với vật liệu đường ống cần lắp đặt
- Đa dạng chuẩn ống
- Đa dạng kiểu phụ kiện để khách hàng lựa chọn

GF Signet Flow Sensors and Instruments - Các cảm biến đo lưu lượng GF Signet

Đo lưu lượng kiểu siêu âm Ultraflo loại gắn tường - type 3000 / 4000
- Dải tốc độ dòng đo được: 0.1 m/s - 20 m/s
- Dải đường kính ống đo được: d13-d2000
- Nguồn cấp: DC 24 V hoặc AC 86-240 V
- Output 0/4 - 20mA, RS 232, USB, pulse
- Data logger (Type 4000)
- Đo được thời gian chuyển tiếp

Đo lưu lượng kiểu siêu âm cầm tay - type 330 / 220
- Dải tốc độ dòng đo được: 0.1 m/s - 20 m/s
- Dải đường kính ống đo được: d13-d2000
- Nguồn cấp: Pin, AC 110-240 V
- Output: 0/4 to 20 mA, RS 232, USB, pulse
- Data logger (Type 330)
- Đo được thời gian chuyển tiếp

Đo lưu lượng kiểu siêu âm type U1000
- Dải tốc độ dòng đo được: 0.1 m/s-10 m/s
- Dải đường kính ống đo được: d50-d150
- Nguồn cấp: DC 12-24 V
- Output: 4-20 mA, pulse or frequency
- Đo được thời gian chuyển tiếp

Variable Area Flow Meters (Rotameter) type 335 / 350, SK50-73
- Vật liệu ống đo: PVC transparent, PA, PSU, PVDF
- Kết nối với đường ống: Rắc co PVC (std)
- Đường kính: DN10-DN65 (3/8"-3 1/2")
- Cấp áp suất: PN10
- Lựa chọn lắp thêm: switch feedback
- Các thước đo đặc biệt như NaOH, HCl... theo yêu cầu khách hàng

Cảm biến lưu lượng kiểu Turbine type 2100
- Dải đo: 0.38 - 38 lpm (0.8 - 38 gpm)
- Đường kính ống lắp: DN15 (½ in.)
- Vật liệu thân: PVDF
- Cấp áp suất: 16 bar @ 20°C (232 psi @ 68°F)
- Open Collector output
- Sử dụng cùng fitting: 3-2100-31 to 3-2100-38

Cảm biến lưu lượng kiểu Rotor siêu nhỏ type 2000
- Dải đo: 0.11 - 12.11 lpm (0.03 - 3.2 gpm)
- Kiểu nối: Ren NPT ¼ in. or Ren ISO 7/1-R1/4
- Vật liệu thân: PPS và PEEK
- Cấp áp suất: 5.5bar @0°-80°C (80psi @32°-176°F)
- Open Collector output
- Cáp chuẩn dài 7.6 m (25 ft)

Cảm biến lưu lượng kiểu Rotor nhỏ type 2507
- Dải đo: 400-12000 mL/m (0.1 - 3.2 U.S. gpm)
- Kiểu nối: G ¼ in., Ren NPT ¼ in.
- Vật liệu thân: PVDF
- Cấp áp suất: 5.5bar @ 24°C (80 psi @ 75°F)
- Open Collector output
- Cáp chuẩn dài 7.6 m (25 ft)

Hiển thị lưu lượng 8550 (Loại cũ)
- Cấp nguồn: 2 dây hoặc 4 dây
- Đây là bộ hiển thị lưu lượng theo Model cũ, chỉ còn loại 02 đầu Input và Output
- Output: 4-20mA kèm Relay, bộ đếm tổng có thể reset được
- Cấp bảo vệ: NEMA 4X với màn hình hiển thị có thể tự làm kín

Bộ tích hợp cảm biến lưu lượng và Hiển thị đa thông số Signet 9900
- Bộ hiển thị 9900 được lắp đặt trực tiếp trên cảm biến lưu lượng, cho hiển thị tại chỗ.
- Cấp output 4-20mA
- Màn hình hiển thị LCD lới giúp hiển thị lưu lượng kiểu số và kiểu thanh dễ quan sát.
- Cấp bảo vệ NEMA 4X/IP65
- Đèn cảnh báo LED
- Lựa chọn bổ xung cổng PC COMM, H COMM
- Lựa chọn chế độ báo lỗi với Ouput 3.6mA or 22mA
- Chấp nhận Input 4-20 mA (kèm với 8058)
- Khả năng đưa về giá trị mặc định từ nhà máy

Bộ lưu lượng tích hợp hiển thị chạy pin - type 8150
- Hiển thị lưu lượng tức thời và lưu lượng tổng
- Cấp nguồn bằng PIN với tuổi thọ lâu
- 01 input, có chỉ báo ống rỗng (không có dòng)
- Lắp đặt tích hợp trên cảm biến lưu lượng 515 và 8510
- Có 03 totalisers trong đó có 2 Totalizer có thể reset và 01 không thể reset
- Calib tự động
- Vận hành đơn giản chỉ bằng nút bấm
- Người dùng có thể sử dụng mã để ngăn chặn các can thiệp không mong muốn từ ngoài.

GF Signet Pressure Sensors and Instruments - Các cảm biến đo Áp Suất GF Signet

Cảm biến đo áp suất - type 2450
- Dải đo: -0.1-0.7 bar (-1.5-10 psi) - với mã đuôi U
- Dải đo: 0.41-3.4 bar (-6.0-50 psi) - với mã đuôi L
- Dải đo: 0.96-17.2 bar (-14.6-250 psi) - với mã đuôi H
- Vật liệu thân: PVDF, ceramic
- Kết nối: nối rắc co ren 1/2", Ren kép
- Output: 4-20 mA or digital (S3L)

Cảm biến đo áp suất - type 2450 tích hợp hiển thị 9900
- Hiển thị tích hợp với cảm biến áp suất 2450 để đo áp suất và đo mức thủy tĩnh.
- Màn hình hiển thị lớn bằng số và thanh mức
- Cung cấp 4-20 mA output
- Cấp bảo vệ: NEMA 4X/IP65

GF Signet Temperature Sensors and Instruments - Các cảm biến đo Nhiệt độ GF Signet

Cảm biến đo Nhiệt độ 2350
- Dải đo: 10 °C đến 100 °C (14 ° – 212 °F)
- Vật liệu thân PVDF chịu ăn mòn rất tốt
- Ren 3/4in ở 02 đầu cảm biến giúp cảm biến có thể lắp in-line hoặc lắp chìm trong bể
- Output: 4-20 mA hoặc digital (S3L)
- Dùng điện trở PT1000 Platinum RTD cho khả năng đáp ứng nhanh nhất

Bộ đo nhiệt độ tích hợp 9900 Transmitter
- Là bộ cảm biến đo nhiệt độ 2350 tích hợp sẵn với bộ hiển thị 9900 cho phép hiển thị tại chỗ.
- Cung cấp Output: 4-20 mA
- Màn hình hiểu thị sắc, nét, to dễ quan sát
- Hiển thị giá trị đo cả dạng số và dạng thanh mức
- Cấp bảo vệ NEMA 4X/IP65

GF Signet Level Swiches, Sensors and Instruments - Các cảm biến đo Mức GF Signet

Cảm biến đo mức kiểu áp suất thủy tĩnh 2250
- Dải đo 1: 0 - 10 psi = 0 - 7.03 m = 0 - 23.06 ft
- Dải đo 2: 0 - 50 psi = 0 - 35.15 m = 0 - 115.32 ft
- Vật liệu thân: PVDF, PVC, ceramic chịu ăn mòn, chịu hóa chất cao
- Cảm biến có thể lắp chìm hoặc tại đáy thành bể
- Output: 4-20 mA hoặc digital (S3L)
- Kiểu đo: Thep phương phát đo áp suất thủy tĩnh

Level Switch báo mức kiểu giao thoa 2280
- Cảm biến 2280 dùng để báo mức đầy, mức rỗng của chất lỏng, chất bột hoặc hạt rắn đồng thời xuất alarm báo mức quá đầy hoặc báo rỗng
- Đo dựa theo nguyên tắc giao thoa âm
- Không phụ thuộc vào độ dẫn, điện môi, độ nhớt, áp suất, nhiệt độ của môi chất.
- Độ nhạy có thể lựa chọn.
- Output: relay hoặc electronic
- Nhiệt độ max: lên tới 130 °C, ATEX và WHG approvals, Cấp bảo vệ IP67, 65/68, NEMA 6P

Cảm biến đo mức siêu âm 2270
- Đo mức không tiếp xúc + transmiter nhỏ, gọn
- Góc phát tín hiệu đo hẹp, chỉ khoảng 5°
- Bộ phát tín hiệu có khả năng bù nhiệt đầy đủ
- Phần mềm chuyển đổi tín hiệu chính xác cao
- Thân bằng PP và PVDF chịu ăn mòn
- Secondary lightning protection
- Output: 4 to 20 mA / HART interface

Đo mức siêu âm 2260 + Transmitter
- Đo mức không tiếp xúc + transmiter nhỏ, gọn
- Góc phát tín hiệu đo hẹp, chỉ khoảng 5°
- Bộ phát tín hiệu có khả năng bù nhiệt đầy đủ
- Phần mềm chuyển đổi tín hiệu chính xác cao
- Thân bằng PP và PVDF chịu ăn mòn
- Menu cài đặt tiện lợi, dễ dàng
- Màn hiển thị và phím bấm có thể tháo rời
- Relay cấp tín hiệu high/low alarm
- Output: 4 to 20 mA / HART interface
- Option Bảo vệ chống cháy nổ (Explosion-proof)

Level Switch đa điểm 2281
- Độ dài đầu đo có thể điều chỉnh dễ dàng tại hiện trường.
- Lắp đặt nhanh vì có 02 hoặc 04 công tắc được tích hợp trong 01 cảm biến.
- Có thể lựa chọn tới 4 relay để điều khiển bơm hoặc van điều khiển.
- Độ nhạy có thể điều chỉnh
- Độ trễ có thể điều chỉnh
- Đo mức dựa trên độ dẫn điện của môi chất

Level Switch kiểu phao 2282
- Chịu ăn mòn tốt, tương thích hóa chất cao khi có vật liệu chế tạo là PP hoặc PVDF
- Thiết kế nhỏ gọn
- Được dùng cho các bồn chứa nhỏ

Level Swich kiểu siêu âm 2284
- Relay Output
- Thân bằng nhựa PPS chịu ăn mòn rất tốt.
- Lắp đặt bằng kết nối ren 1" và 3/4"
- Cảm biến kích thước nhỏ, có thể lắp đặt trong các không gian nhỏ, hẹp, bồn chứa nhỏ.
- Không có bộ phận chuyển động nên bền vài ít phải bảo trì

Lever Swith kiểu phao 2285
- Được đúc kín hoàn toàn, buồng đôi.
- Switch siêu nhỏ, không có thủy ngân tự do nên có thể dùng với nước sạch

Cảm biến đo mức kèm Transmitter không tiếp xúc kiểu Radar 2290
- Góc phát tín hiệu đo 19°angle
- Chức năng mô phỏng bản đồ bồn chứa
- Hiển thị LCD
- Hình dáng bồn chứa được định trước
- Làm việc tốt trong môi trường có mùi, môi trường đặc sệt, hoặc có lớp bọt nhẹ

Cảm biến đo mức kiểu Radar gắn trên trục dẫn kèm transmitter 2291
- Dải đo lên tới 6 m (19.6 ft)
- Độ chính xác ± 5 mm (0.2 in)
- Trục dẫn và cáp PP hoặc được phủ PFA
- Minimum εr 1.9
- Hiển thị Graphic LCD
- Output: 4 to 20 mA + HART
- Nhiệt độ làm việc: -30°C to +90°C (-22 to +194°F)
- Áp suất làm việc: 40 bar (580 psi)
- Cấp bảo vệ IP67

GF Signet pH & ORP Sensors and Instruments - Các cảm biến đo độ pH/ORP GF Signet

Cảm biến đo độ pH/ORP 2724-2726
- Thiết kế bộ đệm cải tiến giúp tăng hiệu quả đo
- Kết nối với Tê thu ren NPT 3/4" và ISO 7/1
- Lắp đặt được ở bất cứ góc, vị trí nào, ngay cả lắp nằm ngang vẫn đảm bảo đo chính xác
- Thân bằng nhựa PPS chịu ăn mòn, hóa chất
- Kết nối kiểu Dryloc với tiếp điểm mạ vàng
- Phản ứng nhanh với sự thay đổi nhiệt độ
- Có lựa chọn đầu đo dùng cho môi trường có độ dẫn điện thấp đến 20µS/cm và môi trường có axit HF≤2%

Cảm biến đo độ pH/ORP 2734-2736
- Thiết kế bộ đệm cải tiến giúp tăng hiệu quả đo
- Kết nối với Tê thu ren NPT 3/4" và ISO 7/1
- Lắp đặt được ở bất cứ góc, vị trí nào, ngay cả lắp nằm ngang vẫn đảm bảo đo chính xác
- Thân bằng nhựa PPS chịu ăn mòn, hóa chất
- Kết nối kiểu Dryloc với tiếp điểm mạ vàng
- Phản ứng nhanh với sự thay đổi nhiệt độ
- Thiết kế đặc biệt trong buồng đo giúp chống nhiễm độc hóa chất và tăng tuổi thọ đầu đo.
- Buồng đệm PTFE chống hóa chất xâm thực

Đầu đo pH-ORP 2764-2767
- Được thiết kế đặc biệt giúp làm việc tốt với hầu hết các hóa chất, kéo dài tuổi thọ khi sử dụng trong môi trường độc với đầu đo.
- Kết nối kiểu Dryloc với tiếp điểm mạ vàng
- Buồng đệm từ PTFE chống hóa chất xâm thực
- Dung dịch reference có thể bổ xung
- Đi kèm với cảm biến nhiệt độ (pH)
- Phản ứng nhanh với sự thay đổi nhiệt độ
- Dễ dàng kết nối nhờ cơ cấu Dryloc, tương thích với tất cả các transmitter của GF và của nhà sản xuất khác

Đầu đo pH-ORP 2774-2777
- Kết nối kiểu Dryloc với tiếp điểm mạ vàng
- Lắp đặt được ở bất cứ góc, vị trí nào, ngay cả lắp nằm ngang vẫn đảm bảo đo chính xác
- Phản ứng nhanh với sự thay đổi nhiệt độ
- Option dùng cho môi trường nhiệt độ cao
- Dễ dàng thay thế đầu đo do sử dụng kết nối
- Lắp đặt với phụ kiện bằng ren 3/4 inches
- Tương thích với tất cả các transmitter của GF và transmitter pH/ORP của nhà sản xuất khác

Bộ kết nối đầu đo pH/ORP 2750 DryLoc
- Dùng để kết nối đầu đo pH/ORP và truyền tín hiệu pH/ORP về pH/ORP Transmiter và PLC
- Lắp đặt in-line trên ống và lắp chìm trong bể
- Tự động bù nhiệt độ
- Tự động config tương thích với đầu đo pH/ORP
- Có sẵn chức năng EasyCal tự động nhận biết dịch chuẩn
- Có Junction boxes giúp lỗi dây dễ dàng
- Kết nối DryLoc® với đầu cảm biến, cho phép tháo lắp đầu đo để bảo dưỡng, thay thế dễ dàng

Bộ kết nối đầu đo và tiền khuếch đại tín hiệu pH/ORP 2760 DryLoc
- Dùng để kết nối đầu đo pH/ORP, khuếch đại trước khi truyền tín hiệu pH/ORP về pH/ORP Transmiter và PLC, giúp tín hiệu truyền được xa và ổn định hơn
- Lắp đặt in-line trên đường ống và lắp chìm trong bể - Tương thích với cảm biến pH và ORP
- Kết nối DryLoc® với đầu cảm biến, cho phép tháo lắp đầu đo để bảo dưỡng, thay thế dễ dàng

Bộ hiển thị pH/ORP 8750-3
- Kết nối với bộ tiền khuếch đại pH/ORP 2760
- Tự động bù nhiệt
- Hiển thị đồng thời pH/ORP và nhiệt độ
- Có thể lắp đặt inline, trên tường, trong tủ điện
- Output: 02 output 4-20mA + 02 Open collectors
- Cấp bảo vệ: NEMA 4X/IP65

Phụ kiện kết nối Wet-Tap pH/ORP 3719
- Hệ thống hỗ trợ cho việc đo pH trong nuôi trồng thủy sinh
- Hỗ trợ lắp đặt đầu đo pH cho hệ thống giải trí
- Hỗ trợ lắp đặt đầu đo pH trong hệ thống xử lý nước thải và giám sát môi trường
- Sử dụng trong các hệ thống hóa chất
- Sử dụng tiện lợi trong các ứng dụng như hệ thống bể bơi, spa, tinh chế hóa chất

GF Signet Conductivity & Resistivity - Cảm biến đo độ Điện dẫn - Điện trở GF Signet

Cảm biến đo độ điện dẫn/điện trở 2818-2823
- Có thể lắp đặt In-line hoặc lắp chìm trong bể
- Có thể yêu cầu chứng chỉ NIST traceable ±1% đáp ứng các yêu cầu của chuẩn USP
- Đa dạng kết nối tiêu chuẩn gồm: nối ren ¾" NPT, nối Tri-clamp 1 -1 1/2", 2"; Lựa chọn thêm nối ren 1/2" NPT 316SS
- Thân cảm biến bằng 316SS hoặc Titan, ngoài ra có thể lựa chọn thêm các vật liệu khác như Hastelloy-C, Monel, Titanium

Cảm biến đo độ điện dẫn/điện trở 2839-1V(D)-2842-1V(D) PVDF
- Sai số ±2%, cấp chứng chỉ Calib độc lập khi có yêu cầu
- Kết nối ren 3/4" NPT PVDF 02 đầu
- Thiết kế độ dài cảm biến đủ ngắn, gọn để lắp đặt in-line trên các ống có size nhỏ
- Thiết kế 03 lỗ orifice giúp giảm thiểu điểm mù và bong bóng tạo thành
- Thân bằng 316SS với kết nối đúc từ PVDF giúp cách ly đầu đo & chống ăn mòn
- Đáp ứng các yêu cầu của chuẩn USP

Bộ đo độ điện dẫn/điện trở tích hợp 2850
- Tích hợp cảm biến và chuyển đổi tín hiệu giúp dễ dàng lắp đặt
- Thiết kế nhỏ gọn tối ưu hóa lắp đặt
- Giúp mở rộng kết nối từ điểm đo đến transmitter 9900 lên đến khoảng cách 120m (400 ft)
- Output: Digital (S3L) hoặc 4-20mA hai dây
- Chức năng EasyCal tự nhận dịch chuẩn độ
- Có kết nối kênh kép giúp giảm chi phí lắp đặt khi dùng với bộ Signet 8900 Multi-Parameter Controller
- Sử dụng với tất cả các đầu đo điện dẫn GF

Bộ đo độ điện dẫn/điện trở tích hợp với hiển thị Signet 9900
- Dùng để lắp đặt đo điện dẫn, điện trở với màn hình hiển thị tại chỗ
- Cung cấp Output 4-20mA
- Màn hình dễ quan sát, hiển thị số và thanh mức
- Cấp bảo vệ NEMA 4X/IP65
- Lắp được với tất cả các đầu đo và dải sản phẩm đo điện dẫn, điện trở của GF Signet

GF Signet Chlorine Sensors and Instruments - Các cảm biến đo độ Clo dư GF Signet

Bộ hiển thị đo Clo dư Signet 8630
- Hiển thị nồng độ Clo tự do trong dung dịch với dải đo 0-20ppm (mg/L), có 02 output 4-20mA và 02 Relay
- Bù pH và bù Nhiệt tự động
- Hiển thị thông tin chuẩn đoán từ bộ nhớ sensor
- Cài đặt đơn giản và dễ dàng điều chỉnh màn hình LCD Backlit

Cảm biến đo Clo dư 2630
- Chip nhớ được cài đặt để có thể kết nối với bộ hiển thị Signet 8630
- Kết nối nhanh bằng cơ cấu kết nối Dryloc
- Được tích hợp cơ cấu tự động bù nhiệt
- Được thiết kế để nối với bộ kết nối Chlorine Signet 2650 giúp dễ dạng thay thế, bảo dưỡng đầu đo khi cần mà không cần tháo dỡ cáp mới.

Cảm biến đo ClO2 Signet 2632
- Chip nhớ được cài đặt để có thể kết nối với bộ hiển thị Signet 8630
- Kết nối nhanh bằng cơ cấu kết nối Dryloc
- Được tích hợp cơ cấu tự động bù nhiệt
- Được thiết kế để nối với bộ kết nối Chlorine Signet 2650 giúp dễ dạng thay thế, bảo dưỡng đầu đo khi cần mà không cần tháo dỡ cáp mới.

Bộ kết nối Chlorine Signet 2650
- Dùng để kết nối và chuyển dữ liệu đo từ cảm biến đo Chlorine đến bộ hiển thị Signet 8630
- Cơ cấu kết nối Dryloc giúp kết nối với đầu đo dễ dàng tháo lắp và an toàn, kín nước, tin cậy
- Dễ dàng thay thế đầu đo mà không cần đi lại dây
- Dễ dàng tháo lắp đầu đo để báo dưỡng

H th ng L o Chlorine t ch h p Signet 4630
- L h th ng t ch h p all-in-one L WL o h m l ng Clo t do tu©n th theo EPA 334.0
- n c ldp L Hu s n tr n m t Panel v i c§c ng L o trong su t gi¼p d d ng quan s§t, lo i b b ng kh v ldp L Hu khi ch c n L u n i L hn gi n.
- C s n c§c van L WLiQu ti t d ng v §p qua L u L o
- Ngu n c p 100-240VAC, output 4-20mA, 2 relay
- C thW a ch n ldp L ng th i L u L o pH L Wc thWb½tr pH gi¼p L o Clo L c ch nh x§c.

H th ng L o ClO2 t ch h p Signet 4632 -
- Là hệ thống tích hợp all-in-one để đo hàm lượng ClO2
- Được lắp đặt sẵn trên một Panel với các ống đo trong suốt giúp dễ dàng quan sát, loại bỏ bóng khí và lắp đặt khi chỉ cần đấu nối đơn giản.
- Có sẵn các van để điều tiết dòng và áp qua đầu đo
- Nguồn cấp 100-240VAC, output 4-20mA, 2 relay

GF Signet DO Sensors and Instruments - Các cảm biến đo Oxy hòa tan (DO) GF Signet

Cảm biến đo Oxy hòa tan (DO) Signet 2610
- Đo DO theo phương pháp quang học, không cần phải có dòng chảy, thiết kế chắc chắn
- Căn chỉnh tích hợp sẵn trong nắp đo lường của đầu đo, sai số 2%, dải đo 0 đến 20 mg/L
- Tuổi thọ của nắp đo lường là 1 năm
- Không sử dụng màng đo hoặc dung dịch
- Đa dạng cổng giao tiếp gồm: 4 - 20 mA, Modbus (RS485) hoặc S3L
- Dải đo: 0 - 20 mg/L, đo in-line hoặc nhúng chìm

Cảm biến đo độ đục Signet 4150
- Dễ dàng lắp đặt do được tích hợp sẵn thành bộ kèm theo van điều áp.
- Tuân theo chuẩn ISO 7027; Màn hình hiển thị EPA theo chuẩn U.S. EPA 180.1
- Output 4 - 20 mA có thể mở rộng hoặc RS 485 02 relay
- Dễ dàng đấu nối dây và bảo trì
- Có thêm lựa chọn loại tự làm sạch cảm biến bằng siêu âm đảm bảo thời gian đo lâu hơn
- Có thể lựa chọn mua thêm bộ dụng cụ căn chỉnh

GF Signet Other Instruments - Các thiết bị GF Signet khác

Bộ tập trung Profibus Signet 0486
- Tương thích với 06 tính hiệu cảm biến hoặc module relay và 01 van tuyến tính với hệ thống PROFIBUS để thực hiện cùng một nhiệm vụ - Có 04 kênh hỗ trợ S3L hoặc tín hiệu tương tự - 02 kênh hỗ trợ S3L hoặc 4 - 20mA
- 01 kênh cho riêng tín hiệu input/output 4-20mA
- Dùng để điều khiển van điều khiển tuyến tính hoặc các thiết bị điều khiển khác

Bộ chuyển đổi tín hiệu i-Go 8058
- Kết nối các thiết bị đo mức, nhiệt độ, áp suất, và các bộ điều khiển đa thông số Signet
- Dùng để chuyển đổi các tín hiệu 4-20mA input thành tín hiệu S3L để dùng với các bộ điều khiển, hiển thị đa thông số của GF như Signet 8900, Signet 9900, Signet 9950
- Dùng để đấu nối các tín hiệu đo 4-20mA từ hãng khác tới các bộ Signet 8900, 9900, 9950 - Có thể lắp đặt in-line hoặc trên ray

Tester pH-ORP Signet 2759
- Thiết bị để phát tín hiệu pH và ORP dạng milivolt nhằm kiểm tra tình trạng cảm biến
- Input trở kháng cao mô phỏng tín hiệu tiền khuếch đại
- Dùng để kiểm tra hệ thống
- Tương thích với bộ tiền khuếch đại Signet 2760 và bộ kết nối điện tử Signet 2750
- Kết nối với bất kỳ thiết bị GF Signet pH/ORP nhằm kiểm tra tình trạng bộ tiền khuếch đại Signet 2760 và Signet 2750

USB Signet 3-0250 để kết nối tín hiệu S3L của đầu đo để chuẩn đoán - cấu hình
- Giao diện thân thiện người sử dụng
- Dùng để cấu hình cảm biến không có hiển thị - Dùng để cấu hình tất cả các thông số có thể điều chỉnh của cảm biến
- Dùng để lấy dữ liệu dạng mV của cảm biến để lưu trữ và giám sát, dữ liệu nhiệt độ cảm biến pH/ORP - Dùng để lấy tín hiệu dạng đồ thị
- Có thể nối cáp dài tới 2 m (6 ft)

Schubert & Salzer Control Systems GmbH - Van điều khiển đặc biệt Schubert & Salzer (Đức)

Sliding gate manual valve

Van cổng đĩa trượt (Sliding Gate) được thiết kế đặc biệt để thay thế cho Van cầu (Globe valve), Van bi (Ball valve) với nhiều ưu điểm vượt trội
- Thiết kế nhỏ, gọn, nhẹ, tiết kiệm không gian và lắp đặt dễ dàng, nhất là với đường ống size lớn
- Điều khiển đóng/mở chính xác, dễ dàng và nhanh bằng tay vặn, kể cả trong trường hợp chênh áp cao, do hành trình của van ngắn
- Hệ số Kv của Van cao
- Vật liệu: Thép carbon hoặc Inox, Tmax: 550°C
- Size: DN15 - DN250; PN16 - PN100

Sliding gate valve with diaphragm actuator

Van cổng đĩa trượt (Sliding Gate) với bộ điều khiển khí nén kiểu màng, có thể tích hợp thêm bộ điều khiển tuyến tính Positioner (PID) để điều khiển chính xác độ mở van.
Van thích hợp sử dụng trong nhiều môi trường như Steam, Gas, Nước, Hóa chất ăn mòn...
Vật liệu: Thép carbon hoặc Inox, Tmax: 550°C
Van dùng phù hợp nhất tại các vị trí có không gian chật, hẹp để thay thế cho Van Cầu, Van Bi...
Cơ cấu đĩa trượt cho phép điều khiển chính xác và nhanh, ngay cả khi chênh áp lớn.

Sliding gate valve with piston actuator

Van cổng đĩa trượt (Sliding Gate) với bộ điều khiển khí nén kiểu Piston, có thể tích hợp thêm bộ điều khiển tuyến tính Positioner (PID) để điều khiển chính xác độ mở van.
Van dùng phù hợp nhất tại các vị trí có không gian chật, hẹp để thay thế cho Van Cầu, Van Bi...
Van thích hợp sử dụng trong nhiều môi trường như Steam, Gas, Nước, Hóa chất ăn mòn...
Vật liệu: Thép carbon hoặc Inox, Tmax: 550°C
Cơ cấu đĩa trượt cho phép điều khiển chính xác và nhanh, ngay cả khi chênh áp lớn.

Sliding gate valves with electric motor actuator

Nếu muốn dùng điều khiển điện, có thể lựa chọn van cổng đĩa trượt (Sliding Gate) với bộ điều khiển điện, có thể tích hợp thêm bộ điều khiển tuyến tính Positioner (PID), limit switch, position feedback
Van thường lắp đặt tại các vị trí có không gian chật, hẹp để thay thế cho Van Cầu, Van Bi...
Điện áp điều khiển: 24VDC; 220VAC, IP65
Vật liệu: Thép carbon hoặc Inox, Tmax: 550°C
Cơ cấu đĩa trượt cho phép điều khiển chính xác và nhanh, ngay cả khi chênh áp lớn.

Ball Sector Valves

Van Bi được thiết kế để lắp đặt trong các ứng dụng như kiểm soát bùn, hoặc các vị trí có độ nhớt cao.
Van có thể lắp đặt bộ điều khiển khí nén hoặc điều khiển điện, cùng với các accessories như Positioner, limit switch, position feedback...
Van được chế tạo bằng Thép không gỉ thích hợp dùng trong các ngành công nghiệp như giấy, thép, hóa chất, thực phẩm, môi trường...
Size valve: DN25 - DN300
Nhiệt độ làm việc: -40 to 220°C

Segment disc valves

Van đĩa lỗ kiểu trượt (Segment disc) được thiết kế với một đĩa lỗ cố định và một đĩa lỗ trượt quay để đóng, mở bằng tay vặn, bộ điều khiển khí nén, bộ điều khiển điện.
Van có thể dùng với môi trường lỏng và hơi hoặc môi trường hỗn hợp
Van được thiết kế nhỏ, gọn, tiết kiệm không gian khi lắp đặt
Van có thể điều khiển dòng 2 chiều, độ ồn thấp, hệ số dòng Kv cao
Size: DN25 - DN200, PN25 hoặc tới DN800

Sanitary valves

Van Sanitary được dùng trong các môi trường cần độ tinh khiết cao, van có chức năng CIP, SIP để tránh bám bẩn, tích tụ và phát triển vi khuẩn hoặc các yếu tố gây hại. Ngoài ra các van Sanitary được thiết kế để không có khoảng chết
Van có thể được tích hợp các bộ điều khiển để dễ dàng kiểm soát quá trình
Van có thân bằng thép không gỉ cao cấp, đáp ứng được các yêu cầu khắt khe nhất
Size: DN15 - DN40; T = -20 to 140°C

Angle Seat valves

Van góc (Angle Seat Valve) có thiết kế nhỏ, gọn, tiết kiệm không gian, dùng tại các vị trí cần đóng, ngắt nhiều. Van có thể đóng mở bằng tay vặn, bằng điều khiển khí nén hoặc điều khiển điện, hoặc lắp thêm các accessories khác như limit switch, positioner, feedback...
Van có thân bằng đồng hoặc thép không gỉ, kết nối bằng ren, Tri-Clamp hoặc nối bích
Size: DN15 - DN80
Nhiệt độ làm việc: -50°C to +220°C

Three-way valves

Van 3 ngả, tùy theo thiết kế có thể thực hiện các chức năng khác nhau như trộn dòng, chuyển hướng dòng chảy.
Van có thể kết nối với đường ống bằng ren
Thân van bằng Đồng hoặc thép không gỉ
Size: DN15 - DN50
Nhiệt độ làm việc: -30°C to +220°C
Van có thể vận hành bằng tay hoặc điều khiển khí nén hoặc điều khiển điện

Type 8045 Electro-pneumatic converter

Electro-pneumatic converter dùng để chuyển đổi tín hiệu input 0 - 20mA hoặc 4 - 20mA thành các tín hiệu áp suất khí điều khiển output 0.2 - 1 bar hoặc 0.5 - 4 bar
Áp suất cấp vào (air in) và ra (output):
4 - 6 bar with output 0.2 - 1 bar
5 - 6 bar with output 0.5 - 4 bar
IP 54
Nhiệt độ làm việc: -10°C tới +60°C

Type 8049 Digital Positioner

- Bộ điều khiển tuyến tính, kiểu số Type 8049 được thiết kế nhỏ gọn, được lắp đặt trực tiếp trên bộ điều khiển khí nén, có thể cấu hình bằng phần mềm từ PC, Laptop
- Tín hiệu điều khiển: 0/4-20 mA
- Hành trình: 3mm - 28mm
- Kết nối: cổng G1/8", NPT 1/8"
- Cấp bảo vệ: IP65
- Không nhạy cảm với độ rung của van
- Sản xuất tại Đức, hoạt động rất ổn định

Type 8049-IPC Positioner with intigrated IPC-process controller

Bộ điều khiển tuyến tính thông minh Type 8049-IPC được thiết kế nhỏ, gọn, lắp trực tiếp trên van điều khiển khí nén, khí nén cấp vào ổn định, có thể cấu hình bằng máy tính
- Set Point value qua bàn phím hoặc đặt trực tiếp giá trị 0/4...20 mA, hoặc 0/2...10 V
- Hành trình: 3-25mm, chức năng self-learning
- Cấp bảo vệ: IP65

Pneumatic Actuators - Bộ Điều Khiển Khí Nén Dùng cho Van Bướm, Van Bi

Bộ điều khiển Khí Nén cho Van Bi và Van Bướm

- Lựa chọn Spring Return (Thường đóng hoặc thường mở) và Double Acting (Van 02 đường khí) - Sản phẩm sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001 - 2008 và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế khác - Thiết kế nhỏ, gọn, kết nối dễ dàng với Van và các thiết bị bổ trợ khác (accessories)
- Nhiệt độ làm việc: -15°C - 80°C
- Áp suất khí điều khiển 5.5 Bar
- Vật liệu: Vỏ và Piston bằng hợp kim nhôm, nhẹ và bền, lò xo và các bộ phận khác là Inox
- Kết nối: Chuẩn nối với Valves theo ISO, chuẩn nối với các thiết bị phụ trợ khác NAMUR
- Độ bền: > 1 triệu chu trình, đặc biệt với bộ Double Acting thực hiện chức năng On/Off thì Life time > 2 triệu chu trình
- Khách hàng có thể trang bị thêm các thiết bị phụ trợ khác như: Positioner (bộ điều khiển tuyến tính - PID), Limit Switches, Proximity Switches, Solenoid Valves
- Bảo hành: >= 12 tháng

Electric Actuators (Motorized) - Bộ Điều Khiển Điện Dùng cho Van Bướm, Van Bi

Bộ điều khiển điện cho Van

- Model: EA-06 với momen xoắn 16N.m; 36N.m, thời gian đóng/mở: 11 giây và Model: EA-07 với momen xoắn 106N.m; 166N.m, thời gian đóng/mở: 21 giây
- Góc quay: 0°~90°, góc mở có thể điều chỉnh về 15°~90° để phù hợp với một số Valve
- Nguồn cấp: 220VAC; 110VAC; 24V AC/DC
- Cấp bảo vệ: IP67
- Tích hợp sẵn Manual Override, cơ cấu vặn điều chỉnh vị trí van, giúp van hoạt động ổn định
- Tích hợp cảnh báo kiểm tra và báo lỗi khi bộ điều khiển có bất thường trong hoạt động
- Tích hợp chỉ báo độ mở của Van
- Vỏ được làm bằng các vật liệu chống ăn mòn
- Tiêu chuẩn lắp đặt quốc tế: NAMUR; EN ISO 5211
- Chí phí kinh tế, độ bền cao, bao hành >=12 tháng

Accessories for Control Valve - Các Thiết Bị Phụ Trợ Lắp Cho Van Điều Khiển Young Tech

YT-850, YT-870, YT-875 Limit Switches Box

- Cấp bảo vệ: IP67/NEMA 4&4X
- Loại switch: Mechanical 2xSPDT; Inductive Proximity Sensor
- Vỏ: Nhôm đúc hoặc SS316
- Cáp nối: 3/4"NPT (hoặc 3/4"PF; M20; 1/2"NPT)
- Terminal: 8 points; Nhiệt độ LV: -20 to 60°C
- Chuẩn lắp đặt: NAMUR VDI/VDE 3845; ISO 5211
- Switch rating: 125 - 250VAC; 12-24VDC
- Explosion Protection Type: ATEX; IECEX; CSA; KCs

Van điện từ khí nén (Solenoid Valves)

- Thân van: Nhôm, Inox
- Loại van: 3/2 cổng, 5/2 cổng, 5/3 cổng
- Áp suất khí: 1.5bar - 8bar
- Port: 1/8", 1/4", 3/8", 1/2" NPT; BSP
- Nguồn cấp: 12VDC, 24VDC, 220VAC
- Mounting: Namur Mount, Inline
- Cấp bảo vệ: IP65, RoHs, CE ATEX, Option Explosion proof
- Môi trường: Khí nén

Electro Pneumatic Positioner YT-1000L/R

Bộ điều khiển tuyến tính Điện - Khí YT-1000L/R dùng để điều khiển góc mở của van điều khiển khí nén theo một tỉ lệ nhất định từ tín hiệu điều khiển điện (4-20mA). YT-1000L được dùng với van điều khiển kiểu tịnh tiến (lên xuống); YT-1000R dùng với van điều khiển kiểu quay (Rotary)

- Điều chỉnh dải chạy và điểm tới hạn dễ dàng
- Chống cộng hưởng trong dải tần từ 5-200Hz
- Có công tắc chuyển đổi Manual/Auto
- Lựa chọn bổ xung feedback độ mở van.

YT-3300 Smart Positioner

YT-3300 là bộ điều khiển tuyến tính thông minh và chính xác độ mở của van từ tín hiệu 4-20mA. Được tích hợp hiển thị LCD, tự động Calib, nút chuyển Auto/Manual, HART, Limit Switch, Feedback Signal

TMP-3000 Positioner for Angle Seat Valve

TMP-3000 là bộ điều khiển tuyến tính van thông minh, nhỏ, gọn chuyển cho van góc, van màng, dễ dàng lắp đặt

Pneumatic Pneumatic Positioner YT-1200L/R

Bộ điều khiển tuyến tính Khí - Khí YT-1200L/R dùng để điều khiển góc mở của van điều khiển khí nén theo một tỉ lệ nhất định từ tín hiệu điều khiển áp suất khí (3-5 psi). YT-1200L được dùng với van điều khiển kiểu tịnh tiến (lên xuống); YT-1200R dùng với van điều khiển kiểu quay (Rotary)

- Điều chỉnh dải chạy và điểm tới hạn dễ dàng
- Chống cộng hưởng trong dải tần từ 5-200Hz
- Có công tắc chuyển đổi Manual/Auto
- Điều chỉnh cho van DA hoặc RA hoặc 1/2 range

Air Filter Regulator YT-200/220; YT-205/225

Air filter regulator dùng để giảm và duy trì áp suất khí điều khiển cấp tới các Postioner hoặc bộ điều khiển khí nén của van

- Duy trì ổn định áp suất đầu ra của Regulator
- Kích thước nhỏ, gọn, nhẹ, dễ lắp đặt
- Lọc được các hạt có kích cỡ từ 5 micro trở lên
- Chức năng xả áp an toàn - nếu áp suất đầu ra của van cao hơn áp suất cài đặt, van sẽ xả áp, có thể chọn loại xả áp manual hoặc tự động

YT-930 & YT-940 IP Converter

IP Converter YT-930 và YT-940 dùng để chuyển đổi tín hiệu 4-20mA thành áp suất khí nén tương đương để điều khiển van khí nén

- Độ chính xác và độ nhạy cao
- Pressure input: Max 2.4Bar; 4-20mA Signal
- Ouput: nhiều dải áp suất ra trong khoảng 0 -2.3Bar
- Điều chỉnh dễ dàng Span và Zero
- Điều khiển PID Analog
- Kết nối với ống dẫn khí nén với Regulator YT-200
- Explosion Proof & Feedback Signal (Option)

Position Transmitter SPTM-5V; SPTM-6V/65V

Position Transmitter SPTM-5V; SPTM-6V; SPTM-65V dùng để chuyển tín hiệu vị trí, độ mở của Van thành tín hiệu 4-20mA Output

- Kết nối 02 dây dẫn đơn giản và dễ dàng
- Độ chính xác và độ tin cậy cao
- Thay đổi cài đặt cho van DA (Double Acting) và RA (Return Acting) dễ dàng
- Input Signal: 0-90°; Output Signal: 4-20mA - Nhiệt độ LV: -40 to 85°C;
- IP 67; Vỏ nhôm đúc hoặc SS316

Plast-O-Matic Special Valves - Các Loại Van Nhựa Đặc Biệt Plast-O-Matic (Mỹ)

Pressure Regulators - Van Điều Áp

- Pressure regulator được lắp đặt trên hệ thống nhằm giảm áp và duy trì một áp suất không đổi theo giá trị cài đặt tại đầu ra cho dù áp suất đầu vào của van biến động.
- Áp suất cài đặt có thể được điều chỉnh bằng lò xo, bằng khí nén, bằng điều khiển chênh áp, thân van bằng có nhiều vật liệu khác nhau như PVC, CPVC, PP, PVDF, hoặc Ultra-Pure
- Size van: 1/2"DN15 - 4"DN100

Relief, Backpressure, Bypass & Anti-Siphon Valves - Van An Toàn

- Van được lắp đặt để ngăn quá áp, điều hòa áp tại đầu vào của van, hoặc dùng để tự động hồi dòng trên hệ thống về bồn khi quá áp, hay dùng để loại bỏ hiện tượng Siphon.
- Có nhiều lựa chọn nhựa: Van 2-cổng; 3-cổng; Van lắp thẳng, Van lắp góc
- Màng van bằng các loại cao su chịu hóa chất hoặc bằng Teflon (PTFE)
- Size van: 1/4"DN8 - 3"DN80

Shut-Off & Diverter Valves - Van Chuyển Dòng, Đóng Ngắt

- Van đóng-ngắt (shut-off) vận hành bằng tay, bằng áp suất trực tiếp trong hệ thống hoặc bằng khí nén. Van kiểu màng hoặc dạng cầu
- Van được thiết kế nhỏ, gọn, chắc chắn với nhiều lựa chọn như Van thường đóng, Van mở nhanh, Van 3-cổng, limit-stop, Van có cửa quan sát, và van xả vent kiểu Fail-Dry®
- Van được làm từ PVC, CPVC, PP, PVDF, PTFE, Size van: 1/4"DN8 - 6"DN150

Vacuum Breakers - Van Phá Chân Không

- Vacuum breakers là kiểu van mở tự động được lắp đặt để ngăn hiện tượng chân không trong bồn chứa, hoặc loại bỏ hiện tượng siphon giúp bảo vệ các thiết bị như thiết bị đo, filter...
- Vacuum breakers được thiết kế để lắp đặt ngoài trời, độc lập, kín nước, tránh xâm thực từ ngoài vào bồn chứa, kể cả khi trời mưa to
- Vật liệu: PVC, CPVC, PP, PVDF, PTFE
- Size: 1/2"DN15 - 2"DN50
- Đấu nối: Nối ren hoặc nối keo

Degasing Valve DGV - Van Tách Khí DGV

Van tách khí DGV được cấp bằng sáng chế tại Mỹ với đặc điểm thiết kế bộ phận phao giúp khí hoặc hơi tích tụ trên đường ống. Van sẽ mở khi có khí tích tụ, dù là một lượng nhỏ tại vị trí van, khi khí thoát hết, lỏng xuất hiện trở lại trong van, van sẽ tự đóng. Van hoạt động liên tục bất cứ khi nào có bọt khí trong đường ống

- Vật liệu: PVC, CPVC, PP, PVDF, Acrylic
- Nối ren NPT 1/2"

Air Release Valves ARV - Van Xả Khí ARV

Van xả khí ARV được thiết kế để xả một lượng lớn khí tích tụ trong đường ống ngay lúc khởi động bơm, sau đó trong quá trình chạy van sẽ tự động đóng kín lại.

Khi kết hợp sử dụng cả Van Xả Khí ARV và Van Tách Khí DGV sẽ cho hiệu quả cao nhất, do van ARV sẽ thoát khí lượng lớn tại thời điểm bơm bắt đầu chạy, còn van DGV sẽ thoát các lượng khí nhỏ trong suốt quá trình bơm chạy.

Vật liệu: PVC, CPVC; Size: DN15 - DN100

Gauge Guards/Instrument Isolators

Đồng hồ áp Series GGS & GGSE với màng bảo vệ giúp cách ly vỏ thép của đồng hồ áp với môi chất và chống ăn mòn

Trong đó Series GGMU với thiết kế siêu sạch, không có điểm chết, thân bộ cách ly bằng vật liệu PVDF, PP Natural hoặc PVC với nhiều kiểu kết nối như Spigot, Sanitary và nhiều lựa chọn đồng hồ áp.

Vật liệu: PVC, CPVC, PP, PVDF, PV

Dải đo: 0-15psi; 0-30psi; 0-60psi... 0-200psi

Differential Pressure Gauges & Indicators

Đồng hồ đo chênh áp Series DPG thường được lắp đặt tại 02 đầu Filter, để đo và kiểm soát chênh áp hai đầu Filter. Với thân được làm bằng vật liệu PVC và CPVC, kết nối bằng ren 1/4" FNPT với dải đo 0-15 PSID or 0-30 PSID. có thể lắp thêm Switch.

- Vật liệu: PVC và CPVC
- Kết nối: 1/4" FNPT và 1/8" FNPT
- Dải đo: 0-15 psid và 0-30 psid

Sight Glass & Level Indicators

- Kính quan sát (Sight Glass) với thành kính đơn Acrylic hoặc thành kính đôi với thành trong bằng Pyrex giúp quan sát dòng chảy được dễ dàng và an toàn. Vật liệu thân đa dạng từ PVC, CPVC, PP, PVDF, PTFE, nối ren hoặc bích. Có thể lựa chọn thêm bộ rung dòng giúp dễ quan sát hơn.
- Ống đo mức thành đôi với vật liệu thành bên trong bằng Pyrex, kết nối ren 1/2" hoặc 3/4" bằng vật liệu PVC hoặc PTFE, với các độ dài tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 feet giúp đo mức chất lỏng

Plastic Solenoid Valves

Van Điện từ (Solenoid) hoạt động đóng, mở dựa trên điện áp cấp cho van. Thân van bằng nhựa, cùng với PTFE Bellows được thiết kế để dùng cho các ứng dụng có khả năng ăn mòn cao như Hóa chất, muối, axit, bazơ cũng như các chất lỏng tinh khiết bao gồm cả nước khử khoáng.

Độ bền của van đã được kiểm nghiệm với hàng triệu chu trình hoạt động sẽ là khoản đầu tư hữu ích cho người sử dụng, size van từ 1/2" -3".

Vật liệu: PVC, CPVC, PP, PVDF

Flow, Level & Pressure Switches

- Flow Switch được làm từ các vật liệu PVC or CPVC chống ăn mòn, được thiết kế cho các ống với Size từ 1"DN25 - 10"DN250. Switch có khả năng tương thích với máy tính hoặc PLC
- Level Switch dùng cho các chất lỏng ăn mòn cao được làm từ các vật liệu PVC hoặc Noryl. SPST reed Switch 120/240 VAC, 50 watt, tương thích với PC hoặc PLC
- Pressure Switch với màng PTFE, thân từ PVC, CPVC, PP, PVDF giúp chống ăn mòn cao, tương thích với PC hoặc PLC

Bộ tích/bù áp và Giảm chấn cho Bơm

- Bộ giảm chấn PDS do Plast-O-Matic sản xuất từ các vật liệu chống ăn mòn như PVC, CPVC, PP, PVDF với các dung tích 0.16L; 0.82L hoặc 2.95L với các chức năng quan trọng sau:
- Giảm chấn, giúp bơm hoạt động êm
- Hấp thụ "búa nước" giúp giảm rung và sốc
- Ổn định Inlet cho bơm, giúp bơm hoạt động ổn định và bền bỉ hơn
- Tích áp & bù áp cho bơm khi áp tụt bất thường

Kết nối bằng ren 1", 2" và 3" với đường ống

Primary Fluid Special Valves - Các Loại Van Đặc Biệt Primary Fluid (Canada)

ECO Valve (diaphragm style) Back Pressure / Pressure Sustaining / Anti Syphon
- Thân van: PVC, CPVC, PVDF, PP và SS316L
- Màng van: PTFE, Viton (FKM), EPDM, PVC
- Pressure setting 7 - 150 PSIG (48 - 1034 kPa)
- Chống ăn mòn và chịu hóa chất tốt
- Tổn thất áp suất thấp
- Kích cỡ: 1/4"DN8 đến 4"DN100
- Có thể lựa chọn lắp thêm đồng hồ đo áp
- Kết nối: Ren, nối socket, rắc co, và nối bích
- Chi phí thấp giúp khách hàng tiết kiệm chi phí

TOP VALVE Back Pressure & Pressure Relief Valves
- Thân van: PVC, CPVC, PVDF, PP, PTFE, SS316L, Alloy 20 & Hastelloy C
- Màng van: PTFE/EPDM siêu bền
- Áp suất cài đặt lên tới 350 PSIG (24 bar)
- Nhiệt độ làm việc lên tới 300°F/149°C
- Kích cỡ: 1/4"DN8 - 2"DN50
- Kết nối: Ren, nối socket, rắc co, và nối bích
- Tích hợp van xả khí, lựa chọn thêm cổng đồng hồ Áp
- Tay vặn nhiều màu, dễ dàng điều chỉnh áp

Ống lường định lượng Clearview
- Ống lường (Clearview) dùng để định lượng in -line chính xác cho Bơm định lượng
- Vật liệu thân: PVC, PP và Kính dễ quan sát
- Chịu ăn mòn và hóa chất tốt, chống nứt vỡ
- Kết nối ren hoặc socket
- Threaded or socket
- Thang đo và chữ có màu dễ quan sát
- Dải đo: Với ống đo PVC 100 - 20000 ml;
- Dải đo: Với ống đo PP 100 - 4000 ml;
- Dải đo: Với ống đo kính 100 - 20000 ml

Giảm Chấn ACCU-PULSE
- Dùng để loại bỏ các rung, chấn gây ra bởi dòng qua các bơm thể tích, giảm dao động áp suất trong đường ống, giúp tăng hiệu quả bơm và hệ thống, giảm bảo trì, bảo vệ đường ống, van, các thiết bị đo, cảm biến, giảm rách màng van.
- Thiết kế gọn, nhẹ, dễ lắp đặt, PN10 rating
- Dải sản phẩm: có các cỡ 3/8"DN10, 3/4"DN20 và 1"DN15; thể tích 10 & 85 Cubic in. (0.16 - 1.39L)
- Thân PP, PVC, PVDF, SS316, Alloy 20 & Hastelloy C
- Giảm chấn cao áp lên tới 4000 psi available

Ống châm hóa chất (Injection Quills) PFS - Dùng để châm hóa chất vào giữa tâm dòng (ống) - Vật liệu: PVC, CPVC, PP, PVDF, SS316, Hastelloy - Độ dài ống châm 6" (150mm) or 8" (200mm) - Kết nối Ren hoặc Socket
- Tích hợp sẵn van một chiều có lò xo
- Dải áp suất lên tới 3000 PSIG (206 bar)
- Dải nhiệt độ lên tới 260ºC

Van thoát khí tự động ACCU-VENT
- Van thoát khí tự động ACCU-VENT được thiết kế để loại bỏ các bọt khí, hơi được tạo ra trong quá trình hoạt động từ hóa chất trong đường ống như NaClO, H2O2, H2SO4...
- Thân làm từ CPVC (Corzan) và Viton chống ăn mòn, chịu hóa chất rất tốt hoặc từ các vật liệu chịu hóa chất khác theo yêu cầu của khách hàng
- Lắp đặt được ở cả đầu hút và xả của bơm (cả 02) - Nối ren 1/2" NPT hoặc 3/4" NPT

PTFE, FEP, PFA, UHP PFA, PVDF, PVDF FLEX, ETFE, ECTFE TUBING AND PIPE

Để đáp ứng yêu cầu thị trường trong việc vận chuyển và kiểm soát các hóa chất ăn mòn cao, nguy hiểm, độc hại, đặc biệt là các hóa chất ở nhiệt độ cao, các sản phẩm đường ống nhựa từ gốc FLO (fluoropolymer or fluoroplastic tubing and pipe) là lựa chọn hoàn hảo

Các đặc điểm chính:
- Được làm từ nhựa nguyên sinh 100% từ các vật liệu sau: PTFE, FEP, PFA, UHP PFA, PVDF, PVDF FLEX, ETFE và ECTFE
- Chống chịu với hầu hết mọi loại hóa chất, kể cả các hóa chất có độ ăn mòn cao
- Bề mặt rất nhẵn, ít mài mòn, tổn thất áp suất trong đường ống thấp
- Gần như không thẩm thấu phân tử nhựa vào dung dịch, tuân theo tiêu chuẩn sạch của FDA nên có thể dùng trong các ứng dụng siêu sạch như y tế, dược phẩm, bán dẫn, điện tử... (HP, UHP)
- Không bắt cháy (ức chế cháy), độ ổn định nhiệt rất tốt
- Nhiệt độ sử dụng có thể lên tới 260ºC
- Chống UV rất tốt, gần như không hấp thụ ẩm
- Trong suốt hoặc trắng mờ (tùy loại nhựa)
- Tubing dạng ống hoặc dạng cuộn với nhiều độ dài theo yêu cầu
- Kích cỡ đa dạng, từ 1/16" DN2 đến 6"DN150
- Đặc biệt có thể cung cấp các sản phẩm chế tạo sẵn theo bản vẽ, thiết kế theo yêu cầu của khách hàng

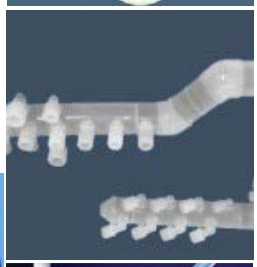

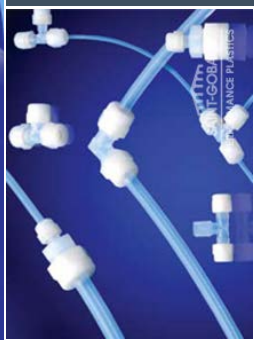

PTFE/FEP/PFA/PE/PP Lined Steel Products - Các sản phẩm Thép lót nhựa PTFE/FEP/PFA/PP/PE

Van bướm lót nhựa - chống ăn mòn D341-D371

- Thân van: Thép (CS) hoặc Inox (SS)
- Nhựa lót: FEP (F46), PFA (FA), ETFE(F40) & PTFE (F4)
- Áp suất: PN6; PN10; PN16
- Chuẩn bích: GB/T9113.1 HG20592 ASME B16.5
- Check test: JB/T9092-99, electric spark test; GB/T13927, test áp suất hơi AP1598
- Đóng/mở: Tay vặn, Tay quay, điều khiển điện, điều khiển khí nén
- Kích cỡ: DN40 - DN1000

Van bi lót nhựa - chống ăn mòn Q41-Q341

- Thân van: Thép (CS) hoặc Inox (SS)
- Nhựa lót: FEP (F46), PFA (FA), ETFE(F40) & PTFE (F4)
- Áp suất: PN6; PN10; PN16; PN25
- Chuẩn bích: JB/T79.1; GB/T79113.1; ANSIB16.5
- Check test: JB/T9092-99, electric spark test; GB/T13927, test áp suất hơi AP1598
- Đóng/mở: Tay vặn, Tay quay, điều khiển điện, điều khiển khí nén
- Kích cỡ: DN15 - DN400

Van 1 Chiều lót nhựa - chống ăn mòn H41-H42

- Thân van: Thép (CS) hoặc Inox (SS)
- Nhựa lót: FEP (F46), PFA (FA), PVDF (F2), ETFE(F40) & PTFE (F4)
- Áp suất: PN10; PN16
- Chuẩn bích: JB/T79.1 GB/T9113.1
- Check test: JB/T9092-99, electric spark test; GB/T13927, test áp suất hơi AP1598
- Kích cỡ: DN15 - DN400

Van Cầu lót nhựa - chống ăn mòn J41

- Thân van: Thép (CS) hoặc Inox (SS)
- Nhựa lót: FEP (F46), PFA (FA), PVDF (F2), ETFE(F40) & PTFE (F4)
- Áp suất: PN10; PN16
- Chuẩn bích: JB/T79.1 GB/T9113.1
- Check test: JB/T9092-99, electric spark test; GB/T13927, test áp suất hơi AP1598
- Đóng/mở: Tay vặn, Tay quay, điều khiển điện, điều khiển khí nén
- Kích cỡ: DN15 - DN300

Ống & Phụ kiện Thép lót nhựa PTFE

- Ống thép đúc (Seamless steel)
- Nhựa lót trong, chống ăn mòn: PTFE
- Áp suất làm việc: PN0.9 - PN16Bar
- Chuẩn bích: JB/T79.1 GB/T9113.1
- Độ dày lớp lót PTFE: 2mm, 3mm, 4mm, 5mm
- Độ dài ống: thông thường 3m/ống hoặc theo yêu cầu, nhưng không lớn hơn 6m/ống
- Nhiệt độ làm việc: -20°C - 180°C
- Đường kính ống: DN15 - DN600

Ống & Phụ kiện Thép lót nhựa PE, PP, PO

- Ống thép đúc (Seamless steel)
- Nhựa lót trong, chống ăn mòn: PE, PO, PP
- Áp suất làm việc: PN1.0 - PN16Bar
- Chuẩn bích: JB/T79.1 GB/T9113.1
- Độ dày lớp lót PTFE: 3mm - 6mm
- Độ dài ống: thông thường 3m/ống hoặc theo yêu cầu, nhưng không lớn hơn 6m/ống
- Nhiệt độ làm việc: -20°C - 90°C
- Đường kính ống: DN10 - DN600

Ống mềm lót nhựa PTFE - FEP

Ống mềm lót PTFE và FEP được dùng để dẫn các hóa chất nhờ các ưu điểm nổi bật sau:

- Chống chịu được với hầu hết mọi hóa chất
- Độ linh động cao, khả năng uốn, co dãn tốt
- Nhiệt độ làm việc lên tới 260°C
- Bề mặt trong của ống nhẵn, không bám dính, giúp dễ dàng vệ sinh
- Khả năng chịu áp tốt nhờ được gia cô các lớp lưới Inox hoặc vật liệu khác
- Dải sản phẩm: DN15 - DN300; độ dài 0.2-20m

Khớp nối mềm PTFE - Expansion Joint

Dùng để loại bỏ các ảnh hưởng gây ra bởi sự co dãn, dãn nở nhiệt, rung động trên đường ống Ưu điểm chính:

- Khả năng chịu hầu hết các hóa chất từ PTFE
- Khả năng làm việc ở nhiệt độ cao lến đến 200°C
- Độ linh động, chịu dãn nở, chịu uốn cao
- Dải sản phẩm rộng: DN15 - DN1600

Kính quan sát hóa chất

- Đường kính: DN15 - DN600
- Nhiệt độ làm việc: -20°C - 180°C
- Áp suất làm việc Max. 16Bar
- Vật liệu: Kính quan sát chịu nhiệt, chịu hóa chất tốt, thân bằng thép lót nhựa PTFE chống ăn mòn cao
- Kết nối: Bích ANSI, JIS, DIN, BS, GB

Tank, Vessel Thép lót nhựa PTFE/ETFE/ECTFE/PFA/FEP/PE/PP

- Tank, Vessel dùng để chứa hóa chất trong sản xuất cũng như vận chuyển
- Nhựa lót theo yêu cầu của khách hàng và điều kiện làm việc, bao gồm các loại nhựa: PTFE/ECTFE/FEP/PFA/PP/PE
- Độ dày lớp nhựa lót theo yêu cầu
- Cung cấp và chế tạo thiết bị theo bản vẽ
- Đường kính tối đa lên tới 6.000 mm

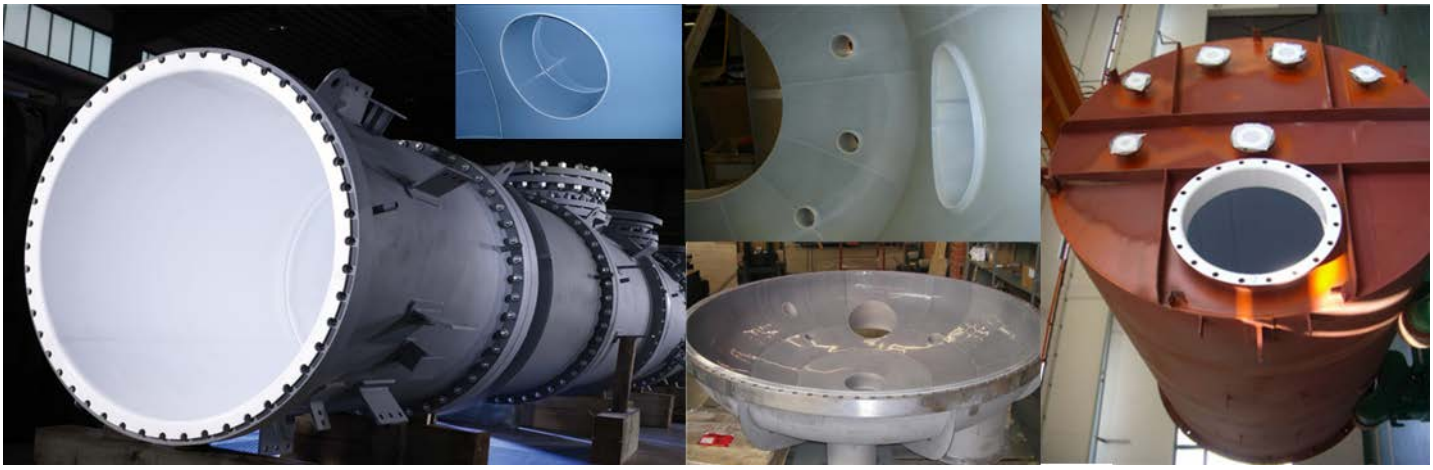

REED Deburring Tools & Pipe Beveler for Plastic Pipe - Công Cụ Vát Mép và Cạo Bavia Ống Nhựa

DỤNG CỤ VÁT MÉP ỐNG NHỰA DEB4

Dụng cụ **DEB4** được dùng để vát mép đầu ống nhựa PVC, CPVC, ABS và PP với góc 15° và làm sạch bavia đầu ống, giúp dễ dàng ghép nối ống với phụ kiện với nhau, đạt được độ sâu ghép nối, giúp keo dàn đều trên bề mặt và mối nối đạt chất lượng cao nhất.

- **DEB4** dùng vát mép các ống có size DN40-100
- Khi cần vát mép trong và ngoài ống PE hoặc làm sạch bavia ống PVC, CPVC, PP có thể sử dụng công cụ **DEB2** hình nón.

DỤNG CỤ VÁT MÉP ỐNG NHỰA DEB1

Dụng cụ DEB1 là công cụ tiện lợi để vát mép và làm sạch bavia ống nhựa PVC, CPVC, PE, ABS và PP, được thiết kế băng hợp kim nhôm chắc chắn và bền, cầm tay và xoay tiện lợi.

Có cả DEB1 cho ống hệ Inch và ống hệ Mét để khách hàng lựa chọn

Có 02 Size công cụ DEB1 để khách hàng lựa chọn tương ứng với các size ống 1/2", 3/4"; 1" và 1-1/4"; 1-1/2", 2"

Khi cần có thể lắp vào đầu khoan để quay

DAO LÀM SẠCH BAVIA ỐNG DEB0, DEB3

- Dao cạo bavia ống DEB0 và DEB3 được thiết kế với lưỡi dao bằng hợp kim cứng, độ bền cao và tiện lợi để cạo bavia ống Nhựa, Đồng & Nhôm DEB0 được thiết kế nhỏ gọn như một cái bút chì với tay cầm bằng hợp kim nhôm DEB3 có tay cầm bằng nhựa chắc chắn với cơ cấu giúp dễ dàng tháo lắp lưỡi dao, mỗi dao kèm theo 02 lưỡi dự phòng trong tay cầm

VÁT MÉP ỐNG KIỂU KẸP QUAY BT1-BT2

- Vát mép ống BT1 và BT2 với khung hợp kim nhôm chắc, nhẹ, cơ cấu kẹp hiệu quả, chắc chắn khi quay sẽ vát cạnh ống nhựa theo góc 15°, dùng cho mọi loại ống nhựa.
- BT1 và BT2 dùng với nhiều size ống khác nhau, BT1 dùng với size ống DN40-DN200; trong khi BT2 dùng với size ống DN40-DN300
- Cơ cấu kẹp quay tiện lợi, dễ dàng điều chỉnh với các size ống và độ dày ống khác nhau

REED Plastic Pipe Cutters - Các Loại Dao Cắt Ống Nhựa REED

DAO QUAY CẮT ỐNG QUICK RELEASE

Dao quay cắt ống nhựa Reed Quick Release™ được thiết kế theo tiêu chuẩn công nghiệp, để cắt nhiều loại ống nhựa như PVC, CPVC, PP, PE, PVDF, ABS. Cắt được nhiều size ống và nhiều độ dày ống khác nhau. Thanh trượt của dao được làm từ hợp kim Magiê chắc chắn, không lệch, không tạo nhiều đường khi cắt, vết cắt đẹp, sạch và không bavia. Lưỡi dao bằng hợp kim siêu bền và chắc, có thể thay thế dễ dàng, dùng được trong nhiều năm

KÉO CẮT ỐNG NHỰA REED SC1 & SC125

- Kéo cắt ống nhựa REED SC1 & SC125 chuyên dùng để cắt nhanh các ống nhựa PVC, PE, PEX, ABS, Ống Cao su, Ống mềm có đường kính nhỏ, thành mỏng. Khi cắt, cần đặt lưỡi cắt vuông góc vào ống, kẹp chặt kéo vào ống và xoay kéo xung quanh ống đảm bảo vết cắt chất lượng cao hơn.
- Tay cầm của kéo SC1 và SC125 được thiết kế chắc chắn. Lưỡi cắt bằng thép đặc biệt sắc, độ bền cao, dễ dàng thay thế.

KÌM CẮT ỐNG NHỰA REED RS SERIES

- Kìm cắt ống nhựa RS series với lưỡi cắt được tôi cứng, sắc hơn và mỏng hơn để cắt các ống PVC, PE, PP, PEX và ABS. Cơ cấu bánh răng giúp quá trình cắt được thực hiện trơn chu hơn.
- Kìm cắt ống là công cụ hữu ích giúp cắt ống nhanh chóng, không tạo tiếng ồn, không có mạt cắt trong suốt quá trình. Dao cắt có thể thay thế dễ dàng khi cần, giúp kìm cắt có thể sử dụng trong nhiều năm.
- Kích cỡ ống cắt được có thể lên tới 2"DN50

CƯA CẮT ỐNG NHỰA REED PPS SERIES

- Cưa PPS do hãng REED sản xuất chuyên dùng để cắt các loại ống nhựa ABS, CPVC, PVC, PE, PP, PEX, Polywood
- Cưa PPS20 và PPS24 đều có 11 răng trên độ dài 1 inch, được thiết kế bằng thép đặc biệt chịu mài mòn tốt, giúp cưa không bị mòn nhanh khi cắt các loại ống nhựa.
- Cưa PPS12 và PPS18 được thiết kế giúp có thể dễ dàng thay lưỡi cưa

DAO CẮT ỐNG HDPE ĐA NĂNG

- Dao cắt ống UPC Series do hãng REED sản xuất sử dụng khí nén để quay dao và cắt ống, dùng để cắt các ống nhựa HDPE Size từ 225mm-1300mm.
- Mỗi bộ dao cắt đều bao gồm dao cắt UPC, bộ lọc và điều áp dầu thủy lực, lưỡi cắt UPCSTEEL6 và UPCPE8 được đặt trong hộp thép chắc chắn.
- Lưỡi cắt UPCPE8 sẽ cắt các ống PE đường kính lớn với độ dày thành ống lên tới 69mm. Để cắt các ống có đường kính từ 160mm-225mm thì cần đặt riêng lưỡi cắt UPCSTEEL4.

DAO CẮT ỐNG NHỰA QUAY TAY PLAS

- Dao cắt kiểu quay tay PLAS dùng để cắt các ống nhựa HDPE hoặc PVC với size 4"-12" (DN100-DN300).
- Cơ cấu tay quay giúp vận hành nhanh và tiện lợi, giảm thời gian cắt ống, không tạo tiếng ồn, bụi bẩn, dễ dàng vệ sinh dao sau khi cắt ống.
- Dễ dàng vận chuyển dao, thay thế lưỡi cắt nhanh và dễ dàng khi cần

REED Plastic Pipe Joiners - Vam Nối Ống Nhựa REED & Weld-On

VAM NỐI ỐNG NHỰA REED

Vam nối ống PPJ dùng cơ cấu tời kéo và xích để kéo nối ống với phụ kiện size lớn một cách dễ dàng

- Với ống PVC nối roăng cao su thì dùng bộ PPJ kết hợp với đai ôm ống PPJVS đa năng cho mọi size 4"DN100 - 16"DN400
- Với ống PVC nối keo, thì dùng kết hợp bộ PPJ với đai ôm theo từng size ống trong khoảng size 4"DN100 – 12"DN300
- Ngoài ra, khi nối keo các ống với các phụ kiện chia nhánh (Tê…) cần order thêm bộ PPJFA

TỜI WELD-ON KÉO ỐNG VÀ PHỤ KIỆN

- Thiết kế cải tiến của tời kéo Weld-On dùng để nối keo các ống PVC, CPVC, ABS và các loại ống nhựa khác, giúp tiết kiệm thời gian nối ống so với dùng bằng tay thông thường. Tời có trong lượng rất nhẹ, thiết kế đơn giản, một người cũng có thể vận hành
- Cơ cấu thiết kế giúp căn lề ống và phụ kiện chuẩn xác
- Tời có thể thao tác với các mối nối ống ở cả trên mặt đất và ống đặt dưới rãnh ngầm

REED Cutting Tools - Công Cụ Cắt Ống REED

REED HINGED CUTTERS™

- Hinged Cutters™ là Công cụ cắt ống không tiếng ồn, không tạo ra tia lửa, không có mạt cắt, chuyên dùng để cắt các loại ống thép, ống gang, ống thép không gỉ, được thiết kế với tay quay trong khoảng góc 90° tới 110°. Cắt ống có size lên tới 12"DN300 Khung cắt gắn dao ép lên bề mặt xung quanh ống tạo lực cắt dàn đều và cho hiệu quả cắt tối ưu.
- Công cụ giúp cắt ống ở mọi vị trí lắp đặt, ống treo, ống nằm trong rãnh, ống đặt dưới nước… đều có thể thao tác dễ dàng.

LOW CLEARANCE ROTARY™ PIPE CUTTERS

- Bộ công cụ cắt ống khoảng hẹp (LCRC) dùng để cắt các loại ống thép, ống gang, ống thép không gỉ đường kính lớn, trong không gian hẹp có cơ cấu kẹp và quay quanh ống để cắt, bề mặt kẹp trên ống hẹp, chỉ cần độ rộng 127mm với ống cắt được lên tới 16”DN400.
- Công cụ giúp cắt ống an toàn, sạch, không có mạt cắt, không tia lửa điện, có thể cắt ống tại mọi địa hình thi công, từ trên cao, trong rãnh ngầm, hay dưới nước.

TUBING CUTTERS FOR STAINLESS STEEL

- Dao cắt REED T10SS, T15SS, T20SS, TC11SS chuyên dùng để cắt ống thép không gỉ, dao được trang bị các lưỡi cắt được làm bằng loại thép đặc biệt, được sử lý nhiệt để tang độ cứng, độ bền, đảm bảo thời gian sử dụng lâu.
- Dao được trang bị tay nắm lớn, có tích hợp cạo ba via trong ống. Dao TC11SS còn có thêm lưỡi cắt dự phòng trong tay nắm.
- Dao cắt ống với đường kính ngoài lên tới 54mm

CUTTER WHEELS

Tất cả các lưỡi cắt do REED sản xuất đều được chế tạo từ các loại thép cao cấp, chống sốc cao, lại được xử lý nhiệt tốt để cân bằng giữa độ cứng và độ dai của lưỡi cắt, giúp lưỡi dao có thể mỏng hơn, khi cắt tạo ít bavia hơn.
REED sản xuất nhiều loại lưỡi cắt phù hợp với các loại vật liệu khác nhau
Lưỡi cắt REED có thể sử dụng cho dao cắt REED và sử dụng như lưỡi cắt thay thế cho dao cắt của hãng khác.

REED Plastic Reamer & Power Chamfer - Dao Bóc Tách Phần Ống Thừa & Vát mép ống Nhựa REED

DAO BÓC TÁCH PHẦN ỐNG THỪA TRONG PHỤ KIỆN REAMERS

- Trong trường hợp ống bị gẫy, nứt vỡ, thì phần ống đã gắn keo cần được bóc tách, loại bỏ để tận dụng lại phụ kiện, giúp sửa chữa hệ thống đường ống
- Dao bóc tách phần ống cũ đã gắn keo với phụ kiện Reamers sẽ giúp loại bỏ dễ dàng phần ống này và sử dụng lại phụ kiện
- Dao dùng cho các ống UPVC, CPVC, ABS và PPR với Size lên tới 4”DN100

CÔNG CỤ VÁT MÉP ỐNG NHỰA DÙNG VỚI KHOAN

- Dụng cụ vát mép và cạo ba via đầu ống nhựa được gắn vào đầu khoan điện, giúp tạo mép vát 15° nhanh chóng và tiết kiệm thời gian.

- Dụng cụ vát mép được các ống UPVC, CPVC, ABS và PE với các Size 2”DN50, 3”DN80 và 4”DN100

REED Chain Wrenches & Tongs - Cờ Lê và Kìm Kẹp REED

CỜ LÊ XÍCH REED MỞ MỌI LOẠI ỐC VÍT

- Cờ lê REED dạng dây xích có thiết kế chắc chắn thuận tiện để mở các bulong, ốc vít với mọi loại hình dạng, cơ cấu răng kẹp xích thuận tiện giúp người sử dụng dễ dàng kẹp và tạo điểm mở dễ dàng theo bất cứ hướng nào.

- Cờ lê có nhiều kích cỡ, giúp mở các bulong, ốc vít trong dải từ 1/8”DN10 – 18”DN450.

KÌM XÍCH - HEAVY DUTY

- Kìm xích là công cụ bền, sử dụng lâu dài để dùng để lắp đặt hệ thống đường ống, từ các hệ thống đường ống thông thường đến các đường ống công nghệ cao trong lĩnh vực dầu khí.
- Kìm xích có cơ cấu tương đối đơn giản, nhưng lại thực hiện được nhiều thao tác, kìm bao gồm tay cầm được thiết kế chắc chắn, cơ cấu răng kèm xích và các xích kẹp có thể thay thế được.
- Kìm làm việc được với các hệ thống đường ống từ size ¼”DN8 – 18”DN450

REED Hydraulic Test Pump - Bơm Thử Áp REED

HYDROSTATIC TEST PUMP

Bơm thử áp HTP300 và HTP1000 dùng để kiểm TEST áp suất nước thủy tĩnh cho các thiết bị. Đây là thiết bị cầm tay, sử dụng dễ dàng với cơ cấu bơm tăng áp bằng tay. Bơm được trang bị một van bi để đóng mở khi đạt áp suất TEST mong muốn, ngoài ra bơm còn được trang bị thêm van an toàn và đồng hồ áp
- Chi phí thấp, hiệu quả cao
- Dễ dàng thao tác và thử áp các thiết bị

ELECTRIC HYDROSTATIC TEST PUMPS

Bơm thử áp chạy điện EHTP500 Series dùng áp suất nước để thử áp cho các thiết bị. Áp suất đầu ra của bơm có thể dễ dàng được điều chỉnh bởi núm vặn kết hợp quan sát đồng hồ áp suất tại đầu ra bơm. Trường hợp quá áp cài đặt, van bypass sẽ mở để áp hồi về
- Bơm chạy êm, công suất 3/4HP;
- Nguồn cấp: 110VAC và 220VAC
- Có sẵn ống nối cao áp dài 4.6m

REED Vises - Bàn Kẹp Thao Tác REED

TRIPODS (BÀN KẸP) - R450+, R470+, R40+

Bàn kẹp ba chân TRIPODS - R450+, R470+, R40+ được thiết kế và chế tạo bằng thép đặc biệt giúp cho bàn kẹp rất chắc chắn, giúp thi công dễ dàng:

PIPE JACKS - GÁ ĐỠ ỐNG

Gá đỡ ống ba chân có thể dễ dàng điều chỉnh độ cao và khóa định vị dễ dàng bằng chốt. Bộ Gá được thiết kế và chế tạo bằng thép đặc biệt giúp bộ Gá có thể dùng lâu dài, thuận tiện và chắc chắn. Gá thường dùng để đỡ ống trong quá trình thi công, hàn nối hệ thống đường ống

Công cụ bào ống (Scraping) HDPE chuẩn bị cho Hàn Điện Cực (Electrofusion)

Công cụ bào Maxifuse Uniprep Scraper cho ống HDPE, kiểu quay, size 63 - 710mm
- Nhỏ, nhẹ, dễ thi công, vận hành nhẹ nhàng chỉ với một người, ngay cả với ống size lớn
- Bào ống HDPE để chuẩn bị bề mặt cho mối hàn điện cực (Electrofusion) với mọi SDR ống
- Chi phí hiệu quả cao, dùng cho nhiều size ống
- Lưỡi bào được ép lên bề mặt ống bởi lò xo
- Công cụ được bảo quản trong hộp vỏ thép chắc chắn dễ dàng di chuyển ngoài công trường
- Xuất xứ: England

Công cụ bào Uniprep Patch Scraper cho ống HDPE, bào giữa thân ống với mọi size
- Là công cụ được phát minh bởi hãng Calder (England) dùng để bào bề mặt ống và chuẩn bị cho hàn điện cực (Electrofusion) đai khởi thủy chia nhánh trên hệ thống đường ống HDPE
- Vùng bào có diện tích 200mm x 150mm
- Bào ống tại bất cứ điểm nào ở giữa thân ống HDPE, trong không gian hẹp.
- Xuất xứ: England

Công cụ kẹp và định vị ống HDPE dùng trong Hàn Điện Cực (Electrofusion)

Maxifuse Superclamp - Công cụ kẹp và định vị đa năng ống HDPE sizes 16 - 63mm
- Được chế tạo từ hợp kim nhôm nhẹ và chắc
- Có chốt định vị góc quay ống
- Dùng cho các phụ kiện, côn thu hàn điện cực (Electrofusion) ống HDPE size 16mm - 63mm
- Có thể dùng định vị cả ống Đồng và Thép trong quá trình hàn
- Trọng lượng nhẹ, dưới 3kgs
- Kích cỡ: 150 x 200 x 200mm
- Xuất xứ: England

Maxifuse Universal Superclamp - Công cụ kẹp và định vị đa năng ống HDPE size 20 - 63mm
- Được chế tạo từ hợp kim nhôm nhẹ và chắc
- Có chốt định vị góc quay ống
- Dùng cho các phụ kiện, côn thu hàn điện cực (Electrofusion) ống HDPE size 16mm - 63mm
- Có thể dùng định vị cả ống Đồng và Thép trong quá trình hàn
- Trọng lượng nhẹ, dưới 3kgs
- Kích cỡ: 150 x 200 x 200mm
- Xuất xứ: England

Maxifuse clamp - Công cụ kẹp và định vị ống chia nhánh sizes 20-63mm & 63-180mm
- Được chế tạo từ hợp kim nhôm và thép
- Cơ cấu kẹp ống chắc chắn, phù hợp nhiều size ống, không cần các bộ kẹp giảm ghép thêm
- Sử dụng bộ định tâm giữ cho ống luôn thẳng
- Phù hợp với cả hàn ống thẳng và chia nhánh
- Size:
  Maxifuse Magi-clamp: size 20-63mm
  Maxifuse Joint-master: size 63- 180mm

Maxifuse positioning clamp K type - Công cụ kẹp và định vị ống chia nhánh sizes 63-250mm & size 125 to 500mm
- Kết cấu được làm từ thép cắt Laser
- Bộ kẹp nối giảm được chế tạo và cắt laser
- Kẹp ống bằng dây đai, cơ cấu siết kẹp chắc
- Bộ kẹp chuẩn sẽ không bao gồm các kẹp giảm
- Dùng để kẹp ống thẳng và ống chia nhánh
- Có 02 loại phù hợp với hai khoảng Size ống 63-250mm và 125-500mm

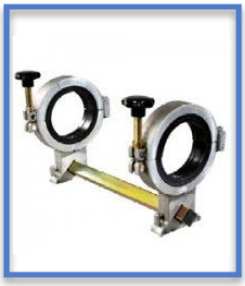

Maxifuse Shell type positioning clamp - Bộ kẹp và định vị ống sizes 63 - 200mm
- Được đúc khuân từ hợp kim nhôm chắc chắn
- Các bộ kẹp nối giảm được làm từ nhựa ABS
- Bộ kẹp chuẩn sẽ không bao gồm các kẹp giảm
- Khung kẹp có thể được nối dài khi sử dụng nhiều bộ kẹp trên khung
- Dùng để kẹp ống thẳng và ống chia nhánh
- Bộ kẹp được đựng trong túi, tiện di chuyển

Maxifuse positioning clamps hydraulically - Bộ kẹp và định vị ống dùng khí nén
- Kết cấu được làm từ thép cắt Laser
- Hỗ trợ kẹp và định vị bằng khí nén tại 2 đầu - Các bộ kẹp giảm có thể mua bổ xung
- Có khả năng làm tròn lại ống bị méo
- Có thể tháo dời các bộ phận để dễ dàng di chuyển ngoài công trường
- Chỉ phù hợp với kẹp ống thẳng
- Khối lượng: 90.0-140 Kgs
- Kích thước: 1500 x 750 x 750mm

Calder Centaur 40 volt - Máy Hàn Điện Trở Ống HDPE - Máy Hàn Anh Quốc

Máy hàn điện trở (Electro Fusion) Calder Centaur được sản xuất tại Anh Quốc bởi công ty Calder Technology, dùng để hàn nối các ống nhựa HDPE, PP, PVDF bằng các phụ kiện hàn điện trở (Electrofusion Fittings)
- Máy dùng để hàn điện trở với size ống lên tới 630mm
- Máy hàn Calder Centaur sử dụng nguồn điện 110VAC hoặc 230VAC, dây nguồn cố định, có thể thay thế phích cắm
- Dữ liệu hàn được lưu trữ trong máy hoặc xuất ra thẻ nhớ qua cổng giao tiếp USB
- Thông số hàn có thể được nhập bằng nhiều cách như: Bằng máy Scanner quét mã vạch, bút đọc mã vach, hoặc mã CODE hàn của phụ kiện được nhập liệu bằng tay. Có sẵn túi phụ kiện đựng máy đọc mã vạch Scanner
- Được cấp kèm với dao cạo ống, đầu cắm hàn chuyển đổi, thùng đựng máy và các phụ kiện bằng gỗ hoặc thép
- Máy được nạp sẵn phần mềm điều khiển Caldersafe Fusion, được bảo quản trong thùng gỗ hoặc bằng thép (option)
- Dây hàn dài 3m hoặc 5m được trang bị đầu hàn 4.7mm hoặc 4.0mm, điện áp hàn tiêu chuẩn 40VDC

HÜRNER Electrofusion Welders - Máy Hàn Điện Trở Ống HDPE - Máy Hàn Đức

Máy hàn điện trở (Electro Fusion) HÜRNER được sản xuất tại Đức, dùng để hàn nối các ống nhựa HDPE, PP, PVDF bằng các phụ kiện hàn điện trở (Electrofusion Fittings). Máy hàn có thể được trang bị hoặc không trang bị bộ Data Logging
- Dải hàn được theo size ống lên tới 1200mm
- Dữ liệu hàn có thể được nhập bằng nhiều cách như: Bằng máy Scanner quét mã vạch, bút đọc mã vach, hoặc mã CODE hàn của phụ kiện được nhập liệu bằng tay
- Màn hình LED-lit hiển thị các thông số hàn rõ ràng và tiện lợi
- Nguồn cấp 230VAC/50 Hz, dòng để hàn Max. 110A; Điện áp ra trong dải 8-48V
- Máy hàn được cấp nhiều chứng chỉ an toàn và chất lượng như: CE, WEEE Reg. No. DE 74849106, ISO 9001, RoHS-compliant, IP 54;
- Máy hàn được sản xuất tại Đức với chất lượng cao và bền.

WIDOS ESI 2000 - MÁY HÀN ĐIỆN TRỞ (Electro Fusion) WIDOS- GERMANY

Máy hàn điện trở WIDOS ESI 2000

Máy hàn điện trở Widos ESI 2000 với chất lượng cao nhất được sản xuất bởi hãng Widos tại Đức dùng để hàn các phụ kiện với ống nhựa các loại bằng phương pháp hàn điện trở. Máy hàn phù hợp để thi công tại công trường, kể cả trên cao cũng như các hệ thống đường ống đặt dưới rãnh. Máy có trọng lượng 18kg nên dễ dàng di chuyển ngoài công trường. Máy được đặt trong bộ khung bằng thép không gỉ giúp bảo vệ máy tránh bị va đập.

- Máy được trang bị Cáp hàn dài 4m và Cáp nguồn dài 4.5m, đồng thời có đầu nối hàn chuyển đổi cỡ 4.0mm
- Thông số hàn được nhập liệu qua bút Scan thông qua mã vạch của phụ kiện hoặc vào thông số hàn bằng tay
- Màn hình hiển thị với 4 dòng dễ quan sát và dễ đọc
- Có khả năng bù nhiệt trong khoảng -10°C tới +50°C
- Máy hàn có thùng bảo quản chắc chắn
- Máy hàn Widos được sản xuất tại Đức, luôn cho chất lượng mối hàn cao nhất, độ bền cao

WIDOS 3511 & WIDOS 7511 - MÁY HÀN SOCKET ỐNG PE, PP, PB, PVDF Size OD 20 - OD 125

Máy hàn WIDOS 7511 và WIDOS 3511 là máy hàn Socket do hãng WIDOS sản xuất tại Đức, chuyên dùng để hàn các vật liệu PE, PP và PVDF với các Size từ OD 20-75 (hoặc 2" IPS) với máy WIDOS 7511 và từ OD 20-125 (hoặc 4" IPS) với máy WIDOS 3511. Các ưu điểm nổi bật gồm:

- Khung và đế máy được làm bằng hợp kim nhôm vừa nhẹ, vừa chắc, dễ dàng di chuyển ngoài công trường
- Việc sử dụng trục dẫn kép với các mốc cố định trên trục mang đến sử ổn định cho máy khi hàn và tăng độ bền
- Di chuyển các bộ kẹp ống bằng các bộ tời bánh răng cho phép việc dịch chuyển ống và phụ kiện chính xác khi hàn
- Các bộ kẹp ống với cạnh tròn nhằm tránh tổn thương đến ống và phụ kiện khi hàn
- Bộ phận gia nhiệt được lắp chắc chắn và có thể điều chỉnh để căn lề chính xác khi hàn
- Máy hàn có thể dùng để thi công lắp đặt tại công trường hoặc thi công hàn tại xưởng
- Máy hàn Widos được sản xuất tại Đức, luôn cho chất lượng mối hàn cao nhất, độ bền cao
- Dễ dàng bảo dưỡng và thay thế các chi tiết

WIDOS 2500 Combi - MÁY HÀN KÉP Butt Welding OD 50 - 160 mm & Socket Welding OD 20 - 110

Máy hàn WIDOS 2500 Combi dùng để hàn các loại ống nhựa PE, PP, PVDF. Đặc điểm nổi bật của máy hàn WIDOS 2500 Combi là hàn được ống nhựa theo cả hai phương pháp: HÀN ĐỐI ĐẦU (Size: OD 50-160 SDR 7,25) và HÀN SOCKET (Size: OD 20 - 110)

- Khung và đế máy được làm bằng hợp kim nhôm vừa nhẹ, vừa chắc, dễ dàng di chuyển ngoài công trường
- Tích hợp sẵn các đĩa nhiệt cho hàn Socket và hàn Đối đầu (Butt Fusion), đồng thời tích hợp sẵn cả dao bào ống
- WIDOS 2500 Combi có trục dẫn và bộ tời bằng bánh răng với thước vạch gắn sẵn cho phép điều chỉnh lực ép khi hàn
- WIDOS 2500 Combi được trang bị hộp bảo quản chắc chắn giúp bảo vệ máy an toàn và sạch ngoài công trường
- Các đĩa gia nhiệt có lớp chống dính, có bộ điều chỉnh nhiệt độ, điều khiển đèn báo, nút on/off và Cáp nối
- Máy hàn có thể dùng để thi công lắp đặt tại công trường hoặc thi công hàn tại xưởng
- Máy hàn Widos được sản xuất tại Đức, luôn cho chất lượng mối hàn cao nhất, độ bền cao
- Dễ dàng bảo dưỡng và thay thế các chi tiết

WIDOS Maxiplast - MÁY HÀN ĐỐI ĐẦU CẦM TAY DI ĐỘNG

WIDOS Maxiplast là máy hàn đối đầu gọn, nhẹ, thích hợp để di chuyển ngoài công trường với nhiều điểm hàn, dùng để thi công các đường ống PE, PP, PVDF trong khoảng đường kính từ OD 50 - 160mm.

- Máy có khung bằng hợp kim nhôm chắc chắn với hai bộ kẹp có thể quay quanh trục của nó góc 15°, giúp dễ dàng gia công các cút góc
- Bệ máy chắc chắn với trục dẫn dọc theo bệ máy, có bánh tay quay được đỡ bằng trục bi, giúp di chuyển các bộ kẹp ống theo trục dẫn nhanh
- Máy hàn được thiết kế gọn nhẹ, chắc chắn, thích hợp thi công tại các vị trí có không gian hẹp ngoài công trường
- Máy bào ống có công suất 950W/230VAC được thiết kế tối ưu và đơn giản trong vận hành
- Bộ gia nhiệt có công suất 800W/230VAC với lớp chống dính cao cấp, có đèn báo và bộ điều chỉnh nhiệt độ, nhiệt độ được điều chỉnh chính xác theo tiêu chuẩn hàn DVS2208
- Máy được bảo vệ trong hộp, khi hàn cho chất lượng mối hàn cao nhất.

WIDOS MINIPLAST 2 - MÁY HÀN ĐỐI ĐẦU MINI CHO ỐNG PE, PP, PVDF Size OD20 - 110mm

MINIPLAST 2 là máy hàn đối đầu mini dùng cho các ống và phụ kiện PE, PP và PVDF tại công trường và tại xưởng với đường kính từ OD 20-110mm. Máy có hai bộ kẹp bằng nhôm hợp kim lớn với các bộ nối giảm để hàn các ống với size khác nhau. Khi cần hàn các phụ kiện ngắn, có thể thay các bộ kẹp mỏng hơn

- Các bộ kẹp ống có thể quay một góc 15° mỗi bên để gia công các phụ kiện, có thể mở rộng để hàn Tee và Elbow 90°
- Máy hàn nhỏ gọn, nhẹ, có thể xách tay ngoài công trường
- Phù hợp thi công các vị trí có không gian thi công hẹp, các vị trí trên cao, sửa chữa các vị trí trên hệ thống có sẵn
- Bộ tời quay tay, giúp việc di chuyển và ép các bộ kẹp một cách dễ dàng và nhanh chóng khi thi công
- Máy hàn được sản xuất tại Đức cho chất lượng và độ tin cậy của mối hàn cao nhất

WIDOS 4911 - MÁY HÀN ĐỐI ĐẦU CHO ỐNG PE, PP, PVDF Size OD90 - OD355mm

WIDOS 4911 là máy hàn đối đầu để hàn các ống PE, PP, PA và PVDF và phụ kiện có đường kính OD 90 (3" IPS) tới OD 355mm. Máy có 02 trục dẫn trượt giúp các bộ kẹp có thể trượt dễ dàng trên hai trục. Máy ép thủy lực sẽ giúp di chuyển hai bộ kẹp ống bên phía phải của máy, giúp tạo lực ép và kéo trong quá trình hàn một cách chính xác.

- Bộ gia nhiệt có gờ treo trên trục máy để giữ ổn định quá trình gia nhiệt, bộ giá nhiệt có lớp chống dính cao cấp, bộ điều chỉnh nhiệt độ có hiển thị một cách chính xác, có đèn báo, nút đóng ngắt nguồn
- Máy bào ống cũng có gờ treo giúp định vị trên trục thân máy khi thao tác. Máy bào có động cơ quay với công tắc an toàn, khóa bảo vệ và công cụ tách vỏ bào tự động. Lưỡi bào được mài sắc cả hai cạnh để sử dụng được nhiều lần
- Máy hàn được sản xuất tuân thủ theo tiêu chuẩn hàn DVS, đảm bảo chất lượng mối hàn cao nhất.

Các bộ phận máy hàn đều dễ dàng bảo dưỡng và thay thế

WIDOS 6113 - MÁY HÀN ĐỐI ĐẦU ỐNG PE, PP, PVDF Size OD315 - OD630mm

- WIDOS 6113 có kết cấu chắc chắn dùng để hàn đối đầu ống PE, PP, PA, PVDF với các size từ OD315 (12"IPS) - 630mm (24"IPS). Lực ép cực đại lên tới 1733 daN tại 100bar, áp suất ép cực đại xấp xỉ 160bar. Bộ kẹp ống gồm 02 bộ kẹp cố định và 02 bộ kẹp di động tại hai đầu máy hàn.
- WIDOS 6113 được trang bị bộ ép thủy lực giúp điều khiển lực ép chính xác với các bộ kẹp di
- Bộ phận gia nhiệt có gá treo trên trục máy, được phủ lớp chống dính cao cấp, được trang bị bộ điều chỉnh nhiệt độ với màn hình hiển thị, đèn báo, nút on/off và cáp nối với ổ cắm chống sốc
- Bộ giao bào ống cũng được trang bị gá treo trên trục máy, đĩa quay điều khiển điện, khung đĩa bào bằng nhôm hợp kim, kèm công tác an toàn nhỏ, khóa hoạt động và tự động loại bỏ vỏ bào
- Dao bào ống được mài sắc cả 02 cạnh giúp tăng độ bền và thời gian hoạt động, giảm thay thế dao
- Máy hàn sản xuất tại Đức, theo tiêu chuẩn DVS, chất lượng cao nhất, độ bền cao, hoạt động ổn định.
- Dễ dàng bảo dưỡng và thay thế các bộ phận máy khi cần

AGRU SP 63 Mobile - MÁY HÀN HỒNG NGOẠI LƯU ĐỘNG ỐNG PP, PVDF, ECTFE

AGRU SP 63 Mobile là máy hàn ống nhựa PP, PVDF, ECTFE theo phương pháp hàn hồng ngoại với các ống nhựa size nhỏ đến 63mm. Máy được sản xuất tại áo, tuân thủ các tiêu chuẩn cao nhất về hàn hồng ngoại ống nhựa.
- Máy nhỏ, gọn, nhẹ rất phù hợp để di chuyển trong quá trình thi công
- Các thông số của mối hàn được lưu trong máy, có thể xuất ra thẻ nhớ USB hoặc in ra
- SP 63 tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn hàn hồng ngoại với các size ống từ OD20-OD63
- Lĩnh vực ứng dụng: Dược phẩm, Sinh học, bện viện, phong thí nghiệm, thực phẩm - đồ uống....

AGRU SP 110S - IR-welding Machine for OD 20 mm -OD 110 mm PE 100, PP, PP-n, PVDF, ECTFE, PFA

SP-110S là máy hàn hồng ngoại (Infrared Welding) nhằm mang đến cho khách hàn phương pháp hàn ống nhựa hiện đại theo phương pháp hàn đối đầu không tiếp xúc với độ chính xác cao, thông số hàn được điều chỉnh tự động nên chất lượng mối hàn rất cao và sạch, thời gian hàn ngắn, nên rút ngắn đáng kể thời gian thi công, lắp đặt hệ thống đường ống
- Mối hàn có gờ tạo thành rất nhỏ so với phương pháp hàn đối đầu thông thường
- Quá trình hàn hoàn toàn tự động tuân thủ theo tiêu chuẩn DVS 2207-6
- Bộ điều khiển quá trình hàn đồng thời lưu trữ thông số các mối hàn có thể xuất ra máy tính
- Thích hợp để hàn các ông PE, PP, PP-n, PVDF, ECTFE, PFA của AGRU và các hãng sản xuất khác
- Thiết kế gọn nhẹ để thi công dễ dàng tại xưởng, công trường, hoặc trong phòng sạch
- Nguồn cấp: 220VAC
- Dải ống hàn: OD 20mm (1/2") - OD 110mm (4")

AGRU SP 250S & SP 315S - IR-welding Machine for OD 20 mm -OD 110 mm PE 100, PP, PP-n, PVDF, ECTFE, PFA

SP-250S và SP-315S là hai dòng máy hàn hồng ngoại (Infrared Welding) để hàn các ống có Size lớn hơn so với máy hàn SP-110S. Đây là phương pháp hàn ống nhựa hiện đại theo phương pháp hàn đối đầu không tiếp xúc với độ chính xác cao, thông số hàn được điều chỉnh tự động cho chất lượng mối hàn cao nhất
- Mối hàn có gờ tạo thành rất nhỏ so với phương pháp hàn đối đầu thông thường
- Quá trình hàn hoàn toàn tự động tuân thủ theo tiêu chuẩn DVS 2207-6
- Bộ điều khiển quá trình hàn đồng thời lưu trữ thông số các mối hàn có thể xuất ra máy tính
- Thích hợp để hàn các ống PE, PP, PP-n, PVDF, ECTFE, PFA của AGRU và các hãng sản xuất khác
- Thiết kế gọn nhẹ để thi công dễ dàng tại xưởng, công trường, hoặc trong phòng sạch
- Nguồn cấp: 220VAC
- SP-250S: hàn ống size OD 110mm (4") - OD 250mm (10"); SP-315S: size OD 110mm (4") - OD 315mm (10")

AGRU SP 110B - Beadless Welder for PP, PP-n, PVDF, ECTFE, PFA

SP 110B là máy hàn không vết dùng để hàn ống và phụ kiện nhựa với chất lượng cao nhất so với các công nghệ hàn ống nhựa khác, mối hàn sau khi hàn bằng máy SP 110B sẽ nhẵn cả bên trong và ngoài, không có gờ đáp ứng được các yêu cầu cao nhất trong các ngành công nghiệp yêu cầu sạch như: dược phẩm, sinh học, y tế, bán dẫn - điện tử, thực phẩm...
Các ưu điểm chính:
- Quá trình hàn được điều khiển tự động hoàn toàn, dữ liệu mối hàn được lưu trữ đầy đủ và xuất ra máy tính, máy in
- Thông số hàn được nhập tự động bằng barcode, mối hàn không có vết, gờ đáp ứng được các tiêu chuẩn cao nhất
- Quá trình hàn được tự động hóa hoàn toàn, thi công dễ dàng và nhanh chóng.
- Dùng để hàn các vật liệu đường ống PP, PP-n, PVDF, ECTFE, PFA
- Size ống hàn được: OD 20mm - OD 110mm
- Ứng dụng chính: sản xuấtd dược phẩm, y tế, thực phẩm, bán dẫn - điện tử, hóa chất, và các ứng dụng đòi hỏi độ tinh khiết cao

AGRU EF-110B - Electrofusion Welder for PP, PVDF

EF-110B là máy hàn điện cực dùng cho các phụ kiện PP, PVDF của AGRU với các Size từ OD 20mm - OD 63mm, SDR21. Ưu điểm lớn nhất của hàn điện cực PP, PVDF là thời gian hàn nhanh, thi công, vận hành đơn giản, do quá trình hàn được tự động hoàn toàn, mối hàn không bị gờ, vết ở bề mặt trong của ống (bề mặt trong của mối hàn nhẵn). Quá trình hàn điện cực bằng máy hàn EF-100B có thể sử dụng hoặc không sử dụng bóng Silicon bên trong, nếu sử dụng bóng Silicon đặt bên trong thì bề mặt mối hàn phía trong sẽ nhẵn tuyệt đối sau khi hàn, không có gờ, rãnh sau khi hàn, khi đó mối hàn sẽ hoàn toàn đáp ứng được các tiêu chuẩn an toàn nhất trong các ứng dụng yêu cầu siêu sạch như y tế, dược phẩm, bán dẫn - điện tử, thực phẩm - đồ uống.
Dữ liệu hàn được lưu trữ trong máy và hoàn toàn có thể xuất ra USB hoặc máy tính.
Người vận hành có thể được cấp thẻ từ để vào ID mở máy trước khi thi công để đảm bảo an toàn và kiểm soát.
Máy hàn gọn nhẹ, nên có thể thi công tại những địa điểm trên cao hoặc trong không gian hẹp

DR-1000 Máy Hàn Khí Nóng Cầm Tay Đặc Biệt Cho Nhựa PFA, FEP, ECTFE, PVDF - Vulkan (Thụy Sỹ)

- DR-1000 là máy hàn khí nóng cầm tay để hàn và thi công nhựa tấm, ống, thanh để chế tạo các thiết bị, bồn, bể nhựa. Máy hàn được thiết kế nhỏ, gọn để có thể thi công tại xưởng hoặc tại công trường đều được.
- Ưu điểm nổi bật của máy hàn DR-1000 là nhiệt độ hàn đạt tới 600ºC, ± 3ºC, do vậy có thể hàn được mọi loại nhựa, bao gồm cả những loại nhựa cao cấp khó thi công như PFA, FEP, ECTFE
- Thiết kế nhỏ, gọn, bao gồm nhiều mũi hàn do vậy dễ dàng thi công, ngay cả tại những vị trí có không gian hạn hẹp Nguồn cấp: 220VAC (Điện áp 110V nếu yêu cầu)
- Có thể lựa chọn thêm các Option như đèn Spot light, filter để đảm bảo cấp khí sạch giúp đảm bảo chất lượng mối hàn Máy hàn chất lượng cao, bền do được sản xuất tại Thụy Sỹ với các yêu cần chất lượng nghiêm ngặt

Extrusion Welding - Máy Hàn Đùn MUNSCH (Đức) Nhựa PVC, CPVC, PE, PP, PVDF, ECTFE, PFA

- Máy hàn đùn nhựa MUNSCH với chất lượng cao, được sản xuất tại Đức với khả năng cơ động cao, rất phù hợp để hàn và gia công bồn, bể, quạt hút, hệ thống hút mùi, thông gió trong các lĩnh vực công nghiệp
- MUNSCH cung cấp nhiều loại máy hàn đùn nhựa, đa dạng về công suất và vật liệu hàn được, các thông số hàn được lập trình sẵn, phù hợp với các vật liệu, chủng loại que hàn và các điều kiện vận hành.
- Máy thổi khí nóng hàn được thiết kế đặc biệt, đảm bảo hoạt động lâu bền
- Đế hàn có thể quay 360º giúp thi công thuận tiện, nhiều loại đế hàn để lựa chọn
- Nguồn cấp: 220 VAC
- Máy đi kèm với hộp đựng máy chắc chắn, để đặt máy thuận tiện trong quá trình thi công
- Xuất xứ: Đức

RITMO BUTT WELDING MACHINES - MÁY HÀN ĐỐI ĐẦU RITMO ITALY

Vật liệu hàn:	HDPE - PP - PB - PVDF
Size hàn:	OD40mm - OD160mm; OD63mm - OD200mm; OD75mm - OD250mm; OD90mm - OD315mm; OD125mm - OD355mm; OD200mm - OD500mm; OD280mm - OD630mm; OD500mm - OD800mm; OD630mm - OD1000mm; OD710mm - OD1200mm; OD800mm - OD1600mm;
Kiểu hoạt động:	Manual; Semi-Auto Control; Full-Auto Control
Nhiệt độ hàn:	180°C ÷ 280°C, nhiệt độ được cài đặt và điều chỉnh tự động
Nguồn cấp:	230 VAC 50/60 Hz
Xuất xứ:	Italy

RITMO SOCKET WELDING MACHINES - MÁY HÀN SOCKET RITMO ITALY

Vật liệu hàn:	HDPE - PP - PPR - PB - PVDF
Size hàn:	OD20mm - OD63mm; OD63mm - OD125mm; OD20mm - OD125mm;
Kiểu hoạt động:	Manual; Semi-Auto Control;
Nhiệt độ hàn:	260° C ± 10° C; 180° ÷ 290° C
Nguồn cấp:	230 VAC 50/60 Hz
Xuất xứ:	Italy

RITMO EXTRUSION WELDERS - MÁY HÀN ĐÙN NHỰA RITMO ITALY

Vật liệu hàn:	HDPE - PP - PVDF
Que hàn:	Ø 3mm - 4 mm - 5mm
Công suất ra:	2,2kg/h; 3,2kg/h; 4kg/h; 5kg/h
Độ dày tấm nhựa:	1,5mm - 40mm
Nguồn cấp:	230 VAC 50/60 Hz
Xuất xứ:	Italy

RITMO ACCESSORIES - PHỤ KIỆN THI CÔNG RITMO ITALY

Phụ kiện hỗ trợ thi công đường ống nhựa RITMO để giúp quá trình thi công đường ống được thực hiện dễ dàng và đúng yêu cầu chất lượng, bao gồm:
Pipe Cutters: Dao cắt, kìm cắt ống nhựa với nhiều Size và độ dày ống khác nhau
RID - internal debeader: Dao cạo tách bỏ đường gân hàn bên trong đường ống
RED - external debeader: Dao cạo tách bỏ đường gân hàn bên ngoài đường ống
Rollers: Đỡ ống thanh cuộn
Pipe Scrappers: Dao bóc lớp vỏ ngoài ống HDPE dùng cho hàn điện
Aligners: Bộ kẹp định vị đường ống hỗ trợ hàn
Bevelers, Chamfers: Dao vát mép ngoài ống để hỗ trợ hàn Socket
Squeezers: Công cụ kẹp, chặn đường ống

Một số dự án đã thực hiện

Một số dự án đã thực hiện

Một số dự án đã thực hiện

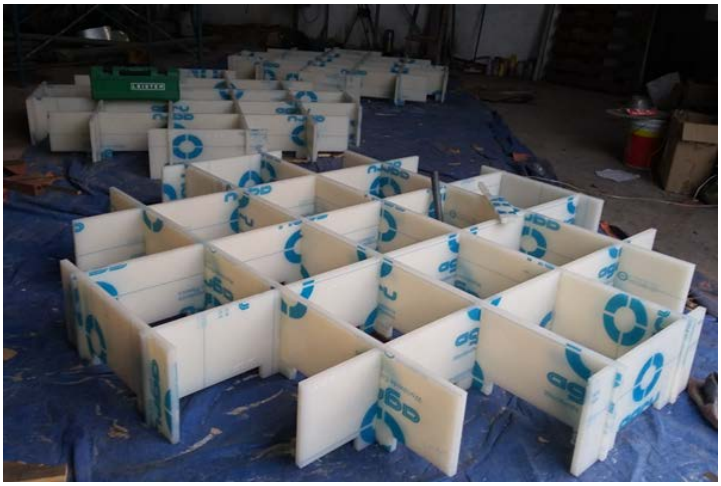

ONE STOP SHOPPING - PLASTIC PIPING SYSTEMS

SDT sở hữu hệ thống kho hàng gần 1000m2 tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh và lượng hàng lưu kho lớn, đa dạng chủng loại vật liệu như UPVC, CPVC, PP, PVDF, PE, HI-PVC, HT-PVC, HP-CPVC với đầy đủ kích cỡ (từ DN8 đến DN200) và tiêu chuẩn (ASTM, JIS, DIN), cho phép SDT đáp ứng tốt nhất và nhanh nhất tiến độ cấp hàng cho các dự án với giá cả cạnh tranh nhất. Đây là một lợi thế giúp SDT ngày càng chiếm trọn niềm tin của khách hàng để trở thành nhà cung cấp lớn nhất và đa dạng nhất về vật tư đường ống nhựa cho các ứng dụng công nghiệp tại thị trường Việt Nam.

SPEARS® MANUFACTURING CO.
CORPORATE OFFICE
15853 OLDEN STREET • SYLMAR, CALIFORNIA 91342
MAILING ADDRESS: P.O. BOX 9203 • SYLMAR, CALIFORNIA 91392
Telephone (818) 364-1611 • Fax (818) 362-1396
www.spearsmfg.com

To Whom it May Concern,

Please be advised that the following company is the sole authorized distributor of industrial piping products produced by SPEARS MFG CO. in the Socialist Republic of Vietnam:

SDT Group Co. Ltd
Hanoi Office, Him Lam Business Center
21st Floor, Capital Tower, 109 Tran Hung Dao St.
Hoan Kiem District
Hanoi, Vietnam

Kindly extend to them all courtesies on behalf of SPEARS MFG CO.

Very truly yours,

Gary Eal
Director of International Sales

ASAHI YUKIZAI CORPORATION
World Trade Center Bldg., 20F, 4-1 Hamamatsu-cho 2chome, Minato-ku, Tokyo 105-6120, Japan
TEL: +81-3-3578-8001 FAX: +81-3-3578-8006 http://www.asahi-yukizai.co.jp/en/index.html

ASAHI YUKIZAI

Tokyo, 30th August, 2016

DISTRIBUTOR CERTIFICATE

This is to certify and confirm that we have appointed our Officially Approved Authorized Distributor in the market of Vietnam as noted below.

Name & Address of Distributor
SDT GROUP CO., LTD.
No. 21, Lane 105/33 Doan Ke Thien Street, Cau Giay District,
Hanoi, Vietnam
Tax code : 0102705369
Tel : (84-4) 3792 1548
Fax : (84-4) 3792 1549
Attn: Mr. David Wang

We would be, therefore, much obliged if you will kindly approve them to be Vendor Listed in your Company as our officially approved supplier of "Asahi AV" Thermoplastic Piping Materials in the market of Vietnam.

Specific Names of Products
- "Asahi AV" Brand U-PVC Pipes, Fittings and Valves
- "Asahi AV" Brand HP-PVC Pipes, Fittings and Valve [High-Purity=U-PVC for Ultra-Pure Water Application or, Lube-Free & Dry-Packed for Ultra-Pure Water Application]
- "Asahi AV" HT-PVC [High-Temperature=Chlorinated PVC] Pipes, Fittings and Valves
- "Asahi AV" Brand Thermoplastic Valves, Pipes and Fittings of other than those specifically stated above

This certificate is valid from 1st September 2016
Thanking you in advance for your kind attentions and in the meantime, we assure you of our utmost best at all time.

Yours faithfully,

Kazuhito Hidaka
Manager of AV Global Department

SHIE YU MACHINE PARTS IND. CO., LTD.
NO.8, WEI-LIU ROAD, WU CHI DISTRICT, TAICHUNG, 43541, TAIWAN
TEL : +886-4-26595588 FAX : +886-4-26595589
WEB SITE : www.shieyu-valve.com.tw E-MAIL : shivalve@shivalve.com.tw

To whom it may concern,

We, Shie Yu Machine Parts Ind. Co., Ltd., would like to inform that the company below is our distributor for industrial plastic piping products in the Socialist Republic of Vietnam:

SDT GROUP CO. LTD.
Floor 21st, Him Lam Business Center, Capital Tower,
No. 109 Tran Hung Dao Street, Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. Vietnam

Yours Truly,

Lisa Hsu
International Sales Dept., Manager

agru
Competence in Plastics

AGRU Kunststofftechnik GmbH
Ing.-Pesendorfer-Straße 31
4540 Bad Hall, Austria
Europe

T +43 7258 7900
F +43 7258 3863
office@agru.at
www.agru.at

To whom it may conern

Date: 27.4.2015
Sign: L
Contact: Albert Lueghamer
Phone: +43 7258 790-325
E-Mail: L@agru.at

We, AGRU Kunststofftechnik GmbH, would like to inform that the company below is our appointed distributor for our piping system and approaching projects for our plastic piping products and solutions in the Socialist Republic of Vietnam:

SDT GROUP CO. LTD.
Floor 21st, Him Lam Business Center, Capital Tower,
No. 109 Tran Hung Dao Street, Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. Vietnam

Yours Truly,

AGRU Kunststofftechnik GmbH

Albert Lueghamer
(Senior Sales Manger)

Firmenbuchnummer: 171838z
Firmenbuchgericht: LG Steyr

Bank Austria Kreditanstalt
IBAN: AT94 1200 0802 1304 1600 | BIC: BKAUATWW

WELD-ON
IPS CORPORATION

AUTHORIZED DISTRIBUTOR CERTIFICATE

We hereby certify that Messrs. SDT Technology Development Support Company Limited is an Authorized reseller of genuine Weld-On™ products for the territory of: Vietnam

Fabio Castellani
International Sales and Marketing Director
Weld-On Division – IPS Corp.

P.O. Box 379 Gardena, CA 90248 U.S.A. • 455 W. Victoria Street, Compton, CA 90220 U.S.A.
Tel: (310) 898-3300 • Toll Free: (800) 421-2677 • Fax: (310) 898-3390 • Web Site: www.ipscorp.com

REED
PIPE TOOLS & VISES
SINCE 1888

REED MANUFACTURING COMPANY
1425 West 8th Street, P.O. Box 1521
Erie, Pennsylvania USA 16512-1521
Phone: 800-666-9881 or 814-452-3691
Fax: 800-456-1697 or 814-455-1697
www.reedmfgco.com

Letter of Authorization

I, Scott K. Wright, President of Sales and Finance with REED Manufacturing Company, 1425 West Eighth Street, Erie, Pennsylvania 16512 USA, do hereby state that Cong Ty Tnhh Ho Tro Phat Trien Cong Nghe SDT (SDT Technology Development Support Company Ltd.), with offices in Hanoi and Ho Chi Minh City, is an authorized REED distributor within the country of Viet Nam and, as such, they have authority to sell, receive orders for, and provide service/support on behalf of REED Manufacturing for our entire product line.

Scott K. Wright,
President
Sales & Finance

3-08-2016
Date

120 1896 2016 AND BEYOND

INCORPORATED 1902 REED PIPE TOOLS & VISES SINCE 1888 ERIE, PA USA

120 YEARS OF PRODUCT INNOVATION

PLAST-O-MATIC VALVES, INC.

October,20th 2013

To Whom It May Concern:

We are pleased to inform that:

SDT Group Co., Ltd.
Hanoi Office: Him Lam Business Center
21st Fl., Capital Tower, 109 Tran Hung Dao St., Hoan Kiem Dist., Hanoi
Tel: (+84 4) 3792 1548 Fax: (+84 4) 3792 1549
Ho Chi Minh City Office: 4th Fl., Indochina Park Tower
4th Nguyen Dinh Chieu Street, Da Kao Ward, Dist. 1, Ho Chi Minh City
Tel: (+84 8) 7304 5155 Fax: (+84 8) 2220 0823

Is a Distributor of Plast-O-Matic Valves in Vietnam.

Ingrid FERNANDEZ
Assoc. Mgr.- International Marketing

PLAST-O-MATIC VALVES, INC.
1384 POMPTON AVE.
CEDAR GROVE, NJ 07009

1384 Pompton Ave., Cedar Grove, NJ 07009 • (973) 256-3000 • FAX: (973) 256-4745 • www.plastomatic.com

CERTIFICATE OF DISTRIBUTORSHIP

AWARDED TO

SDT Technology Development Support Co., Ltd
No.21, Lane 105/33 Doan Ke Thien Str.,
Cau Giay Dist.,
Hanoi, Vietnam
In recognition of being an official distributor
for
Primary Fluid Systems Inc.
Canada

Awarded this _1st__ day of __January____, 2016__

Brian Boles, Export Manager

UPVC, PP, CPVC, PPG and PVDF

SDT
Plastic Piping Systems

NSF

ISO 9001

Acid Proof
Alkali Proof

Your distributor:

SDT TECHNOLOGY DEVELOPMENT SUPPORT CO. LTD.

Hanoi Office: Him Lam Business Center, 21st Fl., Capital Tower, 109 Tran Hung Dao Str. Hoan Kiem Dist., Hanoi, Vietnam
Tel : (84-4) 3792 1548 Fax : (84-4) 3792 1549
Warehouse & Logistic in Hanoi: Kho F, TT Dich Vu Co Dien, Km12 Ngoc Hoi Street, Thanh Tri District, Hanoi

HCMC Office: INDOCHINA Park Tower, 4 Nguyen Dinh Chieu Str., Dakao Ward, District 1,Ho Chi Minh city, Vietnam
Tel : (84-8) 3620 0949 Fax : (84-8) 3620 0948
Warehouse & Logistic in HCMC: A27 Bis, To Ky Street, Trung My Tay Ward, Dist. 12, HCMC

Web: www.sdt.com.vn Email: support@sdt.com.vn
Hotlines: 093 2324 036 (HN-Dzung); 091 999 1188 (HCMC-Hung)